

1^{re} ANNÉE, N° 1.

JANVIER 1918.

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

Organe de propagande de la pensée française

大哉輯誌

ĐẠI VIỆT TẬP CHÍ

MỖI THÁNG XUẤT BẢN MỘT KỶ

Giá mỗi số : 0 \$ 50

TỔNG-TÀI

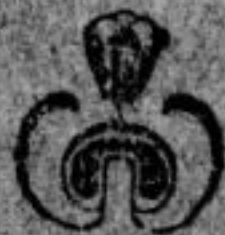
LONGXUYÊN KHUYẾN-HỌC HỘI

QUẢN-LÝ

NGUYỄN-VĂN-CU

CHỦ-BÚT

Chánh-trị khoa	THÚC-THANH, LÊ THỊ.
Lý-tài khoa	BIỂU-CHÁNH, HỒ THỊ.
Bát-học khoa	ĐÌNH-CHI, NGUYỄN THỊ.
Đông Tây thời vụ	THƯỜNG-TIÊN, LÊ THỊ.
Âu Á từ-đàng	THÚC-LIÊNG, ĐẶNG THỊ.



SAIGON

IMPRIMERIE NOUVELLE A. PORTAIL

1918

le 3 avril 1918

Jo. 71799

YẾU MỤC

	Số trang
Chính-trị khoa.	1° Quảng cáo đồng nhơn..... 1
	2° Việt-Nam chánh trị lược biên... 7
	3° Nam-Kỳ chánh sách..... 17
	4° Đông-Dương hiệp chúng..... 23
	5° Niết-ty sự vụ..... 26
Lý-tài khoa.....	1° Đại-Việt tài nguyên..... 27
	2° Nông vụ 30
	3° Nông nghiệp giáo dục 44
	4° Đông-Dương sản vật xuất dương. 48
Bát-học khoa.....	1° Pháp luật 55
	2° Thương vụ luật lệ 57
	3° Địa Lý học 65
	4° Đại-Pháp văn-minh lược biên 71
Đông tây thời vụ.	1° Âu-châu chiến sử. 75
	2° Chuyện thích khách hoàng Thái-tử François Ferdinand. .. 82
	3° Âu-chiến danh tướng..... 84
	4° Thời vụ..... 87
Âu Á từ đàn.....	1° Văn..... 89
	2° Thi. 91
	3° Phú 93
	4° Ca 95
	5° Kịch xã..... 96
	6° Chuyện Gia-Đi..... 97
	7° Tiểu tự điển..... 102

GIÁ BÁN TẬP CHÍ

Một năm..	5 \$ 00
Sáu tháng.....	3 00
Mỗi số.....	0 50

Ai mua Tập-chí hoặc muốn biên luận việc chi thì xin gửi bạc hay là thư cho M. Nguyễn-văn-Cur, Quản-lý Đại-việt tập-chí tại Longxuyên (Cochinchine).

Những bài gửi đến xin ấn hành vào tập chí, nếu bọn-quản xét in hăng tiện, thì chủ gửi không phép đòi bọn thảo lại.

Ai muốn lấy những bài có ấn hành trong tập-chí này mà in vào đâu, thì trước phải xin phép chủ-bút nào viết bài ấy đó.

Còn như lấy ý-kiến trong bài đó mà luận lại, thì phải chỉ rõ căn nguyên bài ấy mới được.

THƯỢNG ĐẲNG DƯỢC PHÒNG G. RENOUX

NHỨT HẠNG BÀO-TÊ-SU

Ở ngang nhà hát Tây. — Saigon
Tiệm củ của ông **HOLBÉ** và **RENOUX**

Y-khoa dược liệu đủ thứ, Vật liệu để bào chế thuốc, Vật liệu để dùng chụp hình. Đồ tiện dụng cho người Langsa và người ngoại-quốc, Đồ phụ tùng cho nhà bào chế thuốc, Đồ phụ tùng về máy chụp hình, Kiện và giấy để chụp hình, Đồ để dùng bó rịt, Dầu thơm thượng hạng đủ thứ, Dầu mắng (Bạc-hà) thượng hạng.

Thuốc nước hiệu **R.** để dùng mà bỏ nha phiến của ông **Holbé** chế ra. Như vị nào có mua thuốc của Thượng-đẳng Dược-phòng **G. Renoux** thì phải nài cho có cái nhãn hiệu **Xích-long** (con rồng đỏ).

P. S. — Nếu vị nào có gởi thư xin thì nhà Thượng-đẳng Dược-phòng **G. Renoux** sẽ gởi cho không một cuốn *Dược-tánh-lược-biên* có chỉ rõ cách dùng các thứ thuốc.

Tiệm bán hàng Bắc

ĐÀO-HUÔNG-MAI

Tiệm cái ngoài Hanói, số 52. phố Hàng-trống.
Tiệm ngành ở Saigon, số 151, đường Catinal và số 145, đường Schræder (Chợ Bến-thành-mới)

Có bán đủ các thứ đồ cần, đồ thêu, đồ đồng, đồ kiểu, tơ lụa, hàng giẻ, bồ may mùng, nón tây, giày ta, các thứ trà và bàn ghế bằng cây trắc, cây gỗ, mặt đá của thợ annam ta làm rất khéo. vân vân...

Mới có một cái dường bằng cây trắc cần vân-mẫu, ở Bắc-kỳ đem vô, rất đẹp, giá là : **800, 00.**

XIN KÍNH MỜI.

NHÀ CỬ MICHEL.

L. CAFFORT kê nghiệp

Đường Catinal môn bài số 32, 34, 36, 38 — Saigon.

Súng bắn chim .

Plus solide que l'Acier



**PNEU
HUTCHINSON**



Longines
5 Grands Prix

Hors Concours
Chez les BONS HORLOGERS

GIÁ RẺ LẮM, ÍT TIỆM BÌ KỊP !

SẼ GỢI VÀO LỤC-CHÂU CÁCH MAU LẼ.

KHÍ GIẢI. THUỐC
ĐẠN ĐỦ THỦ
đồ phụ tùng
sẵn bắn

Xe máy đạp hiệu
“ALCYON” và hiệu
“SPHINX” (nhà
Caffort đại diện
cho hai hiệu này
ở Nam-kỳ). Đồ
phụ tùng xe máy
đạp (là vỏ xe,
ruột xe, đèn, ống
thực, v. v.).

ĐỒ NỮ TRANG
đồ vàng lệ và đồ
bằng bạc, đồng
hồ đủ thứ, đồng
hồ trái quít hiệu
“LIP”.

Chuyên đeo cổ,
mê - đai, mê - đai
đồng cho người
Annam dùng. Vàng
đỏ có giây làm
chừng 18 Carats.

REVUE DE L'INDOCHINE

ĐẠI VIỆT TẬP CHÍ

大越輯誌

CHÁNH-TRỊ KHOA

Quảng cáo Đồng nhơn

Cho hay, xưa nay nước nào cũng có một *chánh-thể* riêng, *dân-tộc* nào cũng có một *tư-cách* riêng, *triết-học* gia nào cũng có một *tư-tưởng* riêng, *báo-quán* nào cũng có một *tôn-chỉ* riêng. Chúng tôi đứng lập ĐẠI-VIỆT-TẬP-CHÍ này, tuy chẳng dám khoe tài công báo, song cũng học đòi theo dấu tiền nhơn, cũng có sắp *tôn-chỉ*, về *chương-trình* riêng, dặng noi lối mà nói, giữ đường mà đi cho khỏi lẫm khỏi lạt.

Trộm nghĩ quốc-dân Việt-Nam ta chẳng phải là bọn ăn góc biển, ngủ đầu rừng như dân da-đen Nam-phí-Châu, mà cũng chẳng phải sớm rẻ bạn tối vầy đoàn như dân gia đố Tân-thế-Giới. Quốc-dân ta tuy chưa đủ tài đủ trí mà thọ lãnh tiếng văn-minh, song ngoài một ngàn năm xưa, vẫn đã có học thức đủ mà sáng nghiệp trị dân, hiểu đạo đức sáng mà trau dồi nhơn-cách. Thế thì Việt-Nam ta nào có phải là nước giã-man chi đầu. Trong chừ quốc nay chúng ta thấy phú cường hoành liệt đó, xét theo *Dinh-hoàn* thiết-sử, thì cái lúc Việt-Nam ta nhơn-cách đã tập thành rồi, mà nhiều nước ấy

hãy còn u ám. Tại sao khi trước người ta u ám hơn mình mà nay mình lại ra u ám hơn người? Cái vấn-đề này hễ nhắc đến, thì những người có chí nhiệt-thành về phần tấn-hóa của dân-tộc, ai mà chẳng nát ruột châu mày. Đã biết đều buồn chẳng nên nói đến làm chi; mà xét kỹ, nếu sự buồn chẳng chịu nói ra, thì chỗ buồn ấy chừng nào mới giải được.

Sự vận-động tấn-hóa là cái máy mẫu nhiệm của Tạo-vật, là cái bước tự nhiên của nhơn-loại. Dân-tộc nào khởi đoan cũng phải u ám rồi lần lần học thức càng ngày càng rộng, tư-tưởng càng ngày càng sâu, mới chế sửa lối phong-tục cho đẹp xinh, mới khai sáng cuộc lý-tài cho thanh vượng. *Việt-Nam* ta chẳng phải lọt ngoài cái lò vận-động của Tạo-vật ấy được, cũng có tấn-hóa như các nước chớ chẳng không. Quốc-dân ta mà thua sức người đây là chĩnh bởi cạnh-tranh khác sức, văn-minh lạ đường (bên Thái-Tây dùng cách trí thiết-hành làm văn-minh, bên Á-đông dùng đạo đức tinh thần làm hi-vọng).

Vả mười mấy thế-kỷ trước quốc-dân *Việt-Nam* vẫn đã có sẵn học-thức có sẵn nhơn-cách rồi. Mà từ ấy đến nay, chỗ học-thức ấy chẳng hay biến cải, còn lối nhơn-cách ấy cũng không hay chế sửa. Khi Sĩ-Vương đem sách vở Trung-Hoa qua mà dạy dỗ quốc-dân ta thì quốc-dân cứ noi sách ấy mà tập tư-tưởng, cứ vịnh sách ấy mà làm mục-dích. Mười ba kinh, hai mươi bốn sử đều là sách của Thánh-hiền để mà phổ hóa tâm-lý và tri-lực của loài người; ai mà tận độc rồi thì rất tiêu-diêu nơi đường đạo-đức. Cái Chánh-thể và cái nhơn-cách của *Việt-Nam* ta cũng nhờ ấy mà được đẹp đẽ xưa nay; vậy cũng nên nương gốc ấy cho quốc-hồn vĩnh cửu. Xét lại cái nho-học qui bấu biết đường nào. Chớ chi vận quốc được đồng tâm hiệp ý, thấy đều đem cái nho-học mà truyền dạy các dân-tộc trên địa-cầu, thì cái cảnh tượng thẳng bình biết thuở nào mà xao động được.

Ngặt trên thế kẻ vầy người khác, trong một ngàn mấy trăm năm đã qua rồi, quốc-dân ta thì cứ mải chuyên môn đạo-đức mà làm trí thức, còn các dân-tộc khác thì ngó chồn tranh-cạnh mà lập tinh-thần, niếu cuộc lý-tài mà làm tôn-chĩ. Ta thì lấy lời hiền ý thánh mà hóa dân, còn người thì đem bát-vật hóa-học mà dạy chúng. Thuở trước quốc-dân ta xăn bản trong nước, như người đóng cửa, ở trong nhà (bế quan tự trị) chẳng hay chẳng biết sự thế vận-động thế nào. Đến khi nhà nước Đại-Pháp qua lãnh quyền giáo hóa quê-hương ta, người bèn mở rộng các cửa ra ; khi ấy những trang thức-giã dòm thấy công cồ phong-chào, nhơn-quân tranh cạnh, mới biết chỗ học-thức của người mà mình đòi mãi bấy lâu chẳng thích hiệp với thời nghi chút nào hết.

Đại-Pháp bảo hộ và bình-chánh nơi đất Việt đã gần 60 năm nay, ghe phen đã đề ý muốn canh cải phần học-thức của quốc-dân ta, muốn gieo trồng giống thiết nghiệp nơi quê vức ta, đặt cho dân-tộc ta đủ trí-lực, đủ tài-sản mà lẫn-lộn cùng thời đại. Ngặt chánh-thể của xứ ta cũng có chỗ đáng khen, phong tục của người mình cũng có chỗ đáng mến. Nèn Chánh-phủ Đại-Pháp tuy hết lòng muốn giáo hóa quốc-dân ta, mà bấy nay dọn sửa chỗ này, sợ sai với chánh-thể xưa, muốn chế chỗ kia thì e nghịch cùng phong-tục cũ. Bởi rứa nèn mấy mươi năm nay quốc-dân gần gũi thầy Đại-Pháp là đáng văn-minh cực điểm, mà cái trình-độ của quốc-dân ta không được cao thêm bao nhiêu.

Trong ba năm nay Đại-Pháp ta vì đều công-lý, vì chỗ sanh-tồn, mà phải huyết chiến cùng Đức-quốc. Cả toàn-cầu những dân-tộc nào biết mến đều công-nghĩa thì thấy đều nhảy vào vòng mà tiếp chiến với Mầu-quốc ta. Quốc-dân ta là học trò của Đại-Pháp đã mần nòng vì nghĩa dạy bảo mấy mươi năm, nèn cũng ứng lên ; Kẻ thì sang Âu-địa giúp công, người ở nhà thì hết lòng giúp của. Đã biết chiến-cuộc là một

mối hại lớn của sanh-linh. Mà nếu nghĩ cho cùng lý thì quốc-dân ta cũng nhờ có chiến-cuộc mới có dịp mà tổ đạ trung thành với Mầu-quốc, và mới giải bớt được những phong-tục xưa nó bao trùm phần trí-thức và nó ràng buộc tánh vận-động dân-tộc ta hơn mấy thế-kỷ rồi.

Cũng nhờ dịp ấy Chánh-phủ Đại-Pháp mới rõ biết quốc-dân Nam-Việt cũng có lòng trung thành nghĩa đồng như dân-tộc khác, mới dòm thấy người Annam đã vầy vùng muốn thoát khỏi mô-phạm cũ, muốn bỏ hết tư-cách xưa, mà chen vai vào vòng tấn-hóa trên thế-giới. Chánh-phủ đoán quyết lúc này là lúc dân tâm dương nhiệt-thành, nên tính thừa cơ mà khai dân-trí, quân dân-tài, ngõ đặng đến khi bãi chiến rồi, cõi Á-pháp-lang (1) này sẵn sản-vật mà hưng vượng lý-tài, đủ trí-lực mà bảo toàn quyền-lợi.

Lấy trong hai bài diễn-thuyết của quan Tổng-thống Toàn-quyền *Albert Sarraut* đọc tại Nam-kỳ công-báo-hội ngày 30 Octobre 1917 và nơi Đông-Dương Chánh-phủ nghị-viện ngày 31 Novembre 1917 mà suy, thì đủ thấy Chương-trình Chánh-sách (2) của Chánh-phủ. Theo những lời ấy thì Chánh-phủ đương trù hoạch đem ngày đặng làm cho mau cao sâu chỗ học-thức của quốc-dân ta, mau rộng lớn cuộc lý-tài của què-vực ta, đặng đủ sức trước là giúp đỡ cho Mầu-quốc phú cường, sau nữa xứng đáng hưởng Đông-Dương tự chủ (3).

Chúng tôi đây vốn là kẻ đã chịu ơn dạy dỗ của nhà nước Đại-Pháp. Nay chúng tôi trộm thấy ý Chánh-phủ muốn Tây Nam liên lạc đặng deo giống văn-minh nơi đường Á-pháp-Lang. Chúng tôi chẳng lẽ lấp mát ngo tai cho đành. Vậy chúng tôi ra lập *Tập-chí* này là có ý muốn giúp cho Chánh-

(1) Á-pháp-Lang, nước Pháp nơi Á-Đông, la France d'Asie.

(2) Chương trình chánh sách. — Cách sắp đặt mà trị dân trị nước (Programme politique).

(3) Đông Dương tự chủ. — Minh trị lấy mình (Indochine autonome).

phủ trong đường khai hóa cõi Việt-Nam và lại giúp cho đồng-bang trong bước tấn hóa nơi thiết học.

Ấy là Tôn-chữ của chúng tôi đó. Còn Chương-trình của chúng tôi, thì chúng tôi cũng xin bày tỏ luôn ra sau đây cho Đồng-bang nhà giảm.

Chúng tôi lập ĐẠI-VIỆT-TẬP-CHÍ này chẳng hề dám sánh lòng viễn đại như ĐÔNG-PHƯƠNG TẬP-CHÍ bên *Trung-quốc*, hoặc tinh luận cao sâu như NAM-PHONG TẬP-CHÍ ngoài *Bắc-kỳ*. Chỗ chủ ý của chúng tôi thì tầm thường mà thôi; chúng tôi duy muốn buộc tình thân ái của Pháp-quốc với Việt-Nam, muốn truyền tư-tưởng mới, muốn tỏ môn thiết-học, ngõ giúp quốc-dân muôn một trong đường tấn hóa.

Nưng theo chủ ý đó nên chúng tôi mới chia *Đại-Việt-Tập-Chí* ra năm khoa;

1^o *Chánh trị khoa.*

2^o *Lý-tài khoa.*

3^o *Bát học khoa.*

4^o *Đông Tây thời-vụ.*

5^o *Ấu Ấm từ dăng.*

Khoa *Chánh-trị* thì chúng tôi đề mà cáo báo cho quốc-dân hay biết những lẽ luật, những châu-trị cùng những nghị định mới của Chánh-phủ ban hành mà phổ hóa cõi Việt-Nam và cũng đề mà trình tỏ cho Chánh-phủ thấu hiểu chỗ ham chỗ muốn của nhơn dân, ngõ dặng trên dưới thông tình cho mau lẹ bề tấn hóa.

Khoa *Lý-tài* thì chúng tôi đề mà luận những vấn-đề thuộc về thương-cổ, nông tang, công nghệ và bày tỏ chư môn thiết-nghiệp cho quốc-dân thông hiểu dặng đề mà khai quảng tài nguyên, cạnh tranh quyền lợi:

Trong khoa *Bát-học* thì chúng tôi phiên dịch những pháp-luật, địa-dư sử-ký, cùng những sách bát-vật, hóa-học, y-học, triết-học, v. v. dặng cho những người lớn tuổi và không tập

tân-học có thể mà phổ thông theo trí lực mới, theo tư-tưởng lạ, phòng hiểu máy vận động nơi Hoàn-vũ.

Đông Tây thời vụ là để ý cáo báo cho quốc-dân biết tin tức Âu-châu chiến cuộc cùng Trung-quốc sự tình và các thời sự lạ xảy ra trên Hoàn-cầu.

Âu Á từ đàng là để phiên dịch những Sữ, Sách, Truyện, Ký, Ca, Phú, Thi, Văn, của Pháp, Việt và Trung-Hoa, hoặc y cách điệu mà làm ra quốc-âm, song lựa lấy chỗ nào cho có quang hệ phong-hóa giáo-dục trong thời-dại mới này mà ngấm vịnh, lại có ý đòi sửa nôm na tom góp làm ra *Kinh-tế-quốc-văn* cho dễ dàng tiện, ngõ hầu bổ ích về tương lai.

Chương-trình Tập-chí chúng tôi sắp như thế. Mỗi khoa chúng tôi có đặt một Chủ-bút riêng. Năm Chủ-bút mỗi người lãnh phần quản-lý và nghị luận những vấn-đề thuộc khoa của mình. Những đấng văn-nhơn, Bát-sĩ trong Việt-Nam ông nào có chỗ kiến-thức chi quí, xin biên rồi gửi đến cho chúng tôi thì chúng tôi sẽ hoan-nginh mà ấn hành.

Cử chỉ của chúng tôi làm đây là chủ ý giúp ích cho quê-vực. Nếu Văn-nhơn, Bát-sĩ, Phú-hộ, Hào-gia, có lòng chiếu cố giúp cho hoàn-toàn sự ao-trước của chúng tôi thì Việt-Nam hạnh thậm, Quốc-dân hạnh thậm.

Longxuyen Khuyến-Học hội
ĐẠI-VIỆT-TẬP-CHÍ.

BIÊN TẬP GIẢ

Chánh-trị khoa; THỨC-THANH LÊ-THỊ
Lý-lài khoa; BIỂU-CHÁNH HỒ-THỊ
Bát-học khoa; ĐỊNH-CHI NGUYỄN-THỊ
Đông Tây thời vụ; THƯỜNG-TIÊN LÊ-THỊ
Âu Á từ đàng; THỨC-LIÊNG-ĐẶNG-THỊ

ĐỒNG PHI LỘ

VIỆT-NAM CHÁNH TRỊ

LƯỢC BIÊN

Nhơn vì nhờ phận sự tôi, nên tôi thường đăng dạo khắp chốn sơn lâm thôn tịch thường gần gũi người hương-xã, nông phu ; tôi từng dòm thấy sự thiếu học-thức của quốc-dân ta, tôi lấy làm thê thảm chẳng cùng. Dân sao mà trong đôi ba trăm người chẳng có đăng lấy vài người biết cho rõ dân-dạo, hiểu một thí dân-quyền là gì ? Than ôi ! Dân như vậy, làm sao mà tấn hóa mau, làm sao mà rõ cái tiền-trình của quê-vực cho đăng ?

Đã gần 60 năm nay, Đại-pháp đã hết lòng lo đem văn-học, hoá-học mà truyền dạy dân-tộc ta, mà sao cái tệ tôi nói trên đây còn lớn như vậy ?

Ấy là tại phần nhiều trong dân-tộc ta còn noi theo thói xưa, chịu theo tục cũ ; hễ làm dân thì không đăng tìm kiếm học hỏi đến việc Chánh-Trị ; còn Pháp-luật, của Chánh-phủ ban hành thì để một mình các quan-lại biết rõ mà thôi. Bởi vậy làm dân mà dân-dạo chưa rõ đăng một mảy, thì làm sao mà biết đăng dân-quyền là gì.

Cái tệ ấy nó đã đâm thắm trong nảo căn dân-tộc ta hơn hai ngàn năm rồi ; muốn trừ nó cho đăng chẳng phải là dễ, cùng chẳng phải mau đăng. Tuy chẳng dễ, chẳng mau mặc dầu, chớ hễ trên Chánh-pháp mở lòng khoan-nhơn lập Đại-học và Trung-học cho nhiều, cùng khai thêm Tiểu-học cho đông, như trong các lân-quốc, đăng truyền dạy Pháp-học cho dân-tộc ta cho mau, còn dưới hết thấy những người có thọ Pháp-giáo Nho-giáo đăng nhiều, đồng một lòng lo đem sự trí-thức của mình mà dạy bảo lại cho dân-tộc ta, thì dần dần chắc cũng trừ dứt đăng cái tệ ấy !

Nay quan Toàn-quyền Albert Sarraut đã khởi sự lập Đại-học và Trung-học tại Hà-nội rồi, mà ngài còn hứa chắc rằng ngài sẽ hết lòng chuyên lo mở rộng sự giáo-huấn trong cõi Đông-dương ta ra như Mầu-quốc vậy. Mà ngài đã hứa, thì chắc ngài chẳng bỏ qua. Ấy là phần của Chánh-phủ.

Còn phần của các đảng tri-thức bốn quốc phải lo làm làm sao mà giúp Chánh-phủ trừ cái tệ đã tỏ trước đây cho chóng ?

Theo trí mọn tôi nghĩ, phần ta trước hết phải ráng mà chỉ cho dân-tộc ta rõ cái dân-đạo là gì, sau lại dạy dân-tộc ta cho biết cái dân-quyền là sao ?

Mà trước muốn học cho rõ cái dân-đạo, thì phải hiểu một chút ít trong việc Chánh-trị.

Vì vậy, nên tôi chẳng ngại khó nhọc, tiềm kim mà lược biên cách Chánh-trị trong xứ Đại-Việt ta ra sau đây.

Phàm ở đời, muốn biết việc chi tốt xấu, việc chi hay dở thì phải so sánh hai vật hay là hai việc một loại với nhau. Nay muốn cho Quốc-dân rõ biết sự khoan-đại việc Chánh-trị của nhà-nước Đại-pháp, nơi đất Việt thì trước tôi xin lược biên cách Chánh-trị của nước Đại-Việt, trước khi nhà-nước Đại-pháp chinh-phục Nam-Kỳ. Vậy nên tôi phân bài Chánh-trị này ra làm hai chương:

1^e Chương thứ nhứt nói về Việt-Nam Chánh-trị trước năm 1860.

2^e Chương thứ nhì nói về Đại-việt Chánh-trị từ khi Đại-pháp chinh-phục Nam-kỳ cho đến ngày nay.

Từ đời vua Hồng-Bàng đến đời An-đương-vương (năm 257 trước kỷ-ngươn thì nhà Sữ-quán bốn-quốc chắc chưa có, nên trong Việt-Nam sữ-ký nói nhiều chuyện hoan-dàng lắm, không tin dặng. Vì vậy chẳng biết rõ việc Chánh-trị ra làm sao.

Nước Annam đến năm ấy, còn kêu là Văn-Lang. Khi An-dương-Vương là người Ba-Thục thâu phục Văn-Lang về Ba-Thục rồi đặt tên nước lại là Âu-lạc. Trong đời vua này, việc Chánh-trị cũng chưa rõ dặng.

Đến năm 206 trước Kỷ-ngươn, Triệu-Đà là một ông soái trong nước Trung-hoa, qua chinh phục Âu-lạc rồi nhập với lĩnh Quảng-dòng, Quảng-lây và Vân-nam, mà làm ra một nước, đặt tên là An-nam quốc.

Các vua đời nhà Triệu, chắc do theo Chánh-trị Trung-hoa mà cai trị nước Annam.

Đến năm 110 trước Kỷ-ngươn, nhà Triệu bị diệt, Hồng-Đế Hán-thế-Tông chinh phục nước Annam, rồi sai người Trung-hoa qua làm Tổng-Thống, chia nước Annam ra làm chín tỉnh mà cai trị.

Tới Đệ-nhứt thế-Kỷ năm 39, bà Trưng-Trắc vì thù chồng là Thi-Sách bị quan Tổng-Thống Tàu giết oan, tụ tập quân binh trong nước mà tru diệt quan tàn-bạo ấy, rồi đặt mình lên làm vua, hiệu là Trưng-Vương. Bà này trị vì được 3 năm, trong 3 năm ấy, chưa an bài dặng, kế bị binh Tàu chinh phục nước Annam lại nữa.

Từ đây Chánh-phủ Trung-hoa rõ biết rằng dùng thế lực mà trị quốc-dân ta thì chẳng bền vững, bền cho quốc-dân ta chung hưởng một dân-quyền với dân Tàu, nên người chiến thắng cũng kể bại tích, mới dặng binh dặng.

Chánh-phủ tuy khoan đại như vậy, mà nhiều quan Tàu còn tàn-bạo và ngược đãi dân tình, nên quốc-dân ta không lòng thiết phục.

Đến năm 187, Chánh-phủ đặt ông Nhiếp, vốn người Tàu mà sanh trưởng trong nước Annam, lên làm Tổng-Thống Việt-Nam. Trong sử kêu ngài là Sĩ-Vương, vì ngài đem nho-học,

triết-học và văn-học Tàu qua và hết lòng truyền dạy quốc-dân ta. Từ ấy, dân Annam, mới đặng thi cử chung với người Tàu và đặng dự vào việc Chánh-trị trong nước. Sĩ-Vương trị Việt-Nam đặng 39 năm, đến năm 226 ngài thăng hà.

Quan Tàu trị tới năm 543; ông Lý-Phỉ kêu là Lý-Bôn hiệp với các quan và các người nho sĩ bản-quốc đánh đuổi hết quan Tàu về Trung-hoa, rồi đặt mình lên làm vua hiệu là Lý-Nam-Đế.

Đời nhà tiền Lý này, trị đặng gần 60 năm. Đến năm 602, Tùy-dương-Đế sai Lưu-Phương qua diệt Lý-Phật-Tử mà chinh phục Annam lại một lần nữa, rồi qua năm 618, sáp tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây và Văn-nam về Trung-hoa và đặt tên nước Annam lại là Annam Đô-hộ-Phủ.

Trong đệ-tứ và đệ-ngũ Thế-Kỷ, cũng nhờ văn-học Trung-hoa khai hóa, nên dân-tộc ta bỏ chốn thâm sơn cùng cốc, lần xuống ở theo các sông rạch và trong đồng nội gần biển, rồi dần dần chiếm cứ đất của Chăm mà vào tới giáp tỉnh Quảng-nam.

Đến sau mới sửa tên nước Annam kêu lại là Annam Đô-hộ-Phủ, thì chia ra đặng làm 13 tỉnh.

Nhà nước Trung-hoa bá chiếm Việt-Nam luôn tới năm 931. Trong mấy mươi năm sau, quan Tàu ngược đãi quốc-dân quá lẽ, bắt xâu thuế nặng nề, lại hành phạt nhiều điều khổ sở lắm, nên trong nước có phản loạn hoài. Đến năm 931, hết thấy đều phản loạn hết một lần, tận tru quan Tàu, phục hườn nước Việt-Nam lại. Song không có người Thủ-trưởng nên mấy người có tài, mạnh ai nấy chiếm cứ đặng xứ nào thì cai trị xứ nấy. Vì vậy, chia Việt-Nam ra làm 12 nước nhỏ, mỗi nước có một ông Sứ-quân cai trị.

Mười hai vị Sứ-quân ấy, tận diệt quan Tàu rồi cứ lo tương diệt tương tàn nhau hoài, chớ không cố đến việc Chánh-trị. Vì vậy nên đến năm 968, ông Đinh-bộ-Lãnh, là con nuôi của một vị Sứ-quân, tru diệt dặng mười một ông Sứ-quân kia, rồi qui nhứt thống, đặt mình lên làm vua tự xưng là Đinh-tiên-Hoàng. Tuy qui nhứt thống rồi, chớ biết nước mình nhỏ nhen hơn Trung-hoa, nên cũng noi theo trước mà chịu thọ tước của Hoàng-đế nước ấy.

Đinh-tiên-Hoàng lên ngôi rồi, sửa tên nước lại là Đại-cù-Việt, lo tu chỉnh việc Chánh-trị, sắp đặt hình pháp rất nghiêm để mà trị quân đạo tặc cùng bọn ác nhen. Trong đền bày vật đồng để nấu dầu sôi, và có lồng sắt nuôi cọp, để mà hành hình bọn gian nhen. Luật hình nghiêm như vậy, nên mới bình định trong nước dặng mau.

Từ ấy vua Annam mới trị dặng lâu đời. Nhưng vậy mà cũng cứ nương theo phép Chánh-trị của nước Trung-hoa mà trị dân hoài, chớ không có chế sửa lại là bao nhiêu.

Mãng đời nhà Đinh, thì tới đời Tiền Lê (từ năm 981 tới năm 1010). Đời Tiền Lê này việc Chánh-trị chẳng có canh cải chi.

Trong đời nhà Lý (từ năm 1010 tới 1225), có canh cải việc Chánh-trị lại nhiều: Vua Lý-thái-Tổ sáng tạo sổ Thương chánh và tờ lộ-phiếu.

Vua Lý-thái-Tông đánh giặc với Chăm, bắt dặng mấy ngàn giặc đem về cho ở trong nước, rồi chia đất cho chúng nó khai phá làm ruộng lập làng, dặng thêm dân số trong nước cho mau. Cũng ông vua này, định phần tiền dưỡng lão cho các quan-lại, phé-thoát việc bắt người làm nô-lệ và lập sổ Vưu Thor (Trạm).

Qua đến vua Lý-thánh-Tông, chinh-phục nước Chăm, chiếm thêm dặng ba tỉnh nữa là Quảng-nam, Minh-linh và Bố-chánh.

Năm 1102, vua Lý-nhơn-Tông muốn hóa dân cho mau, bèn sai sứ qua Trung-hoa mua sách đem về dạy dân.

Đến năm 1172, vua Lý-anh-Tông mới truyền dạy vẽ địa-dồ nước Việt-Nam lần đầu hết.

Gần mãng đệ thập nhứt thế-kỷ, nhằm đời vua Lý-cao-Tông thì Việt-Nam ta dặng cường thịnh lắm, đến đời Hoàng-đế Trung-Hoa chịu hạ mình mà sai sứ đên viếng Triều Nam, vua Cao-mên chịu cống sứ, còn vua Chăm thì xin thọ tước.

Đời nhà Lý mãng, thì nhà Trần nối ngôi (năm 1225.) Vua Trần-thái-Tông chịu cống sứ cho Trung-hoa ba năm một kỳ. Chia nước ra làm 12 bộ, định đánh thuế điền thổ, truyền đắp bờ đi dài theo các sông lớn dặng ngăn giữa nước lục, canh cãi giai-cấp lương bổng của quan lại và sắp đặt các hội-thi lại.

Vua Trần-thánh-Tông lập sử-quán và truyền dạy biên Đại-Việt lịch-sử.

Năm 1293, vua Trần-anh-Tông lên ngôi, thì không chịu noi phong-tục các đấng tiên-dĩ, mà xâm hình rồng dưới chơn nữa. Sau vua Trần-minh-Tông cấm tuyệt lệ buộc quân binh xâm hình trong mình và cấm người trong thân-tộc đi kiện nhau. Cũng trong đời vua này, định phải lựa thiết dân hùng tráng mới dặng sung quân.

Đến năm 1394, có bày bạc giấy trong nước mà dùng.

Đệ thập tứ thế-kỷ nguơn niên, nhà Trần bị Hồ-quí-Lý soán ngôi, rồi nhượng lại cho con là Hồ-hán-Thương trị tới năm 1477.

Đến đây, Việt-Nam lại bị Trung-hoa chinh phục một lần nữa là lần chót hết.

Quan Tổng-thống Tàu là Trần-Phước dạy dân-tộc ta bỏ phong-tục cũ, không cho vẽ mình nữa, bắt để tóc dài, buộc đòn-bà phải mặc áo theo người Trung-hoa. Đem

triết-học của Tàu mà truyền dạy quốc-dân ta, lựa mấy người sĩ-tử anh tài đem về Trung-hoa cho dự thi với người Tàu, rồi cho về dự làm việc chánh trong bôn-quốc. Đến năm 1416 Quan Tổng-Thống Trương-Phụ lại cho dân quốc đặng sung quân lộn với người Trung-hoa, hễ hai người Tàu thì xen một người Annam.

Đến năm 1419 Chánh-phủ Trung-hoa mới đem sách Ngũ-kinh, Tứ-thơ và Lịch-sử Tàu qua truyền dạy quốc-dân ta.

Song bởi quan Tàu ngược đãi quốc-dân quá lễ, nên ông Lê-Lợi lên ở núi Lam-Sơn tụ tập quân binh rồi khởi lên đánh với binh Tàu hơn 10 năm, mới khôi phục Việt-Nam lại đặng.

Lê-Lợi lên ngôi năm 1428, đặt hiệu là Lê-thái-Tổ, cũng noi theo cựu-lệ mà cầu tước của Trung-hoa Hoàng-đế, vua này đợi cho tới ba năm mới chịu phong tước cho Lê-thái-Tổ.

Trong nước được an-bài rồi, vua Lê-thái-Tổ canh cải việc Chánh-trị lại hết; lập luật-phép mới, truyền khai mỏ vàng, mỏ bạc đặng sung cuộc lý-tài lại.

Đến sau vua Lý-thái-Tông (năm 1434) sửa hình-pháp lại nữa; cho phép các Xã-trưởng. Lý-trưởng được quyền phán đoán trong các vụ tâm thường không trọng-dại, lập sổ lộ-phiếu lại; và khai các hải-khẩu đặng giao thương với Lân-quốc. Vua nước Xiêm-la chịu cống sứ cho Triều-Nam mỗi năm

Năm 1460, vua Lê-thánh-Tông nối ngôi cho vua Lê-nhân-Tông. Trong đời vua này, nước Việt-Nam ta đặng hưng-vượng, đặng phú-cường lại bội phần. Chinh phục nước Chăm, rồi chia nước ấy ra làm bốn phần; một phần sáp đức về Việt-Nam, còn ba phần kia thì vua Lê-thánh-Tông bảo hộ.

Vua này hết lòng chuyên lo cho nước mạnh dân giàu. Các sở-hành trọng đại của người là :

Phân nước ra làm 12 tỉnh ;
Tăng bổng-lộc các quan lại ;
Vẽ địa-đồ và làm lịch-sử riêng mỗi tỉnh ;
Vẽ một cái địa-đồ chung hết trong nước,
Làm lịch-sử trong nước ;
Mở mang cuộc nông thương ;
Buộc nhà nông phải cày cấy đất mình cho hết ;
Đánh thuế đất phù-sa
Cho dân khẩn đất hoan-vu mà cày cấy ;
Đào kinh ;

Rộng mở sự trồng dâu, để tằm, và sự nuôi thú vật.
Các sở hành trọng đại hơn hết của vua Lê-thánh-Tông, là cuộc sáng lập Đồn-diên. Lập cuộc này ra có hai điều có ích : Một là tụ dân ngoại bộ lại dựng khai khẩn đất hoan-vu mà lập làng ; hai dựng buộc dân tráng kiện trong bọn ấy phải sung quân trong cơn bác loạn. Vậy dân Đồn-diên hễ tịnh thì vi nông, mà động thì vi binh.

Vua Lê-thánh-Tông trị đến năm 1479, mới thăng hà.

Vua Lê-hiến-Tông nối ngôi, cũng noi theo sở hành của Tiên-Hoàng mà hết lòng khai khẩn nông vụ, thương-cổ và chế sửa phong tục của dân.

Trong đời vua Lê-túc-Tông, vua Lê-oai-Mục, vua Lê-Trương-Dực, vua Lê-chiều-Tông và vua Lê-cung-Hoàng, trong nước loạn li hoại, nên không có canh cải chi trong việc chánh trị hết.

Qua năm 1527, Mạc-dăng-Dong soán ngôi. Dòng Mạc trị đến năm 1573.

Lê-thế-Tông phục nghiệp lại dựng, mà việc hành-chánh thì về một tay Trịnh-Tông. Từ ấy mới có ông Nguyễn-

Hoảng là tổ tiên nhà Nguyễn ra đời. Lúc vua Lê-thế-Tông phục nghiệp thì ông Nguyễn-Hoảng đã đánh họ Mạc, chiếm cứ đặng tỉnh Thuận-Hóa và Quảng-Nam mà cai-trị rồi.

Việt-Nam từ Lê-thế-Tông phục nghiệp, tuy còn có một Vua, chớ trong nước chia ra làm hai phần, một phần kêu là Đàng-ngoài, thì phép-quyền về tay chúa Trịnh, còn phần kia gọi là Đàng-trong, thì pháp-quyền về tay chúa Nguyễn.

Đến năm 1669, chúa Nguyễn đánh Chăm, rồi sáp nhập nước ấy về Việt-Nam, chiếm thêm đặng bốn tỉnh là Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-hòa và Bình-Thuận.

Qua năm 1705, chúa Nguyễn-minh-Vương chinh phục tới nước Cao-mên, chiếm cứ hết đất Nam-kỳ.

Mười năm sau, ông Mạc-Cửu là người Trung-hoa dâng cho chúa Nguyễn bảy xứ của người chiếm cứ trong nước Cao-mên : Hà-tiên, Phú-quốc, Long-cơ, Cần-vọt, Vũng-thơm, Rạch-giá và Cà-mau.

Đến năm 1740, giặc Tây-sơn giấy lên, diệt chúa Trịnh, chúa Nguyễn hết, ba anh em Nguyễn-văn-Nhạc, Nguyễn-văn-Huệ và Nguyễn-văn-Lữ chia Việt-Nam ra làm ba phần mà trị.

Dòng dõi Nguyễn-Hoảng bị Tây-sơn tru diệt hết, may còn sót ông Nguyễn-Anh lại, sau ngài nhờ dân Nam-kỳ và nhờ đức thầy Vêrô (Evêque Pierre Pigneau de Béhaine) viện binh Đại-Pháp qua giúp ngài mà tận diệt binh Tây-sơn, rồi đặt mình lên làm vua, lấy hiệu là Gia-Long, nhằm năm 1802. Vua Gia-Long ở ngôi đặng 18 năm.

Trong 18 năm ấy, nhờ các quan Đại-Pháp phò tá nên vua Gia-Long chỉnh đốn việc Chánh-trị trong nước lại an bài hết. Lớp thì sửa pháp-luật lại, lớp thì lập thành lũy, tập binh lính, lớp lại đắp đường bồi lộ tỉnh nầy giáp qua

tỉnh kia ; có một cái đường liền đi từ Bắc giáp ranh Tàu, tới Nam, giáp nước Cao-mên. Vua Gia-Long thắng hà năm 1820.

Vua Minh-Mạng kế trị đến năm 1841; rồi vua Thiệu-Trị lên ngôi tới năm 1847, kế vua Tự-Đức nối ngôi. Trong đời vua này, nhằm năm 1559, binh Đại-Pháp chinh phục Nam-kỳ.

Việc Chánh-trị nước Annam, vua Gia-Leng canh cải lại một lần chót rồi từ ấy tới sau, cứ noi theo đó mà trị tới năm 1859 mới có đời đổi.

Vậy tôi nương theo thứ tự ấy mà lược biên ra sau đây, nếu có chỗ sai lầm, xin khán-quan rộng tình miềng chấp.

(Sau sẽ tiếp theo)

THÚC-THANH.



Nam-kỳ chánh sách

Chánh sách nghĩa là các phương phép Nhà-nước dùng mà trị dân.

Nếu nương theo ý-kiến của báo “*la Tribune Indigène*”, thì lúc Nhà-nước Đại-Pháp qua cõi Đại-Việt này, là xứ có sẵn phần văn-minh xưa, đặng mà lãnh thể cho Cựu-trào cái phần trách-nhậm khó, là phần điều dắc quốc-dân ta đến đường tấn-hóa nẻo văn-minh của các nước bên Tây-vực, thì lúc ấy, chánh sách để trị quốc-dân ta mới phát hiện.

Mà cái chánh sách ấy ra làm sao ? Nghĩa là Nhà-nước phải phân quyền hành phận sự kẻ Tây người Nam ra thế nào ? Phải định hai Chủng-tộc ấy cư xử với nhau làm sao trong xã-hội Pháp-Việt này là xã-hội nhờ sức chinh phục tạo thành ?

Lấy theo phép thực-dân nơi tân địa mà hỏi : vậy chớ Nhà-nước Đại-Pháp phải dụng *bình-quyền* hay là dùng phép *tương-tượng*, phép *liên-hiệp* mà trị quốc-dân ta ?

Đã ghe phen, chờ đến lúc gặp việc bất trắc, thì Chánh-phủ mới đem cái vấn-đề ấy ra mà hỏi ý-kiến dân Đại-Pháp, hỏi mấy ông nghị-chánh tại thượng hạ nghị-viện, song chẳng thấy ai ra mà biện luận cho rành, đặng lập điều cang lãnh mà sửa trị cõi Đông-Dương này.

Có một hai khi, quốc-dân ta bất bình sanh tâm kịch liệt, làm cho nước nhà gần rối loạn, thì khi ấy mới thấy một hai ông nghị-chánh một ít người đại-thọ ra khai tẽ các lỗi lầm của Chánh-phủ Đông-Dương.

Lại cách chừng hơn mười năm nay, trong bọn quốc-dân ta, những người thường thường hay xưng tụng Nhà-nước

Đại-Pháp, phiên vì Chánh-phủ Đông-Dương chẳng khứng biết chúng ta, chẳng thêm tưởng đều yếu-dụng của chúng ta, chẳng lo đến việc hy-vọng của chúng ta, nên mấy người ấy có lập thành một tập sớ gởi thẳng cho quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thor dâng tỏ những điều chúng ta ao ước.

Việc ấy tuy chẳng hiệu nghiệm cho lắm, nhưng mà cũng được nổi tiếng như còn một thuở.

Nhớ lại, từ lúc Đại-Pháp sang đây thì duy có quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thor quý danh *Clémentel*, là người có lòng nhơn-hậu với quốc-dân ta, ngài bỏ cái chánh sách liên-hiệp nơi cõi Đông-Dương này là lần đầu hết. Thuở đó, nhằm lúc ông *Paul Beau* làm Tổng-Thống Đông-Dương, ngài có lòng thành thiết, nên đem chánh sách ấy mà trị quốc-dân ta rất nên công lý.

Mà bởi sự thi thố cái chánh sách đó nó làm cho tiêu diệt cái quyền chinh phục, nó giảm sự dụng thế lực mà chuyên chế cho nên lắm người Đại-Pháp cư ngụ tại cõi Đông-Dương này, bất bình sanh lòng dị nghị.— Bọn ấy muốn Chánh-phủ điềm nhiên dễ y như cũ, thì cũng đủ cho quốc-dân ta khoái lạc. Họ phản đối rằng: cái phép liên-hiệp đồng-lực, trí-lực và chí-lực của người Tây với người Nam lại đăng khai quảng lý tài đăng mà chung hưởng, là lương tâm chi chánh sách. Ý họ muốn nói: *lương tâm hay bất nhân, mà hề bất nhân thì không khi nào hợp với công-lý bao giờ.*

Tuy bọn ấy cứ dị nghị hoài mặc lòng, mà Nhà-nước Đại-pháp cũng quyết dùng chánh sách liên-hiệp và tương-tượng đăng trị quốc-dân ta mà thôi. Xét lại chánh sách ấy, không phải mới hay là lạ chi. Thuở mới lập soái phủ Nam-kỳ, ông Thống-sứ *le Myre de Vilers*.— Nhắc đến tên ngài chúng ta hãy còn cảm mến, ngài hành lạc thành *chánh sách* ấy lại xứ Nam-kỳ này.

Lại phải biết rằng cái chánh sách liên-hiệp là cái phẩm chất tự nhiên của dân Đại-Pháp, như bởi cái đều công-lý của phép ấy, nên trong năm 1789 dân Đại-Pháp phải giấy loạn, phải phế đế, mà lập quyền dân chủ.

Nếu lấy chánh sách của Đại-Pháp mà so sánh với chánh sách của Hồng-Mao dùng mà trị dân Ấn-Độ, thì thấy hai cái có khác nhau một thí.

Trong năm 1815, khi Công-ty thương cuộc của Hồng-Mao tại Ấn-Độ kêu nài về khoản mấy ông giáo đạo khai trường mà dạy chữ Hồng-Mao cho dân ấy, thì ông Lord Hasting là quan Tổng-dốc Hồng-Mao đáp rằng : *“Muốn để cho dân Ấn-Độ đốt nát, đừng thừa cái sự đốt nát ấy mà đoạt quyền lợi của chúng nó, là đều phi nghĩa, là sự nghịch ý chỉ của Chánh-phủ Hồng-Mao.*

Qua năm 1857, dân Cipayes giấy loạn, dẹp yên rồi, bà nữ-hoàng Victoria chẳng chịu ngã lòng, lấy đều công-nghĩa mà khuyến dụ lòng dân Ấn-Độ, đừng chúng nó kinh phục Chánh-phủ Hồng-Mao ; bả trọng đãi chúng nó, bả cho phép chúng nó vào làm quan chức. Mà chẳng phải bả làm như vậy là có ý nghi sợ đều chi, chẳng qua là bả giữ lời hứa của Chánh-phủ, vì trong năm 1833 Chánh-phủ đã có ban hành một cái hiến-pháp nói như vậy :

“Công-ty thương cuộc Hồng-Mao tại dân Ấn-Độ chẳng đừng lấy có : đạo-tôn, sở-sanh, cặng-nguyên và màu-da, mà giết đường hoạn-dồ của dân, Ấn-Độ hay là dân Hồng-Mao qua tá ngụ tại xứ ấy.

Sự chọn lựa người duy dùng kẻ tài năng nơi khoa mục mà thôi ».

Xem hiến-pháp đó, thì đủ biết Chánh-phủ Hồng-mao cai-trị dân Ấn-độ một cách đại độ biết chừng nào. Cũng

nhờ chánh sách như vậy, nên Thuộc-địa Ấn-độ mới thịnh vượng, ngày nay mới thấy dân xứ ấy hết lòng phụ trợ Chánh-phủ Hồng-mao trong cuộc chiến tranh cực đại này.

Nhưng rứa mà có một điều không đáng trọng tốt là đều dân Hồng-mao chẳng chịu trà trộn tương-tượng với dân Ấn-độ; dầu cho dân ấy làm quan tột phẩm đi nữa thì cũng phải noi qui-mô củ, giữ phong-tục xưa, chớ chẳng hề dặng hưởng quyền chũng-tộc Hồng-mao.

Còn tại cõi Đông-dương này, chẳng phải vậy. Trong bọn quốc-dân ta, người nào có học-thức theo điệu Đại-Pháp, chẳng những được làm quan chức, được dự việc chánh, mà lại còn có khi được vào bộ dân Đại-Pháp mà hưởng quyền dân-tộc ấy nữa.

Ấy đó, một đảng là Chánh-phủ Hồng-mao cho dân Thuộc-địa liên-hiệp với dân mình mà không cho tương-tượng, còn một đảng là Chánh-phủ Đại-Pháp, đã cho dân Thuộc-địa liên-hiệp với dân mình, lại còn cho chúng nó tương-tượng nữa. Có phải chánh sách Đại-Pháp có đạo lý hơn chánh sách Hồng-mao chẳng?

Như đã nói trên đây, Chánh-phủ ta dùng cái chánh sách đó, vì nó là đều luân-lý thiên-nhiên cái sức hào-kiệt của người Đại-Pháp, bởi vậy, có một mình nước Đại-Pháp cho loài người được bình-đẳng, khuyến loài người cho có tình thân-ái với nhau. Nay Đại-Pháp đem chánh sách ấy, mà trị quốc-dân ta, thật rất hiệp với cái lý vận-dộng tấn-hóa của nhơn-loại, nhất là dân ở cõi Á-châu này. Dân ấy, thuở trước có nếm muối văn-minh rồi? Mà nhơn vì bị một giấc hôn mê, nay chợt tỉnh, nên bôn ba ra sức gắng công dặng nếm muối ấy lại, cho khỏi luống công trăm năm vô ích.

Mà bởi sao, nhơn dân ở cõi Cực-Đông này tỉnh giấc hôn mê được? Ấy cũng nhờ tiếng súng nổ tại Lữ-thuận-khẩu

(Port Arthur, trong năm 1904, lúc Nhật-bồn đánh với Nga-la-tư). Từ đó đến nay sự vận động càng ngày càng phát hiện. Nước Nhật-bồn đứng vào hàng chư-quốc liệt cường. Dân Trung-hoa các binh, bỏ y-phục cũ, ăn mặc theo người Âu-Mỹ, quên thói ngồi uống trà mà luận đàm Khổng, Mạnh. Còn Hoàng-đế, khi trước dân tôn kính như con Trời, ngày nay coi ra như đồ cổ tích.

Trong cái việc điều động đó, mà quốc-dân ta cũng là người có danh khi trước, lại cũng có đủ tài, đủ trí, có lý nào què cho đến nỗi chẳng muốn xin lãnh phần tự-trị đặng cho thích ý, vừa lòng hay sao ?

Có lý nào dân Đại-việt ta có gần hai chục triệu người, khi xưa có đủ sức thống ngự cõi Đông-Dương này, lại ghe phen đánh thắng nước Tàu, mà lại không dạn dạc đem trí lực, đem tài-nguyên mà phụ ích với đời cho đáng mặt người đứng đột trên hoàn vũ hay sao ?

Từ khi Đại-Pháp khai chiến mà khử trừ quân Đức-tặc, quốc-dân ta vì chút thành tính cái lòng khoan hồng đại độ của Chánh-phủ, nên đem hết dạ trung canghĩa khí, hoặc làm công tại các xưởng, hoặc ra mặt trận liều thân, mà giúp Đại-pháp, giương ấy há chẳng nên cho quốc-dân ta bày tỏ sở nguyện hay sao ? Chẳng lẽ còn dị nghị rằng quốc-dân ta chưa xứng đáng biết sự vận động ra làm sao đặng làm cho thành tựu cái nẻo tiền trình của quốc-dân ta trong sự thái-bình và sự công-lý của Nhà-nước Đại-Pháp.

Ai mà tưởng quốc-dân ta hãy còn mê mẩn trong lối trình-độ xưa, còn ôm ấp những điều phong-tục cũ, thì kẻ ấy ắt nghịch với cái việc vận động thường tình của nhơn-loại rồi !

Kìa như nước Hồng-mao là nước ít ỏi đòi đòi qui-mô cũ, mà nay còn phải lập luật buộc dân tráng phải đi lính

như bên Đại-Pháp thay, nọ như bên Trung-hoa, há chẳng phế quyền vương-chủ mà lập dân-quyền ?

Còn trước mắt đây là quốc-dân ta cũng mon men bắt chước dân Âu-Mỹ trong việc ăn-mặc, việc giao-liếp lẫn lẫn. Ấy chẳng phải là gương vận động của nhơn-loại sao ?

Nếu trong đạo vi-chánh mà quên ý-tưởng về phần tấn hóa của dân, trong việc bảo hộ mà quên lo hóa khai dân-trí, quảng-lý dân tài, đặt phụ ích cho đời, thì các nước văn-minh bên Âu-châu mới lấy cớ nào mà chứng minh cái phép thực-dân, nơi các Thuộc-địa trên hoàn-vũ này.

Nếu Nhà-nước Đại-Pháp chẳng dụng lương tâm chánh sách mà trị quốc-dân ta, nếu chẳng dùng chánh sách ấy mà cư xử cùng chư quốc, thì làm sao ngày nay được *ba phần nhơn số trên toàn cầu* yều mến đem binh tiếp chiến cùng Đại-Pháp mà khữ trừ quân Áo, Đức. Bởi nhờ có trận giặc này, mới thấy rõ chí khí của nước Đại-pháp trong đều công-lý, trong việc nhơn từ, mới thấy rõ sự tàn bạo của dân Nhựt-nhĩ-mạng (Germain là tên thuở trước của dân Đức-quốc).

Lấy đó mà suy, thì thấy ý kiến của nước Đại-Pháp không khác nào ý-kiến của ông Mạnh-Tử tỏ trọng câu này : « *Dĩ lực phục nhơn giả phi tâm phục dã, lực bất thiệt dã ; dĩ đức phục nhơn giả trung tâm duyệt nhi thành phục dã* ». Nghĩa là : Lấy sức mạnh làm cho người ta khâm phục mình, dầu người ta có phục đi nữa, thì chẳng qua là sức người ta không đủ mà cự với mình đó thôi, chớ lòng người ta không phục thật ; còn lấy đều nhơn đức làm cho người ta khâm phục mình, chẳng những người ta được vui vẻ mà lại cái lòng người ta thật khâm phục mình vậy.

XỬ-CUNG.

Đông-Dương hiệp-chúng

Đông-Dương ta sẵn hơn số đông đảo, diện tích rộng rãi, điền-dịa phì nhiêu, sản-vật sung túc. Đã vậy mà được nằm nhằm đường thương-đạo từ Âu-châu qua cõi Á-đông. Thế thì Đông-Dương ta sớm muộn cũng phải trở nên một xứ hưng thịnh.

Quốc-dân ta thuở trước chỗ nghe thấy rất hẹp hòi ; chẳng nói chi sự liên năm chinh phạt Cao-man là dân dị chủng, thậm chí người Nam-kỳ, người Trung-kỳ và người Bắc-kỳ là thuộc một chủng-tộc, đồng một tư-cách, noi một học-thức, mà hầy còn chẳng có chút chi thân ái cùng nhau, hằng đả nhau như người Ngoại-quốc. Nhà-nước Đại-pháp thọ lãnh trách nhiệm khai hóa cõi Đông-Dương, nay tin đã nữa thế-kỷ rồi, đã lo cho ngoài yên ổn, trong ấm no, mà lại còn bồng ảm kẻ Bắc người Nam, điều dắc dân Thổ dân Lèo, gộp chung lại mà để đứng dưới bóng cờ Tam-sắc. Cái chánh-thuật của Nhà-nước Đại-pháp khéo léo biết dường nào, có ích cho đường khai hóa nơi quê-vực ta biết dường nào. Nếu chẳng vậy, người ở Đông vừa giúp cho kẻ hướng Đông, người ở Tây lo lẫn cho kẻ hướng Tây, thì làm sao mà có được tên xứ Đông-Dương nêu cùng trên Thế-giới.

Trong bài diễn thuyết của quan Tổng-thống Toàn-quyền **Albert Sarraut** đọc giữa Chánh-phủ nghị-viện hôm ngày 13 Novembre 1917, Ngài có phân rằng : « Sự hiệp-chúng cõi Đông-Dương coi càng ngày càng yếu hệ, mà nhứt là tại cái đám giặc lớn này nó làm cho sự muốn hiệp-chúng càng dễ thấy hơn nữa. Trước hết các xứ thuộc Đông-Dương dòm thấy Mâu-quốc gặp việc tai biến thì dứt mình, nghĩ vì nếu Pháp-quốc mà chiến bại thì cái tương lai của mấy xứ ấy

biết ra thế nào, cái mạng số nô-lệ biết thoát khỏi không, cái tiền-trình tấn hóa còn phải nghiền cứu lại. Đã vậy mà Đông-Dương là xứ gồm nhiều chủng-tộc, thế lại còn để cho chúng lẫn hời mà chinh phục và chuyên chế lắm. Bởi vậy đó nên mấy xứ đều tự nhiên phải khẩn-khích cùng nước bảo bọc mình xưa nay, tự nhiên phải xúm-xích dưới bóng cây cò, tuy gặp giông tố mà phơ phất rất vững vàng. Sự nghĩ đó tuy là âm thầm mà coi lại thì cao thâm hết sức; nó đã dầm thấm vào nảo can mỗi người làm cho mỗi người đều biết rằng : Duy có góp các thế lực nhỏ làm lại một thế lực lớn rồi đem giao cho Chánh-phủ Đại-pháp điều dụng, thì mới giữ được sự an ổn của mỗi xứ mà thôi ».

Quan Toàn-quyền Ngài lại còn nói rằng : « Muốn Đông-Dương thành hiệp-chúng thì chẳng phải dùng một bản luật hoặc một lời nghị mà làm nên được. Phải làm thế nào cho sự hiệp-chúng nó ra sự thật, thấy được, mới phải cho. Mà sự hiệp-chúng này có phải là hôn hiệp chăng ? — Không ! Người Annam thì cứ giữ theo Annam, còn nhà Thổ thì cứ giữ theo xứ Thổ. Song phải quấn một đường giây thân-ái mà buộc các chủng-tộc chung một đoàn và cũng buộc chung người Langsa vô, rồi thắt đường giây ấy lại cho chặt cho thành một khối cứng chắc mà chung tình sự bảo tồn, chung lo cơ hành động ».

Xét cho kỹ thì thấy ý quan Toàn-quyền tỏ đây thâm trầm biết chừng nào. Nếu chẳng có Chánh-phủ Đại-Pháp thì mấy xứ thuộc Đông-Dương này phải tan rã, mà hễ tan rã rồi thì phận nào nấy lo, có khi cũng tương diệt tương tàn với nhau, chẳng lựa là tới ngoại-quốc.

Có người hỏi rằng Annam một chủng-tộc, Cao-man một chủng tộc, Lèo một chủng-tộc, mỗi mỗi đều có chánh-thể riêng, đều có văn-chương riêng, đều có phong-tục riêng, thế khi khó mà hội hiệp liềng đoàn lắm chăng?

Tôi xin đáp rằng nước Huê-kỳ gồm gần đủ các chủng-tộc bên Âu-châu mà sao cũng thuận, cũng khôn, cũng giàu, cũng mạnh được vậy. Liêng tiếp với Đông-Dương ta đây có Trung-quốc, dân sự đầu này nói chuyện phía kia nghe không hiểu, mà địa-phận rộng lớn minh mông, dân số đông đảo hơn chúng, ấy có phải là nhờ có liêng hiệp thống nhứt mới được vậy đó chăng?

Lấy đó mà suy thì sự đoàn thể các xứ trong Đông-Dương này là đều cấp vụ, là đều ích lợi, chẳng những là làm cho quốc-dân có sức mà gìn giữ sự sanh-tồn mà thôi, mà lại cũng làm cho tiện phần khai quặng tài nguyên, bảo toàn quyền lợi nữa. Vả trong Đông-Dương ta, phía này thì nhiều lúa, gạo, phía kia thì sắt, sắc, than, phía nọ thì đủ cây, thú. Nếu chia riêng từ xứ thì dân sự chỗ dư món này chỗ thiếu vật kia; còn như nhập với nhau mà làm ra một cõi Đông-Dương, thì cõi Đông-Dương ấy đủ vật liệu, đủ tài nguyên mà hưng vượng đường kinh-tế. Cuộc Đông-Dương hỏa-luân thuyền nay đã có mời thành tựu đây cũng nhờ Đông-Dương Hiệp-chúng mới được vậy. Nếu Đông-Dương mà được hiệp-chúng luôn luôn như ý Thế-Huynh **Albert Sarraut** tỏ vẽ đó, thì sẽ còn lập thêm được nữa những Công-ty lớn, những xã-hội to như trong các nước văn-minh mà tinh tấn phần công-nghệ, khai quặng cuộc nông tang, và cạnh-tranh quyền thương cở.

Ấy vậy nếu Đông-Dương mà hiệp-chúng thì chẳng những là có ích về phần bảo thủ biên cương mà thôi, mà cũng có ích cho cuộc lý-tài của dân sự nữa. Quốc-dân Đại-việt nên cảm tạ ơn Đại-Pháp làm cho ngày nay chúng ta được hiệp ước liêng đoàn đây, và khá chung cùng bồi đắp cái nền thân-ái dặng cho Tây, Nam, Lèo, Thổ có chỗ đứng thay mặt Đại-Pháp mà cáo báo đều công-lý, kêu sáng được văn-minh nơi cõi A-Đông này.

BIỂU-CHÁNH

Niết-ty sự vụ

Về sự giao cho Hương-chức làng truyền rao các thư trát tờ thuộc về Niết-ty và thi hành các sắc án Tòa xử việc người bôn-quốc.

Có lời nghị của quan Tổng-Thống Đông-Dương Albert Sarraut đề ngày 24 Novembre 1917, định như vậy :

Điều thứ nhất. — Lời nghị ngày 27 Avril 1913, tu cải điều 252 lời nghị ngày 16 Mars 1910, nói về hình thể sự tố tụng phải tuân theo trước Tòa Đại-Pháp xử việc người bôn-quốc, phải bị phế thoát.

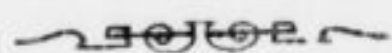
Điều thứ hai. — Kể từ ngày 1^{er} Janvier 1918, phải chiếu điều lệ củ 252 lời nghị ngày 16 Mars 1910 mà thi hành, còn các hạng tiền công thi hành những việc nói trong điều ấy, thì để y theo thể lệ còn đương thi hành tới ngày nay.

Điều thứ ba. — Quan Nguyên-soái Nam-kỳ và quan Chương-ly tại tòa Khống-cáo, kiêm Chủ-trưởng sở Niết-ty, mỗi Ngài tùy phận sự mình, mà thi hành lời nghị này.

VỊ HOÀN.



LÝ-TÀI KHOA



ĐẠI VIỆT TÀI NGUYÊN

Tiêu dẫn



Thuở xưa các nước trên địa-cầu dân còn ít, đất còn rộng, bề sanh nhai rất rộng rãi, mỗi lợi quyền chưa ham dành. Lăn lăn nhơn-quần sanh sản một ngày một thêm đông, sự làm ăn phải trở nên một ngày một thêm khó.

Chư bát-sĩ hiền-triết thấy vậy mới khai hóa dân-trí, chế sửa quốc-chánh ; mỗi nước đều luyện tập tánh tình của dân-tộc để cho cách ăn thói ở thích hiệp với thời đại. Qua đũa thập cửu thế-kỷ trở về sau đây, từ Âu-la-ba (Europe) đến Thế-giới-mới, dân-tộc nào cũng văn-minh cực điểm, dụng tinh-thần mà đoạt lợi chốn thương-trường, dụng trí-lực mà tranh quyền trong công-nghệ.

Việt-Nam ta nhờ Đại-pháp-quốc điều dắt gần 60 năm nay, chỉ đều khôn, bày chỗ phải, vạch mỗi lợi, rộng dân-quyền, nên dân-tộc ta mới mở mang được chút đỉnh. Tuy vậy mà nếu lấy quốc-dân ta so sánh cùng người thì chẳng khác trẻ năm tuổi với người năm mươi tuổi. Tại sao mà quốc-dân ta thua sức người xa như vậy? Một là tại người mình hay biến nhất, có sẵn thầy mà chẳng muốn nghe thầy ; hai là tại xứ ta dễ làm ăn, vừa sản lúa cứ ngó chừng đồng lúa.

Nếu thế-giới thẳng bình hoà, trong muôn việc đều nhờ có Mầu-quốc ta chẳng nói làm chi, Nay Đức-quốc trở lòng tàn bạo, học thói tham lam, làm cho dinh-hoàn nào động mấy năm nay, làm cho chư-quốc tổn hao ức ức triệu triệu bạc. Chẳng những mấy nước đương giao chiến phải tổn hao hư hại mà thôi, mà các nước trung-lập, bị đường đại thương trắc trở chẳng thông, đồ công nghệ khó bề giao dịch, nên cũng phải khốn đốn theo nữa. Lấy thế mà luận thì ai cũng đoán chắc trong cực đại chiến cuộc này sớm muộn Liềng-hiệp quân cũng phải thắng, thế nào Áo-Đức cũng phải thua; song chúng nó thua bị thiệt hại đã đành, mà chúng ta thắng cũng hư hao nhiều nôi. Bởi cơ ấy nên lúc này các nước Liềng-hiệp ngoài mặt trận thì quan binh tử chiến tranh hùng, còn trong Chánh-phủ thì bát-sỉ luận cơ đoạt lợi; người trừ nghĩ dứt đường thương cổ của Đức-quốc, kẻ liệu toan chim các mối lợi dữa hoàn-cầu, làm cho ngày sau quân tàn bạo hết thế vầy vùng co dũi.

Vả Mầu-quốc ta là nước khoan-nhơn công-chánh, gần 60 năm nay thường khêu đuốc văn-minh mà chỉ dẫn nẻo khôn cho chúng ta, hăng vén gai góc mà điều dắt chúng ta vào đường tấn bộ. Hơn ba năm nay Mầu-quốc ta lâm đại biến, con nhà Việt-Nam kẻ ra đi tiếp chiến, người ở lại giúp tiền. Quốc-dân ta làm như thế là để ý cho hoàn-cầu biết rằng mẹ nuôi con nên con phải trả ơn, công thấy nặng nghĩa trò đầu chẳng nặng. Về phần chính chến thì quốc-dân ta đã hết lòng cùng Mầu-quốc rồi. Nay Mầu-quốc ta đương liệu toan thâu mỗi lợi của kẻ thù, tỉnh rồi cuộc đặng phục hưng công cổ. Quốc-dân ta là kẻ núp theo bóng cờ của Đại-Pháp, đành đứng ngoài vòng mà ngó hay sao.

Mấy chục năm trước chúng ta nhờ đời thái-bình, dầu có dự dự cũng chẳng mấy hại. Từ khi Âu-châu khai chiến đến nay, cuộc đời đời đổi hết. Vậy muốn theo kịp với đời thì trí người cũng phải xây theo mới được ; nếu quốc-dân ta cứ ngây ngủ hoài ắt phải man tai hại lớn. Phải biết rằng ngày nào mà cuộc cạnh-tranh chiến trường xong rồi thì cuộc cạnh-tranh lý-tài còn lớn hơn nữa. Vậy mình phải xúm xích chung quanh Mầu-quốc mà sấm' sửa liệu toan, làm sao đặng ngày kia ra lãnh vai tuồng nơi trường lợi với người, nếu trễ nải dần dà e phải khiến rương chạy hiệu mà khốn.

Tôi dòm thấy Việt-Nam ta đây điền-địa phì nhiêu, thổ sản dư dả, mà xưa nay quốc-dân ta phần nhiều chưa để ý đến. Nếu quốc-dân ta mà biết khai điền-địa ấy, dùng thổ sản ấy cho hết thì có thể giúp cho Mầu-quốc ta được nhiều mà cũng làm lợi cho quê-hương ta biết mấy. Vậy tôi chẳng quản tài hèn trí mọn ra chỉ sơ “ĐẠI-VIỆT . TÀI NGUYÊN ” chủ ý tôi trước là chỉ cho nhau mấy mối lợi sẵn của mình, sau là vẽ sơ lược nẻo bước đường ta phải tới.



CHƯƠNG THỨ NHỨT

Nông vụ

ĐOẠN THỨ NHỨT. — CANH ĐIỀN

Trong Đại-Việt ta cũ tam kỳ, Cao-man và Lèo có ruộng lúa. Song ở miền Trung-kỳ, Cao-man và Lèo đất cao ruộng ít, mỗi năm lúa gặt vừa đủ trong xứ dùng mà thôi. Ở Bắc-kỳ duy có tỉnh Nam-định, Thái-bình và Hải-dương ruộng tốt lúa nhiều, còn mấy tỉnh khác thì bị đất gò cầy lúa nhiều không được. Năm nào trúng mùa lúa Bắc-kỳ mới có dư mà bán cho ngoại-quốc, song hơn mười năm nay số lúa xuất cảng chẳng có năm nào được trên 20 muôn tấn (mỗi tấn là 1.000 kilos). Trong Nam-kỳ số đất làm ruộng nhiều hơn hết. Trong hai mươi tỉnh, tỉnh nào cũng cầy lúa. Ấy vậy nếu muốn luận sự canh điền thì chỉ nói nội Nam-kỳ mà thôi.

Lấy địa-thể mà luận thì xứ Nam-kỳ hồi đời thượng cổ là một cái vịnh lớn, lần lần đất bùng bồi lấp, một năm vịnh ấy cạn một mớ, đến rốt mớ hóa thành một cuộc đất lớn cho mấy triệu đồng bào ta dung thân đây. Bởi có ấy nên mấy tỉnh thuộc hướng tây-nam đất còn thấp thỏm, ước ác và bằng phẳng. Có một ít núi nhỏ mình thấy nằm dữa đất bằng như Hòn-chông ở Hà-tiên, núi Sam giải núi Thất-sơn ở Chàudốc, Hòn-đất ở Rachgia, Núi-sập, núi Ba-thè ở Longxuyên, ấy là những hòn khi trước ở trong vịnh đó.

Hiện kiêm xứ Nam-kỳ hai phía giáp với biển, còn hướng Bắc và hướng Đông thì giáp với đất liền. Mấy tỉnh thuộc

hướng Đông-bắc là : Baria, Biênhoa, Thudaumôt và Tâyninh bởi liên tiếp với mấy giải núi lớn ngoài Trung-kỳ nên đất cao ráo khô khan. Trong mấy tỉnh này thì hiệp để rừng cây, nuôi cầm thú, trồng hoa quả. Còn ở trung-ương và hướng Tây Nam-kỳ, bởi đất thấp mềm nên hiệp làm ruộng lúa.

Nếu chia địa-phận Nam-kỳ ra làm năm phần thì đất cao ráo choán hết một phần, còn đất thấp thối bốn phần. Vả địa-phận Nam-kỳ đo được hơn năm triệu rưởi mẫu. Nếu trong số ấy trừ ra một triệu mười muôn mẫu đất cao và chín chục muôn mẫu bị nhà cửa vườn ao sông rạch choán, thì đất thấp để trồng lúa còn được ba triệu rưởi mẫu. Như quốc-dân ta mà cấy lúa hết ba triệu rưởi mẫu đất ấy và như tính mỗi mẫu bực trung gặt chừng 60 giạ thì mỗi năm lúa Nam-kỳ sẽ được ít nữa 5 triệu tấn. Như tính mỗi một tạ bán giá 2 \$ 00, thì 5 triệu tấn lúa bán phải được ít nữa là 160 triệu đồng bạc.

Hiện bây giờ đây trong Nam-kỳ số đất cấy lúa đo được có một triệu rưởi mẫu, còn số lúa gặt mỗi năm chừng 2 triệu 20 muôn tấn mà thôi. Lấy đó mà tính thì số đất còn bỏ hoang nhàn kê hơn hai triệu mẫu và mỗi năm xứ ta mất lợi gần ba triệu tấn lúa, tính theo giá thấp cũng là 100 triệu đồng bạc.

Cái mối lợi nông-vụ của xứ Nam-kỳ to tác dường ấy mà xưa nay quốc-dân ta không biết nong nả trau dồi cái mối lợi đó, dặng thêm sức cho nước, thêm giàu cho dân, dặng có thể mau mở rộng thương-cổ, dặng có thiết lập học-đường mà tập rèn công-nghệ, nghỉ thiết uổng biết là dường nào. Nhì thập thế-kỷ này là đời Văn-minh sậu phát, từ Âu-châu qua Mỹ-quốc, nước nào cũng chuyên lo thủ lợi, có ai mà đi để đất cỏ mọc, chuột ở như xứ mình bao giờ. Có nhiều xứ đất hẹp hòi đến đôi trong một năm người ta gieo trồng hai ba thứ, thứ này hái rồi, đeo liền giống khác ; có chỗ

không đủ đất cất nhà mà ở, đến đôi phải cất chồng thêm trên nóc đến hai ba chục tầng ; có chỗ trên mặt đất chật hết đến đôi phải trở hầm cho xe lửa chạy. Người ta thì tiện tận từ chút đất như thế, dặng kiếm lợi, còn mình có ruộng đất sản tốt, mùa nắng đốt cỏ sài qua mùa mưa phát mà đeo lúa, không công phu chi mấy đó, mà không chịu gia tâm mà làm, để bỏ hoan nhân mấy triệu mầu đất, rất tiết thay ! Rất uổng thay !

Tôi cũng biết hễ tôi trách đây thì sau mấy ông điền-chủ người thì nói xứ mình thiệt đất nhiều mà thiếu nhơn-công làm sao khai khẩn cho hết được. Người lại nói đã biết xứ mình đất tốt, mà ngặt không có tư-bồn làm sao mà nuôi tá điền đông cho được. Thiệt lời phản đối như thế cũng nhằm đó chúc, song quốc-dân ta hễ có ai xuôi khẩn đất cho nhiều, làm ruộng cho lớn thì lấy hai câu đó mà phản đối hoài thì biết mấy ngàn năm nữa đất Nam-kỳ mới thành thực được, biết chừng nào quốc-dân ta mới biết hưởng mỗi lợi lớn.

Vã nông-vụ bệnh nguyên của xứ Nam-kỳ là chỉ có cái : **1° Thiếu tư-bồn, 2° Thiếu nhơn-công**. Vậy thì quốc-dân ta phải rước thầy hốt thuốc mà giải cái bệnh nguyên đó, chớ nếu khuyến-kích biểu làm thì cứ đổ thừa như thế hoài, ví chẳng khác nào người kia cứ than thở rằng muốn đi chơi với bạn bạn lắm mà mắc có bệnh đi không dặng ; như thiệt muốn đi chơi thì uống thuốc cho mạnh rồi sẽ đi, chớ có chi khó mà than thở.

Nay quốc-dân ta biết nông-vụ bệnh nguyên của xứ mình rồi, vậy phải dùng chước nào mà trừ ? Theo sở kiến của tôi, bây giờ mỗi người lo riêng thì không có vốn liếng lớn đủ mà khai phá thành điền cho hết hai triệu mầu đất còn hoan nhân nơi trước đó được. Vậy thì hãy chung vốn lại với nhau, mỗi người một ít mà lập thành hội canh-

điền cho nhiều. Trong mỗi tỉnh đất còn hoan nhân nhiều như Baclieu, Soctrang, Rachgia, Cantho, Longxuyen, Chaudoc, Hatiên, Sadec, Mytho và Tanan thì khá lập năm mươi hội Canh-diên rồi xin với Chánh-phủ phát mãi đất Nhà-nước mua mà cày cấy. Lời tục ngữ nói : « *Nhiều tay vô mới kêu* », tuy một người sức hùng chừng năm bảy trăm hoặc một ngàn đồng bạc thì chẳng bao nhiêu, mà hội lại hai ba chục người thì vốn phải thành hai ba muôn đồng bạc. Nếu vốn có hai ba muôn đồng thì đủ sức mà khai phá được hai ba ngàn mẫu đất.

Kìa ở Chaudoc và Longxuyen đã có lập được một ít hội Canh-diên rồi. Công việc làm coi tấn phát biết chừng nào, mỗi hội đương lo khai phá đến một đôi ngàn mẫu đất. Quốc-dân ta nên ngó đó mà làm nêu. Hội Canh-diên là một sự tiện cho cuộc kinh-tế của quốc-dân ta lắm, Mỗi người có tiền chút đỉnh đều hùng vô được vì hội có sắp đặt Tổng-ly, Cai-quản, người hùng chẳng cần chi phải biết cách thức làm ruộng. Đã vậy mà trong các hội làm ăn chẳng có hội nào người hùng ít lo lỗ vốn như hội Canh-diên, vì nói cùng mà nghe, dẫu mà mất vốn hết đi nữa thì đất cũng còn mà chia cho người trong hội ; mà đất đã tốn hao vô đó hết mấy muôn đồng rồi thì đất ấy phải thành điền hết, giá bán phải mắc.

Tuy nói sự lập hội Canh-diên là một sự lợi lớn, mà xét cho kỹ thì cũng là một sự hữu ích cho đường tấn hóa xứ ta. Nếu quốc-dân ta lập thành được nhiều hội rồi thì tự nhiên rõ cái chủ-nghĩa hiệp quần đoàn-thể, từ nhiên làm nước mạnh dân giàu, chừng ấy dẫu cho quốc-dân ta mà muốn từ chối tiếng văn-minh thì từ cũng không được, đường ấy cái mối lợi lớn của mình mới ở trọn trong tay mình cho chớ.

Nói xát mà nghe, Nam-kỳ ta hiện bây giờ có hai triệu mẫu đất làm ruộng được mà còn bỏ hoang nhàn. Vả đất để làm ruộng thì sở tổn khai phá thế phải nhẹ hơn đất ở miền Biênhoa, Tâyninh. Nếu mỗi mẫu đất định tiền khai phá (đào kinh phát cỏ, nuôi tá canh v. v.) là 10 đồng bạc, thì muốn thành điền hai triệu mẫu đất phải tốn 20 triệu đồng bạc, Tuy số 20 triệu nói ra ai cũng cho là nhiều, song phải xét nếu tốn ra hai mươi triệu đồng bạc này mà mỗi năm thâu lại 100 triệu nói trước kia thì sợ chi mà không giám tốn. Tục ngữ rằng : « *muốn ăn phải lăn vào bếp* », vậy nay quốc-dân ta xuất một mà thâu năm thì có hại chi mà dự dự.

Theo ý tôi nghĩ bây giờ muốn có 20 triệu đồng bạc ấy thì phải lập ra 200 hội Canh-diền mỗi hội phân vốn là 10 muôn đồng. Muốn kêu hùn cho mau và muốn nhiều người hùn được thì mỗi phần hùn nên định số 100 đồng bạc mà thôi. Ai muốn hùn lớn thì lấy nhiều phần hùn. Vả mỗi hội vốn 10 muôn đồng thì dư sức mà làm thành điền trên 10 ngàn mẫu đất. Ngày nào đất thành rồi, và ví dụ như tỉnh chia đất thì mỗi phần hùn 100 đồng bạc sẽ lãnh được 10 mẫu đất thuộc.

Trong thể-lệ lập hội Canh-diền, như quốc-dân ta mà muốn làm thì hãy lấy tờ hiệp-đồng của các hội Canh-diền ở Long-xuyên và Chaudoc, coi mà làm theo, hoặc sửa thêm bớt chút đỉnh cũng tiện, vì tờ hiệp-đồng của mấy hội ấy sắp đặt rành rẽ, mỗi việc đều có tri người xem xét.

Tôi cũng chán biết quốc-dân ta tuy mấy năm nay cái mòi tấn bộ đã phát hiện rồi mà cái bọn nghi kỵ trong lòng rứa cũng chưa thiệt sạch. Nếu nay bày ra lập Hội rủ hùn thì sao cũng có một ít người sợ bị chúng gạt lường nên chưa chịn sẵn lòng mà ra vốn, Vậy tôi xin phân-giải đều này cho quốc-dân hiểu rõ : sự gian lận là một thói xấu chung

cửa hoàn-cầu, chớ chẳng phải riêng cửa Nam-Việt. Nước nào cũng có kẻ quấy người phải, xứ nào cũng có kẻ ngay người vạy. Nếu dân-tộc trên địa-cầu này mà nghi-kỵ như mình vạy hết thì ngày nay bên Âu-châu, Á-mỹ có xe lửa đầu mà đưa rước hành nhơn, có tàu khói đầu mà chuyên vận hàng hóa. Chẳng phải người ở châu Âu châu Mỹ mà chơn chất hết, không biết gian xảo : ấy là tại chỗ nghiêng cứu người ta đã cùng rồi, lẽ luật đầu đều lập rõ ràng đó, nên khó mà ăn gian được. Nói rút một điều, hễ muốn làm việc lớn thì chớ khá câu chấp việc nhỏ. Sự gian lận là tánh xấu thường, đời nào cũng có, nước nào cũng có. Miễn là lẽ luật lập cho rành, hội chủ-sự cho mẫn cán thì đủ ngăn ngừa kẻ quấy được. Vả tôi tính lập có 200 hội Canh-diền mà thôi, còn người lịch lãm trong việc ruộng ở xứ mình đếm có gần một triệu người. Vạy lựa rút trong một triệu đó không có đủ 200 người đáng mà cai quản những hội sể lập đó hay sao ?

Trong sự lập hội đây chẳng phải dân tỉnh nào hùn làm theo tỉnh nấy, nếu tỉnh như vậy thì nhơn dân xứ Hatien là xứ nghèo khổ có vốn đầu đủ mà khai phá cho hết đất được. Sự lập hội phải cáo báo trong Nhứt-trình dặng ai muốn hùn vô tùy ý, chẳng cần người xứ nào. Làm như vậy hội mới mau thành, vốn mới lớn được mà tác dụng.

Tôi vẫn đã liệu trước sao cũng có người ra biện bát nói rằng sự lập hội thì dễ rồi mà nếu đất chưa có kinh rạch cho thông thì dầu cho sẵn vốn lớn, sẵn dân đông cũng không thể nào mà khai phá được. Cải như vậy thiệt cũng phải đó chút, song đồng-bang ta nghĩ đó mà coi, dầu quốc-dân ta sốt sắng đường nào, ham hố thế nào thì cũng chẳng phải một dôi năm mà lập cho thành 200 hội Canh-diền được. Vạy thì bây giờ mình coi đất chỗ nào có đường nước thông lưu thì mình lập hội mà khai phá mấy chỗ

đó trước. Theo tôi biết đây, đất miền hướng Tây Nam-kỳ dựa sông dựa rạch mà còn bỏ hoang kể biết mấy chục muôn mẫu. Kia ở miền Cà-mau kinh Quan-lộ khai rồi, ở miền Giồng-riềng sẳn kinh Thốt-nốt và kinh Ô-môn, ở miền Núi-sập sẳn kinh Rạch-giá ; thiếu chi đất mà khai phá. Và theo chương-trình khai kinh thì có định đào mấy cái kinh lớn là 1· kinh từ chợ Châu-đốc xuống chợ Rạch-giá ; 2· kinh từ vàm sông Cái-bé (Rạch-sỏi) ra Longxuyên, 3· kinh từ Xà-tón (Triton) qua bãi Cây-Dương (Vịnh-xiêm) : 4· vét cho thông kinh từ Xà-tón ra Hậu-giang. Các kinh này Chánh-Phủ đã dự định vào chương-trình rồi. Bây giờ xán mắc lo đào kinh bên miền Tháp-mười. Ngày nào xán đào xong bên Tháp-mười rồi thì sẽ dời qua mà đào bên miền Hậu-giang.

Đó bây giờ muốn lập hội Canh-diền thì lập lần mấy chỗ có kinh rạch sẳn rồi chừng nào kinh khai tới đâu mình kêu hùn lập thêm tới đó, một năm lập năm mười hội, khai phá một ít ngàn mẫu đất, làm như thế trong mười năm hoặc 20 năm thì đất phải thành thực hết, mỗi lợi phải trở nên to, quốc-dân ta phải phú túc, dầu cho ai muốn ngăn cản sự tấn-hóa nơi cõi Việt-Nam cũng không thể ngăn cản được.

Sự lập hội Canh-diền tôi đã luận trước đây là tính lập trong mấy tỉnh đất còn hoang nhàn, nên phải dùng thế ấy mới có đủ tư-bồn mà khai phá hết đất được. Song ở Nam-Kỳ chẳng những trong mấy tỉnh ấy thiếu tư-bồn mà thôi ; ở miền Trung-ương là chỗ đất đã thành thực lâu năm rồi, mà có nhiều năm bị thủy hạn trùng tai thì điền chủ tá điền đều phải hụt vốn. Vậy trong mấy tỉnh đất còn hoang nhàn thì nên lập hội Canh-diền còn trong mấy tỉnh đất đã thuộc rồi cũng phải làm thế nào mà phòng bị sự ruồi ro hụt vốn. Nếu mình không kim thể chi, để khi thiếu vốn cứ chạy đến chà xả-tri (chetty) hoài thì chẳng những là bị nó làm eo

xách ăn lời nhiều mà thôi, mà cái quyền-lợi nông vụ mình cũng không trọn cầm trong tay được.

Theo ý tôi thì trong mấy tỉnh đất đã thuộc rồi, muốn cho khỏi vay bạc chịu lời nhiều, muốn cho khỏi bán lúa đồ thảo, thì chẳng phương chi hay cho bằng mỗi tỉnh lập một cuộc nông-vụ ngân hàng (Crédit agricole) như đã lập rồi tại Mytho mấy năm nay đó. Khi điền-chủ huy vốn đến hội mà vay bạc thì lời rất nhẹ nhàn; còn khi cần dùng tiền mà lúa rẻ không muốn bán thì đem lúa gởi cho hội, lấy mớ nhằm bạc về xài rồi chừng nào lúa phát giá sẽ bán mà thối bạc lại cho hội. Ấy là cuộc kinh-tế rất qui báu, ấy là nẻo phương tiện của nhà nông, vậy quốc-dân ta khá lưu ý trong cuộc này. Còn như mấy tỉnh ở hướng Tây lập hội Canh-diền rồi mà lập luôn được cuộc nông-vụ ngân hàng nữa thì lại càng tốt lắm.

Nông-vụ bịnh nguyên thứ nhứt về phần tư-bồn tôi đã phân rồi, vậy tôi xin chỉ luôn thuốc mà giải cái bịnh nguyên thứ nhì là sự thiếu điền-phu mà khai phá ruộng đất.

Diện tích xứ Nam-Kỳ đo được 5.500.000 mẫu đất, còn hơn số thì tính được 3.000.000 người. Trong số ba triệu người đây phải trừ Khách-trú ra bớt 100.000 người, trừ con nít nhỏ, người già yếu, quan-viên chức-việc cùng người mua bán và làm thuê mướn nơi các chợ hết 1.400.000 người thì còn lại số dân tráng kiện làm ruộng được kể chừng 1.500.000 người. Và trong số 5 triệu rưỡi mẫu đất phải trừ ra 900.000 mẫu đất bị nhà cửa vườn ao sông rạch choán thì còn có 4.600.000 mẫu. Nếu lấy số này mà chia cho số một triệu rưỡi người thì mỗi người phải deo trồng trên ba mẫu mới hết đất được.

Người mà mần cang trong nông-nghiệp, chuyên cần sự làm ăn thì trong ba mẫu đất làm cũng chẳng khó chi đó.

Ngặt trong số một triệu rưỡi người nói trước đây thì kẻ luôn đàn-bà vô đó ; lại dân phần nhiều sức yếu đuối lánh biến nhất nên càng đều mỗi người ba mẫu đất thì cũng nhiều người làm không kham. Bởi đó nên xưa nay cho xứ Nam-kỳ là xứ khiếm nhơn-công cũng phải lắm đó. Tuy vậy mà chẳng nên thấy số người ít còn thấy số đất nhiều mà kinh cụ, vì trong Nam-kỳ nhơn-dân ở chẳng đều ; có nhiều tỉnh như : Gocong, Cholon, Bentre, Sadec, Vinhlong diện tích thì nhỏ hẹp mà dân số thì đông đảo. Còn có nhiều tỉnh như là : Cantho, Longxuyen, Chaudoc, Rachgia, Bacliè Soctrang, Travinh, lấy diện tích mà sánh thì lớn hơn mà dân số thì đông đảo hơn nhiều, còn lấy dân số mà sánh thì chẳng hơn bao nhiêu đó.

Vậy nay muốn cho có đủ nhơn-công mà khai phá những đất còn bỏ hoang trong mấy tỉnh miền hướng Tây thì chẳng có kế chi mà hay cho bằng trước hết lo khuyến khích dân sự trong mấy tỉnh ở miền Trung-trong, đem vợ con dời nhà cửa đến mấy chỗ đất còn rộng ở mà khai phá. Như số dân dư ấy đã đến hết mà còn thiếu nữa thì khác chuyên vận dân sự Bắc-Kỳ và Trúng-Kỳ vào Nam-Kỳ càng nhiều, làm như thế thì số hai triệu mẫu đất còn bỏ hoang đó phải thành điền hết.

Vả trong mấy tỉnh ở miền Trung-ương giá đất mắc lắm. Như ở Gocong, Tanan, Mytho, Bentre, Vinhlong, Cholon đất bán đến ba bốn trăm đồng một mẫu, mà số lúa lại được lấy bực trung thì mỗi mẫu chừng 80 gạ là nhiều còn số lúa cho mướn đến ba chục hoặc ba mươi lăm gạ một mẫu. Tại sao đất làm lúa không nhiều mà cho mướn mắc và bán cao giá như thế ? Ấy là tại dân sự đông, không có đủ cho chúng nó làm, nên dành nhau mà mướn dành nhau mà mua tự nhiên phải mắc. Còn trong mấy tỉnh ở miền hướng Tây thì đất thuộc có bán mắc lắm chừng

lãi 150 đồng và cho mượn chừng 20 gia một mẫu, mà mỗi mẫu làm may trúng gặt tới 150 gia lúa. Tại sao đất tốt mà cho mượn rẻ và giá bán thấp ? Ấy là tại thiếu điền-phu.

Thuở nay dân sự ở miền Trung-trương đem gia quyến xuống miền hướng Tây mà làm ruộng cũng nhiều, song mấy người ấy phần nhiều là người nghèo nàn hoặc bị suy sụp nên bắt đất dĩ phải bỏ xứ mà đi đở chớ thiệt chẳng phải là biết so sánh sự lợi hại mà đi. Vả quốc-dân ta bởi chỗ nghe thấy còn hẹp hòi nên ít ư bỏ xứ mình mà đi đến xứ lạ. Đã vậy mà thuở nay điền-chủ ở miền hướng Tây phần nhiều lại hay bó buộc tá canh. Có tên dân nào đến xin mượn ruộng, hễ nó vay 10 gia lúa ăn mà làm thì tới ngày gặt buộc phải trả 20 gia, hỏi mượn một đồng bạc phải trả hai đồng. Sự cho vay ăn lời nhiều đây hễ ai trách móc thì hay đổ thừa cho sự rủi ro và hay nói tá-canh là người xứ lạ, không căn cước, trúng mùa thì ở thất mùa thì đi, nên phải ăn lời mắc mà trừ với năm không đòi được.

Than ôi ! xứ mình thiếu nhơn-công mà làm ruộng ; nếu mình muốn cho có nhơn-công thì phải dùng thế nào chớ mấy ông điền-chủ đồng nhau một ý mà làm như thế thì đã hại cho chúng mà hại cho mình biết chừng nào. Ruộng cho tá điền làm đã ăn lúa mượn rồi, còn lúa và bạc cho vay lại một ăn lời một nữa thì kể tá điền, may trúng mùa chẳng nói chi, rủi thất mùa không có lúa mà dong lúa ruộng thay, có lúa đâu mà trả lúa vay nữa. Minh bó buộc như vậy làm sao mà nó không trốn. Vả hiện kiêm xứ Nam-kỳ thiếu nhơn-công mà cũng thiếu tư-bồn. Vậy thì nhơn-công với tư-bồn phải coi qui trọng bằng nhau mới phải, chớ tư-bồn thì muốn sanh lợi cho nhiều, còn nhơn-công thì muốn chịu phần thiệt hại, há công bình sao ? Nếu mấy nhà điền-chủ lớn cứ noi theo thói củ mà

làm hoài, thì e đất thuộc rồi cũng phải bỏ hoan lại chẳng lựa là đất còn hoan.

Luận sát mà nghe, ví như mình là điền-chủ xuất 10.000 \$ mà mua một sớ đất 1.000 mẫu. Nay muốn khai phá đất ấy mới chiêu 500 tá-diền. Số tá-diền này mỗi năm vay lúa của mình mỗi đũa là 10 gia, cộng chung là 5.000 gia. Tới mùa gặt rồi chúng nó trả lại cho mình tính lời theo lệ thuở nay thì là 10.000 gia, nghĩa là mỗi năm mình lời 5.000 gia lúa. Làm trong ba năm đất thành thực hết thì mình lời được 15.000 gia lúa. Ban sơ xuất vốn có 10.000 \$ mà mỗi năm lời được 5.000 gia lúa, tiền cho vay như thế cũng là lợi nhiều rồi, huống trong ba năm đất thành thực hết, giá mỗi mẫu đáng 50 \$, cộng giá đất là 50.000 \$ thì mình còn lời thêm 40.000 \$ nữa. Ấy là phần điền-chủ lời nhiều mình thấy như vậy rồi.

Còn phần tá canh, ví như mỗi người làm hai mẫu đất; đầu đất mới khởi đóng lúa mướn, mà cúi năm nếp tính theo trúng thì gặt được 300 gia lúa. Trong 300 gia ấy phải trả lúa vay hết 20 gia, quần áo cho gia quyến hết 30 gia, ăn xài trong năm lối chừng 50 gia, cộng số chót cũng hết 100 gia rồi. Nếu mỗi tên tá canh mỗi năm sở tồn hết 100 gia, còn dư lại được 200 gia, thì trong ba năm dư có 600 gia lúa mà thôi. Đã biết kẻ nghèo có 600 gia lúa cũng cho là nhiều, mà nếu chúng nó nhớ đến ông chủ điền cũng trong ba năm ấy lời được 15.000 gia lúa và 40.000 đồng bạc nữa thì chúng nó lại không phân bì hay sao?

Đây là tôi luận sự trúng luôn đến ba năm; chớ ruộng như thất thì tá canh không có một hột lúa dư, còn điền chủ tuy lúa cho vay đòi không được, trong ba năm phải mất hết 15.000 gia lúa, mà ruộng cũng đã thành thực rồi đầu đem mà bán thì cũng có lời ít nữa là hai ba muôn đồng bạc vậy. Lấy đó mà suy thì rõ thấy phe tư-bồn thu nay ở gát hơn phe nhơn-công là dường nào.

Vậy nay mấy ông điền chủ lớn muốn cho có đủ tá canh mà mở ruộng thì tôi tưởng cũng nên trọng phần nhơn-công, nghĩa là phải để nhơn-công chia lợi cho bằng cái tư-bồn vậy mới được. Ví như mình xuất 10.000 mà mua 1.000 mẫu đất. Mình rao cho tá canh biết rằng ai muốn khai phá sở đất ấy thì đến mà làm tờ giao kèo với mình, hề làm thành thực rồi mình lấy đất hai phần còn chia cho họ một phần. Ai không có lúa ăn mà làm thì mình cho vay, 10 gia tới ngày trả 15 gia mà thôi. Trong giao kèo buộc người nào không trả lúa vay thì không được chia đất. Làm như thế mình ra 5.000 gia lúa mỗi năm mình lời 2.500 gia. Như ba năm thành điền mình lời được 7.500 gia, còn đất mình còn được 666 mẫu, tính giá 50 \$ một mẫu, thì được 33.300 \$ trừ 10.000 \$ vốn mua thì còn lời 23.300 \$, Ấy cũng là lời nhiều rồi. Còn phần tá canh, như cả gia quyến nó lãnh làm 6 mẫu đất, thì trong ba năm nó té được 2 mẫu mà làm ăn. Ấy là kế cộng lợi.

Vã dân quê mùa nghèo khổ muốn mua một mẫu đất thì bạc tiền đâu mà mua, còn muốn đi khẩn thì chẳng biết đâu mà xin khẩn. Mình làm điền chủ đã có sẵn trí thức mà đứng đót, lại cũng đủ tư-bồn mà chịu tổn hao, như mướn kinh-lý đo, đóng tiền tra xét v. v. thế thì mình ra đứng khẩn rất dễ hơn dân nghèo dốt. Nếu mình khẩn được cho dân ấy nó làm, rồi sau chia bớt một phần cho chúng nó thì chúng nó vui mừng biết chừng nào. Nếu điền chủ mỗi nhà đều dùng thế này thì khỏi lo thiếu nhơn-công, khỏi sợ dực lúa vốn nữa.

Tôi vẫn biết trong Việt-Nam ta xưa nay phe học-thức và phe tư-bồn thường hay yểm chế phe nhơn-công mà thủ lợi. Nếu bày cách cộng lợi bình quyền như tôi luận trước đây thì ít ai chịu vui lòng mà xuôi thuận. Song trộm nghĩ lúc này quan Tổng-Thống Toàn-Quyền Albert Sarraut

đương trù hoạch mà rộng mở đường kinh-tế trong xứ ta. Nhơn-công cũng là một phần quý trọng trong cuộc kinh-tế. Vậy xin các nhà tư-bồn khá đổi tánh cải cách, ngổ thuận tiện bề tấn-hóa của quê-vực. Nếu ông điền-chủ nào mà làm thử như cách tôi tỏ bày trên đây, thì chắc chẳng những là dân ở trong tỉnh áp tới xin làm đất mình mà thôi, mà dân tỉnh khác hoặc dân Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ cũng ham tới mà khai phá đất mình nữa. Tôi hằng thấy mấy nhà nông-phu ở trong mấy tỉnh Trung-ương lấy làm khốn khổ lắm, chẳng có phương thế nào mà mua sắm nổi một mẫu đất. Vì như ở miền ấy có người trong nhà có được một đừa con có sức mạnh biết làm ruộng dổi. Người ấy đến điền chủ hỏi 5 mẫu đất mà làm. Tới mùa gặt rồi phải đóng 200 gia lúa mướn đất, 50 gia lúa mướn trâu, 100 gia lúa mướn công deo cấy gặt, đập, cọng hết 350 gia. Mà trong 5 mẫu đất ấy có trúng thì gặt được chừng 400 gia là nhiều. Té ra cả nhà làm mản năm, còn dư lại có 50 gia lúa không đủ làm cơm mà ăn. Mà tình mùa trúng mới có dư đó, chớ ruồi thất thì phải thiếu năm ba chục gia. Người ở miền Trung-ương bị khổ như thế mà cứ cui cục làm hoài, ruộng mướn mắc, lúa làm ít mà không chịu đi là vì sợ đến miền hướng Tây điền-chủ tuy cho mướn đất rẻ mà lúa vay cho mắc thì cũng chẳng khác chi ở xứ mình, trốn đây mắc đó, nghĩ không ích chi mà phải bòn chòn bỏ xứ.

Vậy nếu mấy điền-chủ ở hướng Tây mà dụng thế cọng lợi như tôi bày đây thì dân ở Trung-ương ham đến biết chừng nào, vì chúng nó nghỉ xuống đó trong ba năm sẽ được làm chủ đất được ít nhiều, chớ cứ dần dà nơi xứ sở hoài thì có thể chi mà làm điền-chủ được.

Đây là nói về nhơn-công ở mấy tỉnh Trung-ương nhơn số nhiều, nên chắc dễ mà dời xuống hướng Tây được.

Còn Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ là hai xứ núi cao rừng lớn, phần đất đai trồng được thì có ít nên không đủ cho dân làm ăn. Nếu điền-chủ Nam-Kỳ mà biết sách cọng lợi, biết trọng nhơn-công thì dân sự trong hai miền ấy sẽ trảng vô mà giúp với người trong Nam dựng mở mang ruộng đất thì sự lợi mau thấy biết chừng nào. Vậy xin đồng-bang tỉnh ngộ dựng khai tài-nguyên trong cõi Nam-Châu; nếu đồng-bang ta sẵn nguồn lợi lớn mà chẳng canh cải rộng khai thì uổng bấy Hóa-Công phú tử.

Tôi cũng biết tôi luận như vậy thì lạ lổ tai của mấy ông điền-chủ. Song khá nghĩ lại kỹ mà coi, xứ mình đương khiếm khuyết: một là tư-bồn, hai là nhơn-công, mà đồng-bang ta chẳng biết lập thể chi mà trừ hai bệnh ấy thì làm sao mà thủ cái mối lợi lớn trong nông-nghiệp cho dựng.

Nếu không làm cho có tư-bồn sẵn mà dùng thì dầu làm có lúa nhiều bao nhiêu cũng bị Khách-trú thôn đoại hết một mớ. Còn như không tính phương làm cho có nhơn-công thì những đất tốt của xứ ta dùng phần ít bỏ phần nhiều lại uổng biết ngần nào mà nói.

(Sau sẽ tiếp theo)

· BIỂU-CHÁNH.



Nông-nghiệp giáo-dục

Cải khai-hóa chủ-nghĩa nơi Thuộc-địa là lo mở rộng phần học-thức, lo sửa sang môn thiết-nghiệp cho dân-tộc nơi Thuộc-địa hưởng nhờ. Nhà-nước Đại-Pháp lãnh phần khai-hóa cõi Việt-Nam đã gần 60 năm nay, chẳng hề có giây phút nào mà quên cái tôn-chĩ ấy. Bởi vậy mỗi năm đều có mở thêm trường làng, trường tổng cùng trong cả Tam kỳ mà phổ hóa quốc-dân, lại cũng có lập nhiều trường trung-học nơi Saigon và Hà-nội mà dạy quốc-dân cho rộng phần tri-thức.

Từ ngày quan Tổng-Thống Toàn-Quyền **Albert Sarraut** trùg nhậm cõi Đông-Dương thì Ngài lại còn lo lẫn phần học-thức và cuộc lý-tài cho quốc-dân ta hơn nữa. Ngài đã táng thành một cuộc Đại-học rất nguy nga; Ngài đã mở rộng y-khoa học-hiệu, thú-y học-hiệu; Ngài lại còn lập thêm trường Cao-đẳng sư-phạm, trường Pháp-luật và Chánh-trị, trường Bát-vật và Hóa-học; rồi đây Ngài sẽ mở trường Hàng-hải, trường Nông-lâm, trường Thương-cổ nữa. Lấy theo chương-trình giáo-dục của quan Toàn-Quyền sắp đặt đó mà suy, thì ai cũng rõ thấy cái chủ-ý của Ngài muốn cho quốc-dân ta thông hiểu thiết-nghiệp chư-môn, dặng đủ tri-lực mà mở rộng tài-nguyên và bảo toàn quyền-lợi nơi đất Việt.

Vả địa-thế Nam-Kỳ một phần thì đất cao ráo dễ trồng cây lập vườn, còn một phần thì đất thấp thỏm rất hiệp cấy lúa làm ruộng. Quan Nguyên-Soái Nam-Kỳ muốn cho quốc-dân rành trong nông-nghiệp nên Ngài mới định lập tại Bến-cát, thuộc tỉnh Thudâumôt, một nhà trường để dạy cách làm ruộng và cách sửa rừng.

Trường Nông-nghiệp và Lâm-nghiệp nơi Bến-cát sẽ chia làm 2 hạng. Một hạng sẽ dạy Hóa-học thì để cho học-sanh đã học 2 năm tốt nghiệp nơi trường Bát-vật ở Hà-nội rồi về đó mà tập cách thiết-hành. Hạng này cao xa nên học-

sanh buộc phải có bằng-cấp Tú-tài, hoặc bằng-cấp Cao-đẳng học mới được. Còn một hạng thì dạy ròng cách thiết-hành, nên những học-sanh nào từ 15 tới 25 tuổi có bằng-cấp sơ-học, hoặc là nghe hiểu và nói tiếng Langsa được thì học được hết thầy.

Vả trường Bát-vật tại Hà-nội mới lập đây mà thôi, nên trong 2 năm nữa mới có học-sanh vào lớp Cao-đẳng trường Bến-cát được.

Qua đầu tháng Avril 1918, khai trường là dạy lớp hạ-đẳng. Học trò lớp này ở ăn học trong trường khỏi trả tiền mà lại mỗi tháng còn lãnh mỗi trò 6 \$ 00 mà chi phí. Trong năm đầu thì học trò học chung các môn phổ-thông ; qua năm thứ nhì thì sẽ chia học trò ra làm 4 lớp đặng cho chúng nó tùy xứ sở của chúng nó mà chuyên học nghề riêng, hoặc làm ruộng, hoặc lập vườn, hoặc sữa rừn, hoặc trồng dâu nuôi tằm. Hễ học 2 năm lãnh cấp-bằng tốt-nghiệp rồi muốn về dùng sự học-thức mà khai phá đất của mình cũng được, hay là muốn vào sở Nông-chánh cùng sở Kiểm-làm mà giúp việc với Nhà-nước cũng được.

Xứ Nam-Kỳ là xứ rừng sâu ruộng tốt. Xưa nay bởi tại quốc-dân ta thiếu chỗ học-thức về phần nông-nghiệp, nên rừng có đủ cây tốt mà bỏ hoang, đất có sẵn phân mà không lập vườn, ruộng tốt mình mông mà cấy lúa mới được một góc ba mà thôi. Chánh-Phủ thiết lập Nông-nghiệp học-đường là có ý làm cho quốc-dân có tài trí mà biết tiếp dưỡng những cây quý trong rừng, khai phá đất mà cấy lúa cho đầy trong xứ và biết lập vườn trồng tĩa những cao-su, cà-phê, bông-vải, mía, gai, vân vân. Ấy là một cuộc gây dựng mà làm cho đường lý-tài của quê-hương ta thanh vượn. Trong một đôi chục năm nữa đây chúng ta sẽ có những người bát-lắm trong nghề trồng cây làm ruộng rồi, thì lo chi Nông-vụ cõi Việt-Nam không tấn phát. Tuy vậy mà tôi còn e một nhà trường nơi Bến-cát không đủ mà nắn đúc được dòng người trí-thức, không đủ mà phổ hóa

cho mau cái nghề nông tang chẳng. Vả bên Ấn-độ (Inde Anglaise) trong mỗi trường làng Chánh-Phủ Hồng-Mao có buộc phải dạy Nông-nghiệp. Dạy bên mé trường đều có dọn một miếng ruộng mà dạy cấy lúa và một khoảnh đất mà dạy trồng cây. Mỗi năm Nhà-nước phát giống rồi thầy trò ra đó mà tập deo cấy. Trong lớp học thì thầy lấy sách mà dạy học trò Nông-nghiệp, rồi ra tại chỗ đất lại còn chỉ cách thiết-hành, cắt nghĩa địa-chất cho học trò nghe, chỉ rõ thứ phân nào hiệp với cây nào, thứ giống nào phải deo trồng lúc nào, cách nuôi dưỡng súc-vật phải làm sao. Làm như vậy thì mỗi đứa học trò đâu không thể học tới trường lớn, cũng có trí-thức chút đỉnh đủ mà nuôi miệng nơi miền sản-dã.

Xứ Nam-Kỳ ta trường học lập gần đủ trong các làng. Con nít học trong những trường làng thì đông mà trong đám học trò ấy phần nhiều học nội trường làng mà thôi, chớ không có thể đi tới trường lớn hơn nữa được. Chớ chi Chánh-Phủ làm theo bên Thuộc Anh Ấn-Độ, rộng lòng chế sửa chương-trình giáo-huấn các trường làng lại, xen môn nông-nghiệp mỗi tuần cho dạy nửa ngày, dạy tập rèn trẻ nhỏ cho chúng nó thông hiểu sơ lược nghề nông-tang, phòng một ít năm chúng nó lớn khôn trở về nhà, hoặc lập vườn, hoặc làm ruộng, thì đã biết chút đỉnh nghề nghiệp sẵn. Những trường ở trong mấy tỉnh thuộc đất cao thì xen dạy nghề lập vườn trồng cây, còn mấy trường thuộc mấy tỉnh đất thấp thì xen dạy nghề cấy lúa làm ruộng. Sự biến cải này nhằm cũng chẳng tốn hao bao nhiêu. Nếu làng nào có đất công-diền thì tốt, bằng không thì mua của điền-chủ lại một khoảnh đất cho học trò dùng.

Tôi cũng biết lời tôi ao ước như vậy sao cũng có người phản đối rằng những giáo-sư nơi trường làng phần nhiều không quen thuộc nghề lập vườn cấy lúa thì làm sao mà dạy học trò cho được. Nói như vậy cũng phải, song quốc-

dân ta sanh trưởng trong chốn ruộng rầy, có người nào mà có học-thức đủ đi làm giáo-sư được, mà lại không thông hiểu chút đỉnh trong nông-nghiệp bao giờ. Mà nếu có sợ vậy, thì lúc thi chọn thầy giáo làng nên xen vào một khoa nông-phổ mà khảo duợt. Vả Nam-Kỳ sẵn có một sở Nông-vụ. Nếu Chánh-Phủ muốn thì dạy sở ấy phải làm sách chỉ vẽ cách trồng cây cách cấy lúa, rồi in mà phát cho giáo-sư các trường. Mỗi năm đến lúc bãi trường lại cho chức việc sở Nông-vụ đến mấy tỉnh thành đòi các giáo-sư tới nghe diễn-thuyết trong năm ba ngày mà tập luyện họ nữa. Làm như thế thì lo chi không thành tựu.

Bên Thuộc Anh Ấn-Độ người ta làm như thế nên cuộc lý-tài mới mau hưng vượng. Ấy là một cái gương tốt nên bắt chước lắm chớ. Tôi tưởng quan Toàn-Quyền Albert Sarraut là đứng lão thành kinh-tế, Ngài đã sẵn lòng trau dồi trí thức của Quốc-dân ta và mở mang thiết-nghiệp nơi quê-vực ta, có lẽ khi Ngài cũng có trù nghĩ đến việc này rồi chớ chẳng không.

QUI-THÀNH.



Đông-Dương sản vật xuất dương

Trong xứ Đông-Dương ta tuy cuộc lý-tài chưa được mở mang cho lắm, song mỗi năm những sản vật bán ra cho các nước, nếu kể cho hết thì cũng nhiều. Quốc-dân ta xưa nay thấy tàu buôn các nước ra vô cửa Saigon và cửa Haiphong dập dềnh thì cũng biết tàu ấy chở chuyên hàng hóa đến rồi mua sản vật xứ mình mà chở đi, song phần nhiều chưa rõ tàu đến mua vật chi ở xứ mình, mua thứ nào là bao nhiêu, và mua rồi đem đi đâu mà bán.

Vậy tôi xin kể sơ những số sản vật xuất cảng ra sau đây cho quốc-dân rõ biết. Sản vật của xứ ta xuất cảng cũng nhiều thứ mà duy có món gạo lúa thì chở đi nhiều hơn hết. Từ đầu tháng giêng cho tới cuối tháng 6 năm 1917, số lúa gạo tại cửa Saigon chở sang:

Đại-Pháp	89.057 tấn (mỗi tấn 1000 kilos).	
Thuộc-địa Hà-lang	33.207	id.
Hạ-châu (Singapore) . .	78.029	id.
Lữ-Tổng (Iles Philippines)	60.337	id.
Hương-Cảng	324.567	id.
Nhứt-Bồn	39.460	id.
Các chỗ khác.	1.913	id.

Cộng 626.570 tấn

Sáu tháng trước trong năm 1917, số lúa gạo xuất cảng thì là 626.570 tấn. Nếu kể nội số này mà thôi thì quốc-dân chẳng biết năm nay số lúa gạo bán ra nhiều hay là ít hơn số mấy năm trước. Vậy tôi cũng kể luôn số lúa gạo bán nội 6 tháng đầu trong 8 năm trước nữa dặng đề cho quốc-dân so sánh.

Sáu tháng đầu trong năm 1916.	698.077	tấn
id. 1915.	560.849	id.
id. 1914.	729.372	id.
id. 1913.	549.789	id.
id. 1912.	380.591	id.
id. 1911.	451.544	id.
id. 1910.	653.549	id.
id. 1909.	491.409	id.

Lấy theo những số biên trên đây mà suy thì rõ thấy lúa gạo xứ mình trong năm 1917 bán ra cũng chẳng ít chi hơn mấy năm trước. Các nước cũng cứ mua lúa gạo xứ mình, mà tại sao trong năm 1917 giá lúa lại rẻ hơn mấy năm trước? Ấy cũng tại nhiều duyên cớ, mà nhứt là tại năm 1917 giá bạc trời cao, nhì là tại tiền chở chuyên hàng hóa cũng tăng mắc nữa. Vả mấy năm trước mỗi đồng bạc ở Đông-Dương các nước trị giá chừng hai quan ba hoặc hai quan năm tiền tây mà thôi. Trong năm 1917 mỗi đồng bạc của mình lên giá đến ba quan hoặc bốn quan. Mấy nhà máy mua lúa của điền-chủ thì tính theo số bạc nơi Đông-Dương rồi chừng bán lúa ấy lại cho các nước thì tính theo số quan tiền tây. Ví như hồi mấy năm trước mua 100 gia lúa thì trả bạc 70 đồng. Tính theo giá bạc 2 quan bốn tiền thì là 168 quan. Trong năm 1917 mua 100 gia lúa thì trả bạc 50 đồng : tính theo giá bạc 3 quan sáu tiền thì là 180 quan. Nếu lấy theo số quan tiền tây mà tính thì giá lúa trong năm 1917 chẳng kém hơn giá lúa mấy năm trước.

Đã vậy mà trước khi Âu-Châu khai chiến thì tàu buôn chở hàng hoá ắt giá rất rẻ. Ví như Saigon chở đi Hưóng-Cảng mỗi tạ ắt tiền năm 1914, 1915, 0\$ 15, năm 1916, 0\$ 28 mà thôi ; còn Saigon chở đi về Đại-Pháp mỗi tấn (1.000 kilô) ắt tiền năm 1914, 25 quan, năm 1915, 100 quan, năm 1916, 230 quan. Trong năm 1917 tàu ở Saigon chở đi Hưóng-

Cãng mỗi tạ ăn tới 1 \$ 00 hoặc 1 \$ 10 còn đi về Đại-Pháp mỗi tấn (1.000 kilos) ăn tới 1.000 hoặc 1.200 quan. Nếu tàu tăng tiền chở như thế thì ai dám mua lúa gạo mình mắc cho được. Ấy vậy năm 1917 lúa gạo mà sục giá hơn mấy năm trước có phải, một là tại bởi tiền chở mắc, hai là tại bạc đồng của mình lên giá đó không? Còn so sánh mấy số xuất cãng nội tuần 6 tháng đầu, từ chín năm nay thì lại thấy duy có năm 1911 và 1912 số lúa bán ra ít hơn hết. Chẳng phải trong 2 năm đó các nước mua lúa ít. Xin quốc-dân nhớ lại đó mà coi, ấy là tại trong lúc đó Nam-Kỳ thất luôn hai năm nên không có lúa dư nhiều mà bán cho nhiều.

Trong Châu Á-Đông này nước nào cũng có làm ruộng lúa. Song có xứ như Trung-Hoa, Nhật-Bổn, Lữ-Tống, Hạ-Châu, Ấn-Độ, Thuộc-địa Hà-Lang bị địa thế cao ráo nên cấy lúa nhiều không được, còn dân số thì đông nên gặt không đủ cho dân trong xứ dùng. Trong Đông-Dương ta nơi Bắc-Kỳ thì mỗi năm lúa gặt đủ trong xứ dùng, có năm trúng mùa thì bán ra ngoài được chút đỉnh; xứ Trung-Kỳ và Cao-Man thì lúa gặt không đủ mà dùng, duy có Nam-Kỳ số ruộng nhiều, trong bốn năm năm sau đây, mỗi năm số lúa dư để mà chở đi ngoại-quốc tính chừng 1.300.000 tấn. Nơi miền Á-Đông này duy có Miến-Điện và Xiêm-La có ruộng lúa nhiều như Nam-Kỳ mà thôi, song Xiêm-La nông-vụ chưa được mỡ mang cho mấy. Nam-Kỳ ta mấy năm nay nơi chốn cốc-mễ thương-trường thì chỉ có cạnh tranh với Miến-Điện mà thôi. Ruộng Nam-Kỳ ta thuộc đất bưng nên lúa hột nhỏ mà ngon cơm, còn ruộng Miến-Điện thuộc đất cát nên lúa hột lớn mà cơm cứng. Bởi hai giống lúa khác nhau nên dân sự các nước có chỗ thì ưa giống lúa Nam-Kỳ còn có chỗ lại ưa giống lúa Miến-Điện. Tôi xin kể số lúa gạo Miến-Điện bán nội 6 tháng đầu trong năm 1917 và bán cho xứ nào bao nhiêu cho quốc-dân rõ thấy mà so sánh với số lúa của mình bán.

Tại cửa Răng-Gun (kinh sư xứ Miến-Điện) thì đầu tháng giêng tới cúi tháng 6 năm 1917 số lúa gạo chở đi :

Âu Châu	173.641 tấn.
Thuộc Anh Ấn-Độ	452.688 id.
Hạ-Châu, Úc-dại-Lợi, Nhật-Bổn và Hà-Lang thuộc-địa.	183.182 id.
Thế-giải-mới.	35.813 id.

Cộng. 845.324 tấn.

Còn nội 6 tháng đầu trong năm 1916 thì xuất cảng 930.729 tấn.

Lấy số lúa gạo xuất cảng nơi Răng-Gun mà sánh với số xuất cảng nơi Saigon thì số lúa mình bán ra ít hơn lúa Miến-Điện là 218.734 tấn.

Quốc-dân xét kỹ đó mà coi số lúa của mình phần nhiều thì chở đi Hưởng-Cảng mà bán cho dân Trung-Quốc chở chẳng có chở qua Thuộc-Anh Ấn-Độ, còn số lúa Miến-Điện phần nhiều thì bán cho Thuộc-Anh Ấn-Độ chở không có bán cho Trung-Hoa. Vả Miến-Điện là nước của Hồng-Mao bảo hộ ; bởi vậy hằng ngày Hồng-Mao lo cải-lương nông-vụ dặng chiếm đại lợi nơi cốc-mễ thương-trường. Nếu nông-gia Nam-Việt muốn khỏi thua súc người thì phải lựa những giống lúa tốt mà gieo trồng ; khi gặt rồi chở nên trộn lộn giống này với giống kia, chở nên ngâm nước cho nặng cân, vì làm như thế ở các nước chẻ lúa mình mà áp mua lúa Miến-Điện.

Đã vậy mà các nước bên Á-Đông này dân sanh sản một ngày một thêm đông, còn các nước bên Âu-Châu dương tính, mua gạo về xay bột trộn với bột mì mà làm bánh.

Quốc-dân ta muốn hưởng lợi trong phần cốc-mễ thì khá mau hiệp tư bản cho nhiều, chiêu nhơn cho đông, dặng khai phá cấy lúa cho hết 2 triệu mẫu đất tốt còn bỏ hoang

trong xứ Nam-Kỳ này. Ấy là cuộc kinh tế rất đồ sộ của xứ ta, vậy chúng ta khá lưu ý.

Những số tôi kê trước đây là số những lúa gạo, chó Đòng-Dương ta còn xuất cảng nhiều sản vật rất quý-báu nữa. Như nội 6 tháng đầu năm 1917 tàu chở đi :

Đồ khoán liệu (than đá, kẽm, sắt, thiết.	200.596 tấn 948 kil.
Bắp	7.171 id.
Bông vải.	3.265 id.
Cái dừa khô.	1.362 id.
Tiêu.	624 tấn 839 kil.
Cao su.	416 id.

Còn nhiều thứ như heo, bò, gia, sừng, trà quế, đậu khấu, cá khô, không biết chắc số mà kê.

Đồ khoán liệu và than đá phần nhiều thì chở sang Hường-Cảng và Nhứt-Bồn.

Bắp và cao-su thì chở trọn về Mầu-Quốc. Bông vải thì chở đi Hường Cảng 2.972 tấn, đi Nhứt-Bồn 247 tấn, còn chở sang Mầu-Quốc có 46 tấn mà thôi.

Cái dừa khô thì chở về Mầu-Quốc 993 tấn, đi Nhứt-Bồn 301 tấn, Hạ-Châu 63 tấn và Hường-Cảng 5 tấn.

Tiêu thì chở về Mầu-Quốc 366 tấn 259 kilos còn bao nhiêu thì chở đi Hạ-Châu và Hường-Cảng.

Lấy những số trên đây mà luận thì đồ xuất cảng nơi Đòng-Dương là đồ nguyên chất chứ chẳng có đồ chế tạo. Ấy là tại xứ mình công-nghệ chưa phát minh. Và cuộc kinh tế nó gồm đủ nông-tan, công-nghệ và thương-cổ. Trong ba ấy nếu điểm khuyết một cái thì nước khó mà phú cường cho được. Đòng-Dương ta cuộc nông-tan đường thương-cổ đã có mọi hưng vượng, duy có môn công-nghệ chưa được mở mang. Vậy quốc-dân ta khá lưu tâm nơi đường ấy mà chia mỗi lợi với người. Thuở nay xứ mình có đủ vật liệu mà không biết chế tạo, để đem ra bán cho các nước họ chở

về làm ra món này, đúc ra vật kia rồi chở trở lại mà bán cho quốc-dân ta mua mà dùng, đồ ấy công chở đi, chở về sở tồn biết bao nhiêu? Mà sở tồn đó ai chịu? Quốc-dân ta là người mua đều chịu hết. Nếu trong xứ ta có đủ công-nghệ biết chế tạo vật liệu, thì đồ chế tạo ấy khỏi tiền chở khỏi đóng thuế, làm sao mà bán lại không rẻ hơn đồ của các nước chở đến. Như thế thì người chế tạo là quốc-dân tranh được mỗi lợi to mà người mua cũng là quốc-dân lại được hưởng phần giá rẻ.

Chẳng luận chi cho xa, trong xứ ta có trồng mía, bông vải có để tầm thơm tơ, có đủ thứ cây làm giấy. Nếu quốc-dân biết dùng mía ấy mà làm đường cho trắng như Âu-Châu, biết dùng bông ấy mà dệt vải, biết dùng tơ ấy mà dệt lụa, biết dùng cây ấy mà làm giấy, mỗi thứ làm ra được nhiều đủ cho trong xứ dùng thì các nước có thể nào đem đồ ấy đến Đông-Dương mà bán cho được. Đây là chỉ sơ một dòi thứ chớ Việt-Nam ta trên rừng có đủ thứ cây tốt, dưới đất cũng có đủ than đá, sắt, kẽm, chì, thau. Nếu quốc-dân ta mà khai quặng các nguồn lợi ấy được hết thì sẽ còn chế tạo nhiều món khác quý hơn và lợi hơn nhiều nữa, đủ cho trong xứ dùng khỏi mua của ngoại-quốc.

Ai cũng hay biết quan Toàn-Quyền **Albert Sarraut** hằng ngày đầu đầu nơi sự mở mang cho quê-vực ta. Ngài chủ trương cuộc Hoả-luân-thuyền Công-ty là chủ ý muốn hưng vượng cuộc thương cở của xứ ta, thiết lập nông-lâm học đường là muốn khai quặng nông-vụ xứ ta và tăng thành Bát-vật hóa-học học-đường là muốn phát minh công-nghệ xứ ta. Nếu quốc-dân ta mỗi người đều rõ biết cái chủ ý của Ngài, biết vui mừng cái chỗ trú nghĩ của Ngài, biết xúm xích nhau dưới bóng cờ Tam-sắc rồi để cho Ngài chỉ hướng

cho mà đi, thì làm sao mà đi không kịp người, chỗ nào lại đi không tới. Nếu được như ý Quan Toàn-Quyền đã tính thì đồ sản vật xuất cảng của xứ ta sẽ nhiều bằng năm ba chục lần mấy số kể trước kia chớ chẳng phải bao nhiêu đó mà thôi đâu.

THÚ-TIÊN



BÁC-HỌC KHOA

PHÁP LUẬT

Có câu luật buộc rằng : « *Chẳng ai được nói mình dốt không biết luật* ».

Theo nghĩa câu ấy, thì mỗi người chẳng dặng lấy tiếng dốt mà chữa mình trong khi phạm phép.

Sao mà luật nghiêm như thế ?

Bởi vì trước khi thi hành một cái lẽ-luật chi, thì Chánh-Phủ có bố-cáo lệ-luật ấy trong các công-báo rồi ; tại mình không coi, không hỏi, thì mình phải chịu lấy. Ví bằng dung thứ kẻ dốt, thì hễ khi phạm phép rồi, có ai lại chịu mình hay chữ bao giờ.

Bên Đại-Pháp bố-cáo các lẽ-luật trong Pháp-luật toàn chi, trong xứ Đại-Việt ta, thì bố-cáo trong Đông-Dương công-báo, còn trong năm xứ thuộc cõi Đông-Dương, đều có công-báo riêng để mà thi thố việc bố-cáo ấy.

Mấy cái công-báo đó, toàn là chữ Langsa không có cái nào bằng chữ quốc-âm, cho nên những người có biết chữ Langsa, mà không hay coi công-báo, hoặc những người không thạo chữ Langsa, thì từ nhiên chịu chẳng biết các lẽ-luật đã ban hành trong báo ấy rồi,

Xưa nay, cũng có một hai nhà Báo-quán Annam, lại cũng có một hai ông có lòng ái-chúng dịch những lẽ luật đã ban hành vào báo chương, hoặc làm sách vở ra mà bán, công trình như thế cũng đáng khen ; song dịch tạc chữ Langsa ra chữ quốc-âm mà không giải nghĩa-lý, thì

làm sao trong bọn quốc-dân ta những người ít học vấn, thông hiểu cho dặng. Té ra tuy có công làm mà không có ích chi cho lắm.

Vả lại Chánh-Phủ lập lệ-luật ra là để cho quốc-dân ta biết việc nào nên làm, việc nào nên tránh, ấy là đều mỗi người cần biết dặng chung hưởng cuộc hòa bình trong bốn cảnh, huống chi sự biết lệ-luật nó làm cho người yếu trở nên mạnh, nó gìn giữ chức trách mình, nó bảo toàn gia-nghiệp mình, giương ấy, há chẳng nên chẳng cần biết hay sao ?

Gương trước mặt, ai ai không thấy : có nhiều người vì không biết lệ-luật mà sanh nhiều vụ tranh tụng phi thường ; vì không biết lệ-luật, mà có khi phải hư thân danh bại sự sản ; vì không biết lệ-luật, nên phải vô lòn, ra cuối, bị hiếp đáp không biết lý mà chữa mình.

Có ai là người thấy cái cảnh tượng như thế, lại không động lòng chua xót !

Chớ như mỗi người đều biết lệ-luật, ắt phải biết câu này :

« Trước mặt luật, ai ai cũng đồng một thể » thì làm sao không bớt, không trừ dặng mấy cái mỗi tẻ đã nói trên đó.

Bởi chúng tôi thấy trên Nhà-nước Đại-Pháp trị quốc-dân ta có làm đủ phép mà dưới quốc-dân ta ít được nhờ, lại chúng tôi thiết tưởng rằng việc dạy cho quốc-dân hiểu biết các lệ-luật ban hành trong bốn-quốc, là đều rất quan-hệ và hữu ích lắm, nên chúng tôi quên sự khó nhọc, gắng chí diễn giải các lệ-luật ấy ra sau đây, trước là đỡ bớt cho Nhà-nước nhọc công bố hóa, sau nữa là phụ ích chút đỉnh cho bạn đồng-bang trong chỗ tri thức quyền hành phận sự mình.

Những lệ-luật mà quốc-dân ta chẳng khỏi cần dùng là :

- 1° Chánh-trị luật lệ ;
- 2° Hình-pháp luật lệ ;
- 3° Hộ-pháp luật lệ ;
- 4° Thương-vụ luật lệ.

Vả lại lúc này là lúc quốc-dân ta đương có chí nhiệt-thành về phần công-cỗ, đương cần biết các cách thế để mà cạnh-tranh quyền-lợi, bởi vậy chúng tôi định diễn giải lệ luật thương vụ trước, rồi lần lần chúng tôi sẽ diễn giải tới các thứ luật kia cho toàn bõn.



THƯƠNG VỤ LUẬT LỆ

TIỂU DẪN

Xem trọn bộ Hoàng-Việt luật lệ của Đức Cao-Hoàng Gia-Long ban hành trong nước Đại-Việt này hồi năm Quý-dậu (1813) không thấy một chương nào mà chỉ về cách mua bán hay là xử đoán các việc tranh tụng thuộc về nghiệp ấy.

Lấy đó mà suy, thì đủ biết thuở trước, phần công-cỗ của quốc-dân ta hãy còn sơ bộ lắm. Mà bởi sao vậy ?

Bởi vì thuở ấy quốc-dân ta chưa dặng rộng thầy xa nghe, vẫn chuyên một môn nông-nghiệp gọi là no đủ, lại Chúa ta thuở đó, không chịu giao thiệp với ngoại-bang, nên không có cuộc thương-trường tranh-cạnh như ngày nay, vì vậy, mà nghề công-cỗ trở nên nghề mọn nghề hèn, không ai muốn, không ai làm, không có ai tranh tụng về nghiệp ấy, nên mới không lập lệ luật ra làm chi.

Từ khi Nhà-nước Đại-Pháp qua bão hộ què vức ta, thấy quốc-dân ta què mùa, bèn khai trường mà giáo dục, thấy quốc-dân ta nghèo khó, bèn mở cuộc công-thương cho có việc cho quốc-dân ta làm, cho dân ngoại-bang lai vãng, dặng đem đồ mới lạ cho quốc-dân ta dùng ; ay là dục lòng quốc-dân ta ra sức gắng công dặng bậc chước theo người mà khai quăng lý-tài, cạnh-tranh quyền lợi.

Từ đấy cái giống công-thương mới có mới chầm rể nơi đất Việt này là lần đầu hết.

Những người Đại-Pháp sang đây dặng làm nghề công-cỗ thì có lệ luật Chánh-Quốc theo mà ứng hộ và rang buộc,

nghĩa là trong cuộc sanh nhai ấy, phải tuân theo lệ luật thương-vụ bên Đại-Pháp, còn dân ngoại-bang đến đây, nhứt là dân Trung-Hoa, tuy Đại-Pháp đã buộc phục tùng luật Đại-Việt mặc lòng, mà không có luật thương-vụ nào ràng buộc, vì quốc-dân ta thuở đó cũng chưa có luật thương-vụ. Vì vậy mà trong bọn quốc-dân ta, những người biết làm nghề buôn bán và dân Trung-Hoa sang đây, lấy làm thông thả trong chốn thương-trường hơn là dân Đại-Pháp.

Bởi sự bất bình như thế, nên thương-vụ công-sở tại Saigon vào đơn kêu nại cùng Chánh-Phủ Nam-Kỳ. Khi ấy Chánh-Phủ giao vụ đó cho một hội hủy-viên khảo cứu. Hội này đặt ra một bản thảo sách về lệ luật thương-vụ, dâng cho Tham-nghị-hội (tục kêu là Hội-nghị-tư) phê chuẩn ; rồi Chánh-Phủ Nam-Kỳ gửi thảo sách ấy về cho Chánh-Phủ Đại-Pháp.

Đến ngày 27 Février 1892, quan Tổng-Thống Đại-Pháp (tục kêu là Đức-giám-quốc) là ông Carnot (Cạt-nô) mới ban hành một cái chỉ dụ như sau đây :

Điều thứ nhứt. — Những người ngoại-quốc ở phương Á-Châu (Asie) và dân Thuộc-địa Đại-Pháp mà có làm nghề thương-cổ hay là lập công-nghệ chi trong cõi Đông-Dương, phải tuân theo thể lệ thương-vụ Đại-Pháp và các luật phụ tùng kể ra sau đây ;

THƯƠNG VỤ LUẬT LỆ

QUYỀN THỨ NHỨT

Thiên thứ nhứt, điều thứ nhứt ;

Thiên thứ hai, điều thứ 15 và 16 ;

Thiên thứ ba, đoạn thứ nhứt, từ điều 18 tới điều 50 ;
đoạn thứ hai, điều thứ 64 ;

Thiên thứ sáu, đoạn thứ nhứt, thứ nhì, thứ ba, thứ tư ;
từ điều 91 tới điều 108 ;

Thiên thứ bảy, điều 109.

Thiên thứ tám, đoạn thứ nhứt, khoản thứ nhứt tới khoản thứ mười ba ; từ điều 110 tới điều 186 ; đoạn thứ hai, từ điều 187 tới 188 ; đoạn thứ ba, điều 189.

QUYỀN THỨ BA

Thiên thứ nhứt, từ chương thứ nhứt tới chương thứ mười một, từ điều 437 tới điều 583.

Thiên thứ hai, chương thứ nhứt, từ điều 583 tới điều 590 ; chương thứ hai, điều 591 và điều 592 ; chương thứ ba, từ điều 593 tới điều 600 ; chương thứ tư, điều 601, 602, 603.

Thiên thứ ba, từ điều 604 tới điều 614.

Luật ngày 24 Juillet 1867, nói về việc công-ty xã-hội và luật ngày 4 mars 1889 và ngày 4 Avril 1890, nói về việc tính toán tài phán (Liquidation Judiciaire).

Điều thứ hai. — Dân Á-Châu làm nghề thương-cổ, hoặc dân thuộc Pháp hay là dân ngoại-quốc, phải từng quyền tòa thương-vụ Đại-Pháp xử đoán trong cõi Đông-Dương. Chúng nó phải tuân theo việc tổ tụng thường lệ tại Tòa-sơ-thẩm hay là Tòa khống-tổ (tục kêu Tòa trên).

Điều thứ ba. — Người Á-Châu nào muốn làm nghề thương-cổ, thì kỳ cho tám ngày trước khi buôn bán, phải làm khai bằng chữ riêng của chúng nó hay là bằng chữ Langsa, rồi nộp khai ấy.

1° Một lá tại nhà hội Xã-tây, hay là tại Tòa-bố trong tỉnh nào chúng nó muốn làm nghề ấy ;

2° Một lá Tòa-án, nơi phòng văn-án.

Điều thứ tư. — Trong tờ khai ấy phải biên :

1° Tên họ người khai và mấy người hùng (khi có nhiều người hùng) bằng chữ Á-Châu hay là chữ Langsa ;

2° Số hiệu bài ký-lưu (permis de séjour) nếu người khai và người hùng là dân ngoại-bang ; số hiệu bài thuế thân, nếu người khai là người thuộc Pháp. Cũng phải biên cho biết người ngoại-quốc đi khai đó thuộc về bang nào, hoặc

người về bang Trung-Hoa hay là người bang Ấn-Độ, là kẻ chẳng thuộc dân Đại-Pháp ;

3° Chỗ khai tiệm mua bán hay là chỗ lập công-nghệ chi ;

4° Chữ hiệu của tiệm, hay là chữ hiệu của xã-hội, nếu người đi khai là người Quản-lý ;

5° Chữ ký tên người khai và người hùng hay là chữ ký hiệu tiệm ;

6° Ấn tượng (con dấu) có khắc rõ hiệu tiệm. Mỗi tiệm được dùng một con dấu mà thôi.

Điều thứ năm. — Chỗ tiệm mua bán phải treo bản biên tên mấy người hùng hay là biên hiệu tiệm bằng chữ Á-Châu và chữ Đại-Pháp.

Điều thứ sáu. — Người buôn bán được biên sổ sách bằng chữ riêng của mình và được giữ sổ sách ấy theo thể thức trong xứ của mình, song trước hết phải đem các sổ sách cho quan Tòa biên sổ trưng, đóng con dấu tên và chứng kiến.

Điều thứ bảy. — Người Á-Châu làm nghề buôn bán, khi nào muốn thôi, hoặc bởi bán tiệm cho người khác, hoặc bởi xin tính toán tài phán, hoặc thôi hùng hiệp mà về bản sở thì hạn cho ba tháng trước khi giá nghệ, phải làm khai theo thể thức buộc trong điều thứ ba nói trên đó.

Điều thứ tám. — Những người Á-Châu nào đương buôn bán, hay là đương làm công-nghệ chi, trong lúc ban hành chỉ dụ này, hạn cho sáu tháng, kể từ ngày bố cáo trong Công-báo, phải làm khai theo thể thức buộc trong điều thứ ba.

Điều thứ chín. — Trong tờ khai làm theo điều 3, 4 và 7 của chỉ-dụ này, phải có Bang-trưởng can dự, nếu người làm khai là người Trung-Hoa, Chà hay là dân Ấn-Độ ; còn nếu người đi khai là dân thuộc Pháp, hễ ở tỉnh thành Cholon phải có Hộ-trưởng can dự, như ở các nơi khác thì phải có Hương-chức làng can dự. Sự can dự đây nghĩa là đứng chứng rằng tờ khai ấy quả thiệt như lời không khoản nào gian dối.

Điều thứ mười. — Cách ban hành bố cáo thì để chĩ dụ này ;

1. Tại nhà hội xã tây Saigon :

2. Tại phòng văn-án tòa sơ thẩm Saigon ;

Ông xã-tây và quan chánh-tòa phải lập tờ vi bằng việc ký tồn thể lệ đó, rồi sao lục tờ vi bằng mà ấn hành vào công-báo (1).

Điều khoản nói về hình phạt

Điều thứ mười một. — Nếu ai không tuân theo điều 3, 4 và 7 của cái chĩ-dụ này, hoặc quên khai một khoản chi đó, hoặc khai gian-dối, thì người khai sót hay là khai dối đó, phải bị phạt tù, từ sáu ngày tới sáu tháng và tiền phạt tiền và từ 16 quan tới 1.000 quan tiền Langsa, hoặc bị phạt một hình trong hai hình đó mà thôi.

Bang-trưởng, hộ-trưởng và hương-chức nào a ý với người đi khai mà nhận thị tờ khai dối ấy thì cũng bị đồng tội.

Điều thứ mười hai. — Khi nào người hùng hiệp buôn bán bỏ xứ đi mất mà không có làm khai theo điều thứ bảy, thì mấy người hội-viên còn ở lại, trong kỳ tám ngày kể từ ngày tên ấy đi mất, phải làm khai thế cho nó, bằng chẳng vậy, thì phải bị phạt tù, từ sáu ngày tới ba tháng và tiền và từ 16 quan cho tới 300 quan, hoặc bị phạt một hình trong hai hình ấy mà thôi.

Điều thứ mười ba. — Ai quên sót chẳng làm y theo các thể lệ nói trên đó, đến khi bị đảo sản (Faillite) phải mắc tội đảo-trưởng (banqueroute simple) là tội sơ hình

Điều thứ mười bốn. — Người nào vi phạm các điều lệ trong chĩ-dụ này, thì phải bị giải đến tòa sơ hình buộc tội.

Điều thứ mười lăm. — Quan Thương-bộ kiêm Công-bộ và Thuộc-địa-bộ Thượng-thor và quan Chưởng-ấn hình-bộ Thượng-thor, mỗi ngài tùy quyền hành mình mà thi hành chĩ-dụ này.

(1) Ấy là phép ban hành lệ luật hồi trước, chớ từ có chĩ-dụ ngày 1^{er} Février 1902 đến nay không phải làm như vậy nữa. Chứng giải nghĩa luật chánh-trị sẽ có chĩ rõ.

Cải chi-dụ đó quan Tổng-Thống Đông-Dương có ban hành trong Nam-Kỳ ngày 29 Juin 1892, ban hành ngoài Bắc-Kỳ ngày 7 Avril 1901, lại có bố cáo trong Đông-Dương công-báo số 57 ngày 18 Juillet 1892.

Từ đó đến nay, quốc-dân ta mới có lệ luật riêng về phần công-cổ. Tuy nói lệ luật riêng, chớ xem kỹ cải chi-dụ ngày 27 Février 1892, thì thấy rõ là lệ luật thương vụ Đại-Pháp buộc quốc-dân ta phục tùng. Song cũng có gia giảm một ít cho hạp cái trình-độ của quốc-dân ta về phần công-cổ.

Trong điều thứ nhứt có bỏ bớt : 1. thiên thứ tư nói về sự phân biệt sự sản người chồng, sự sản người vợ ; 2. thiên thứ năm nói về thị-trường (bourse de commerce) kiền-khách (agents de change).

3. Quyên thứ nhì nói về hải-thương-nghiệp.

Lại trong mấy thiên đã ban hành đó, cũng còn có bỏ bớt nhiều chương nhiều điều khác nữa : ấy cũng bởi phần công-cổ của quốc-dân ta chưa đặng tấn phát, hoặc phong tục ta khác nên Chánh-Phủ mới chưa mấy khoản đó ra.

Mà từ năm 1892 đến nay, duy phong tục ta ít dờn dỗi, chớ phần công-thương của quốc-dân ta càng ngày càng hưng vượng. Bởi vậy cho nên, có nhiều điều lệ, tuy không có ban hành trong chi-dụ ngày 27 Février 1892, mà ngày nay lại thấy tòa thương-vụ chiếu lấy mà thi hành, song không ai kêu nại về sự sai phép đó, là vì điều lệ bỏ bớt lúc trước, mà lúc này nó lại hạp với sự tấn bộ của quốc-dân ta.

Ấy vậy, chúng tôi do theo thứ tự điều thứ nhứt cải chi-dụ ấy mà diễn giải, lại chúng tôi cũng giải thêm những điều lệ nào tuy chưa ban hành mà ngày nay đã thấy thi hành rồi.

Còn từ điều thứ hai cho đến điều chót cải chi-dụ ngày 27 Février 1892, là khoản phụ thêm để chi cho quốc-dân ta biết phải làm sao trước khi muốn sanh nhai về nghề thương-cổ, công-nghệ, lại cũng chỉ cho biết những hình phạt để răn kẻ nào bất tuân thể lệ ấy.

Chúng tôi tưởng cũng dễ hiểu không cần phải giải lý thêm, như có một hai tiếng lạ mắt, trái tai, thì mấy tiếng ấy sau còn gặp nữa chúng tôi sẽ giải nghĩa lý rành rẽ.

Có một điều làm cho những người xem chỉ-dụ ngày 27 Février 1892, lấy làm lạ, là khoản định hình phạt rất nghiêm. Chắc sao có người tưởng như vậy: Vả chẳng, việc công-cổ là việc ích nước lợi dân, thường thấy Chánh-Phủ khuyến quốc-dân ta chuyên nghề ấy, mà sao Chánh-Phủ định hình phạt nghiêm như thế, thì có ai dám đi làm nghề ấy bao giờ ?

Ý kiến như vậy nhầm chẳng sai, nhưng mà phải biết rằng nghề công-cổ là nghề có lợi to, nếu luật chẳng nghiêm thì ai ai cũng vì lợi mà sanh lòng xảo trá. Lại lúc Chánh-Phủ lập chỉ-dụ đó, Chánh-Phủ thấy người ngoại-bang buôn bán, chớ ít thấy quốc-dân ta làm nghề ấy. Trong bọn dân ngoại-quốc sang đây mà buôn bán chỉ có dân Trung-Hoa là phần nhiều, mà dân Trung-Hoa có thói quen, hoặc bởi tin dị đoan, hoặc trốn tránh nợ nần, nên hay cãi danh diệt tánh. Vì có ấy, mà luật phải nghiêm.

Khi bố cáo chỉ-dụ ngày 27 Février 1892 rồi cách vài năm sau, quan Chưởng-ly đề hình trong cõi Đông-Dương dòm thấy nhiều điều bất tiện cho những người buôn bán nhỏ, nên ngài hiệp-ý cùng Chánh-Phủ Nam-kỳ mà làm ra một tờ châu-tri ngày 9 Janvier 1893 gửi cho các quan Tòa. Châu-tri ấy nói tóm như vậy: « Những người lãnh bài sanh-ý bốn hạng chót là hạng năm, hạng sáu, hạng bảy và hạng tám (1) khởi làm khai theo chỉ dụ 27 Février 1892 buộc. Còn những người lãnh bài sanh-ý bốn hạng đầu, phải nạp tờ khai tại cai-tổng, tại xã-tưởng hoặc tại một viên chức lớn trong làng thì đủ phép, khởi đi đến Tòa-bố và đến phòng Văn-án

Qua ngày 16 Janvier 1894, Chánh-Phủ Nam-kỳ cũng có làm một tờ công-văn nói như vậy mà gửi cho các quan Tham-biện chủ-linh.

(1) Lúc đó thuế sanh ý có tám hạng, mà trừ bốn hạng chót. Từ có lời nghị ngày 1^{er} Décembre 1915 thì thuế sanh-ý phân lại làm mười hạng. Theo ý chúng tôi tưởng, từ ngày đó, phải trừ năm hạng chót, chớ không lẽ trừ bốn hạng chót như trước.

Nhờ công-văn ấy nên từ ngày đó đến nay, ai muốn làm nghề công-cổ thì rất tiện và dễ mà thính tụng chỉ-dụ ngày 27 Février 1892.

Lệ luật thương vụ là các thể lệ để mà chỉ rõ quyền hành phận sự của người làm nghiệp thương-cổ, để mà phân rành việc nào là việc thuộc về nghiệp ấy, lại để chỉ cho biết, lúc có việc tranh tụng trong nghiệp đó, phải đem tới tòa nào phân đoán và phải làm cách nào cho đúng sai phép.

Các lệ luật ấy nói tóm các cuộc chế tạo, mậu-dịch và vận-tải hàng hóa mà lấy lời.

Người ta thường phân cuộc thương-trường ra làm sáu nhánh :

- 1.— Đại-thương nghiệp (buôn bán lớn).
- 2.— Tiểu-thương nghiệp (buôn bán nhỏ).
- 3.— Nội-thương nghiệp (buôn bán trong bôn-quốc).
- 4.— Ngoại-thương nghiệp (buôn bán với ngoại-bang).
- 5.— Lục-thương nghiệp (buôn bán đường bộ).
- 6.— Hải-thương nghiệp (buôn bán đường biển).

Mỗi nhánh đều có thể lệ riêng, mà tóm các thể lệ ấy lại thì thành ra một bộ luật gọi là Thương-vụ, luật lệ.

Lệ luật ấy tuy là nhiều lắm, nhưng mà có nhiều việc xảy đến, không có đủ mà xử, khi ấy, tòa Thương-vụ, hoặc phải lấy luật họ, hoặc phải noi thói tục quen xưa nay của người buôn bán mà phân đoán.

Bộ luật Thương-vụ đương thông dụng bên Đại-pháp phân ra làm bốn quyet, mà Chánh-Phủ mới ban hành tại cõi Đông-Dương có ba quyet mà thôi (1. trừ quyet thứ hai nói về hải-thương nghiệp, vì việc ấy, quốc-dân ta chưa có sức đủ mà làm được.

(Sau sẽ tiếp theo)

ĐỊNH-CHÍ.

(1) Trong chỉ-dụ 27 Février 1892, bên có hai quyet; quyet nhất và quyet ba. Còn quyet tư nói về quyền hành các tòa Thương-vụ đã có ban hành trước rồi, nên trong điều 2 cái chỉ-dụ ấy, có dạy người buôn bán phải tụng quyet các tòa Thương-vụ Đại-Pháp.

Địa-lý học ⁽¹⁾

Địa-lý học là phép dạy cho biết duyên do tự sự trái Địa-cầu.

Môn học này chia ra làm năm chi :

1. — *Toán-thuật địa-lý*, để dạy cho biết sự chuyển động trái Địa-cầu và các vị hành-tinh khác trên thiên-tượng.
2. — *Địa-sử địa-lý*, để dạy cho biết cội rễ sự tích trái Địa-cầu từ thuở tạo sanh trời đất vạn vật cho đến ngày nay.
3. — *Địa-văn địa-lý*, dạy cho biết đất, nước, núi, sông, khí-hậu, sanh vật v. v.
4. — *Kinh-tế địa-lý*, dạy cho biết các thứ thổ sản, các cách vận chuyển tài-nguyên v. v.
5. — *Chánh-trị địa-lý*, dạy cho biết các cách lập quốc trị dân cùng là phong-tục, đạo-tôn của nhơn loại v. v.

Coi đó, thì thấy môn học này lấy làm rộng lớn vô cùng, nó quan hệ bá ban chư sự, chẳng luận bậc thượng lưu, hay là bậc hạ lưu, kẻ ở thị thiên hay là người ở thôn-giã, tưởng người nào cũng phải cần biết môn học này đặng để bề tranh-cạnh sanh tồn.

Trong năm chi địa-lý kể trên đây, chi nào cũng có sách dạy riêng, lời biện luận rất cao sâu khó hiểu.

Chúng tôi duy rút những điều đại khái, những việc hữu ích, cần nên biết, đặng giải dịch ra đây mà thôi.

Như có người biết chữ nho, mà không biết chữ quốc-âm, chúng tôi khuyên mua bộ Dinh-hoàn toàn chí và tập Dinh-hoàn toàn đồ của người Trung-Hoa dịch sách Hồng-Mao, mà coi, thì cũng được bổ ích như thế.

(1) Xưa nay, mình kêu môn học này là Địa-dư, chớ thật nó là môn địa-lý. song chớ tưởng rằng địa-lý đây nghĩa là phép học bói khoa về việc phong thủy, xây nền nhà, huyết mã v. v.

THIÊN TƯỢNG

Trái Địa-cầu cũng là một vì sao lằng lộn trên thiên-tượng như muôn trùng tinh-tú khác vậy.

Người ta phân các tinh-tú ra làm bốn loại :

1° Hằng-tinh, thí dụ : Mặt-nhật.

2° Hành-tinh, thí dụ : Địa-cầu.

3° Vệ-tinh, thí dụ : Mặt-nguyệt.

4° Tuệ-tinh, thí dụ ; sao Halley hiện ra trong năm 1910 (sao chổi).

1° Hằng-tinh

Hằng-tinh là mấy vì sao ban đêm mình thấy chớp nháy như hột thủy xoàn vậy, người ta kêu là hằng-tinh, là vì tưởng rằng nó ở hoài một chỗ.

Sao ấy, hằng hà sa số, nó ở cách xa trái Địa-cầu chẳng biết bao nhiêu dặm mà kể. Khi một đám sao ấy xúm-xích ở gần với nhau, mình thấy dạng một luồng trắng trắng, mình hay kêu là sông Ngân-hà.

Trong đám hằng-tinh, duy có sao Bắc-đẩu và Mặt-nhật mình phải cần biết mà thôi. Sao Bắc-đẩu ở chánh hướng Bắc, chẳng hề dời đổi. Chung quanh nó có hai cụm sao : một cụm nhỏ sáu cái gọi là Tiểu-hùng-tinh, cách xa xa có một cụm lớn bảy cái, gọi là Đại-hùng-tinh ; tục mình hay kêu sao Đại-hùng-tinh là sao Bánh-lái. Hai cụm sao ấy, chạy vòng chung quanh ngôi sao Bắc-đẩu, giương như sao Bắc-đẩu là một cái cốt để mà xây Đại Tiểu hùng-tinh. Trước khi người ta tìm và chế tạo địa-bản, thì ban đêm, những người đi biển già, hay dùng sao Bắc-đẩu để mà gióng hướng. Hễ thấy sao ấy trước mặt, thì hướng Nam, ở sau lưng, hướng Đông, bên tay hữu, hướng Tây, bên tay tả.

Mặt-nhật.— Mặt-nhật là một vì hằng-tinh ở gần trái Địa-cầu và nhỏ hơn các Hằng-tinh khác. Nếu mặt-nhật ở xa như mấy vì Hằng-tinh kia, thì ắt chúng ta chẳng thấy được.

Tuy sánh với Hằng-tinh khác thì Mặt-nhật nhỏ hơn lắm, chớ sánh với trái Địa-cầu thì mặt-nhật lớn hơn bằng một triệu ba trăm ngàn lần, không khác nào một cái bầu tròn chừng một thước năm bề kinh-tiến mà so sánh với một viên đạn bằng đầu ngón tay út vậy.

Mặt-nhật ở cách xa trái Địa-cầu là ba mươi bảy triệu dặm, nghĩa là một trăm bốn mươi tám ngàn triệu thước. Bởi ở cách xa như thế, nên mình ngó thấy Mặt-nhật có bấy lớn đó mà thôi. Trái Địa-cầu nhờ yển sáng, nhờ sự nóng của Mặt-nhật mà hóa sanh vạn vật. Nếu không có Mặt-nhật hơ cho ấm thường, thì trái Địa-cầu phải bị lạnh, sanh vật phải chết hết.

Có một hai thầy thiên-văn đời nay tưởng có lẽ Mặt-nhật còn phải chạy chung quanh một vì sao nào lớn hơn nữa. Ấy là đều quá trí độ con người, không chớ nói cho cùng.

2. Hành - tinh

Hành-tinh là mấy vì sao chạy chung quanh Mặt-nhật. Hành-tinh nó khác với Hằng-tinh là :

1. Hành-tinh lặn xây, còn Hằng-tinh ở hoài một chỗ.
2. Hằng-tinh không yển sáng tự nhiên, mượn yển sáng Mặt-nhật mà chiếu đó thôi, còn hết thấy Hằng-tinh đều có yển sáng riêng như Mặt-nhật vậy.

Như muốn phân biệt hai thứ sao ấy, khi đêm thanh, hãy ra nơi chỗ trống mà xem trời. Hễ thấy vì sao nào chớp nháy là Hằng-tinh, ấy là một Mặt-nhật của một thế giới nào đó chẳng biết ; còn vì sao nào không thấy nháy, gương mặt im-lìm như Mặt-nguyệt, thì vì sao ấy là Hành-tinh. Hành-tinh mà được tỏ rạng đó là, nhờ yển sáng Mặt-nhật dội vào, cũng như đèn mà dội vào mặt kiến vậy. Nếu mình nhảy được lên trên một vì Hành-tinh nào mà ở, rồi ngó ngoái lại trái Địa-cầu, ắt thấy trái Địa-cầu cũng tỏ rạng như thế.

Số Hành-tinh trên thiên tượng chẳng có bao nhiêu. Từ khi biết học thiên-văn tới năm 1801, người ta biết được

có tám vì hành-tinh mà thôi. Mới đây nhờ có chế được thiên-lý-cảnh coi xa lắm, nên mấy thầy thiên-văn bên Âu, Mỹ biết thêm được bốn trăm ba chục vì Hành-tinh nhỏ nhỏ nữa.

Tám vì Hành-tinh biết trước đó là : *(vì hành-tinh nào gần Mặt-nhật kể trước)*

1. Sao Thủy-tinh (Mercure) ;
2. Sao Kim-tinh (Venus) ;
3. Trái địa-cầu (Terre) ;
4. Sao Hỏa-tinh (Mars) ;
5. Sao Mộc-tinh (Jupiter) ;
6. Sao Thổ-tinh (Saturne) ;
7. Sao Thiên-vương-tinh (Uranus) ;
8. Sao Hải-vương-tinh (Neptune) ;

Vì sao Thiên-vương-tinh và vì sao Hải-vương-tinh phải dụng thiên-lý-cảnh, xem mới thấy rõ.

Trong mấy vì sao ấy, duy có sao Kim-tinh thì tỏ rạng hơn hết ; tục mình kêu thuở nay là sao Hòm với sao Mai, còn người Trung-Hoa kêu là sao Sâm, sao Thương, sao Trường-canh, sao Khải-minh đó. Nguyên có một vì sao mà mình và người Tàu kể là hai cái, vì có lúc thấy nó ban hòm, có lúc thấy nó ban mai. Duy tại mình vô ý, không xem cho kỹ, chớ sáu tháng trước, hễ có sao Hòm thì không có sao Mai, còn sáu tháng sau, hễ có sao Mai thì chẳng hề khi nào có sao Hòm bao giờ.

Có nhiều thầy thiên-văn bên Âu, Mỹ, đoán rằng trên mấy vì hành-tinh, như là trên vì sao Hỏa-tinh, có sanh vật ở như trên trái Địa-cầu vậy.

Ước ao làm sao sự văn-minh tấn bộ thanh phát hoai, cho một ngày kia, loài người kiếm dạng thể, mà giao thông được với mấy vì hành-tinh ấy, thì sẽ có biết bao nhiêu là sự vui lạ.

3. Vệ-tinh

Vệ-tinh cũng là một vì sao nhờ có yển sáng, Mặt-nhật dọi vào mà được tỏ rạng. Vệ-tinh cứ chạy chung quanh Hành-tinh giưòng như theo mà phò tá, nên kêu là Vệ-tinh.

Trái Địa-cầu có một vì Vệ-tinh gọi là Mặt-nguyệt đó.

Vì sao Hỏa-tinh có hai Vệ-tinh ;

Vì sao Mộc-tinh có năm Vệ-tinh ;

Vì sao Thổ-tinh có tám Vệ-tinh lại có hai cái vòng Vệ-tinh nhỏ nhỏ vô số bao chung quanh nữa ;

Vì sao Thiên-vương-tinh có bốn Vệ-tinh.

Vì sao Hải-vương-tinh có một Vệ-tinh.

Mặt-nguyệt. — Mặt-nguyệt có hơn bốn mươi chín lần nhỏ hơn trái Địa-cầu. Ở cách xa chúng ta chín mươi lăm ngàn dặm, nghĩa là ba trăm tám chục triệu thước. Ban đêm Mặt-nguyệt được tỏ rạng đó, là nhờ yển sáng Mặt-nhật dọi vào.

Sách thiên-văn nói trong Mặt-nguyệt đầy những núi hỏa-sơn mà đã tắt hết, chớ không có sanh vật chi cả.

Ấy vậy, thì nào là cây-gia, thằng Cuội, mình nói rộn rục xưa nay, nào là con Thiềm-thừ, nàng Tố-nga trong sách Tàu có dạy, cả thảy là đều phi thường hết.

Mặt-nguyệt chạy chung-quanh trái Địa-cầu, giáp một vòng trọn là hai mươi bảy ngày tám giờ; mà bởi lúc nó xây theo trái Địa-cầu, trái Địa-cầu phải kéo nó xây theo Mặt-nhật, nên phải trễ ra cho tới hai mươi chín ngày rưỡi.

4. Tuệ-tinh

Tuệ-tinh là một vì sao rất tinh-tế hơn hết. Nó có một cái đầu tròn tròn tỏ rạng như mặt Hành-tinh, chung quanh có một cái bao trắng trắng giống như mù sương bị yển Mặt-nhật dọi vậy. Cái bao ấy tỏa ra một cái đuôi như hình cây chổi, bởi đó nên mình kêu là sao chổi.

Xưa nay, hễ thấy sao ấy xuất hiện, thì ai ai cũng bàn là điềm bất tường : hoặc có giặc giã, hoặc bị thất mùa hay

là bị tai trời ách nước chi đó. Chớ thật tình, vì sao ấy nó có can hệ chi đến việc họa phước của chốn nhơn gian.

Nó cũng là một vì sao chạy có chừng theo chung quanh Mặt-nhật. Song cái đường của nó đi hình như trứng gà, tròn mà dài lắm. Hoặc nó đi đôi ba năm, hay là năm bảy năm mới trở lại một lần, hoặc năm bảy chục năm, hay là trăm ngàn năm, mới trở lại một lần, là tùy đường nó đi gần hay là xa. Mà miễn thấy nó đi ngang qua một lần, thì mấy thầy thiên-văn bên Âu Mỹ đều toán biết trước chừng nào nó trở lại nữa. Như sao chổi Halley (1) mình thấy trong năm canh tuất (1910), sao ấy mỗi bảy mươi lăm năm trở lại một lần. Nếu lấy theo số đó mà tính, thì qua năm 1985 sẽ thấy nó trở lại nữa.

Số sao chổi trên thiên-tượng, chẳng biết bao nhiêu mà kể, song phần nhiều, con mắt trần không thấy được.

Mấy thầy thiên-văn đồng nói rằng: còn chẳng biết bao nhiêu là sao chổi lớn, nó đi từ lúc có trái Địa-cầu tới nay mà chưa tới. Bởi chưa thấy mặt lần nào, nên chưa đoán quyết được chừng nào nó đến.

Còn một thứ sao nữa người Tàu kêu là lưu-tinh còn tục mình kêu là sao Vá hay là Góa, sao Băng, trong lúc đêm thanh, thấy nó xẹt ngang, xẹt dọc trên trời. Trong sách thiên-văn nói không phải là một vì sao. Vẫn nó là một khối kim-thạch của một vì hành-tinh nào bề mà văng ra, lẳng lộn trên không khí. Khi nó lọt vào bầu trời, bị trái Địa-cầu rút, nó phải chạy mau, đụng nhằm thiên-khí, làm cho nó trở nên nóng, sanh yển sáng, trong giây phút nó té trên mặt đất, người ta đặt tên nó là Dẫn-thạch (aérolithe). Rồi mình không rõ cội rễ, hễ ban đêm thấy một lẳng ánh sáng xẹt xuống, thì mình tin là bà giáng hạ, chớ nào dè là một sự đủ bằng có như vậy đâu.

(Sau sẽ tiếp theo)

LƯU-NGUYỆT TRANG

(1) Ông Halley là thầy thiên-văn toán độ sao chổi ấy, nên người ta lấy tên ông mà đặt tên ngôi sao.

Đại-pháp văn-minh lược biên

TỰ

Chớ tưởng rằng : Người bát-học đến bực cách-vật trí-tri mới gọi là người văn-minh.

Người mà biết lo xa, biết dùng trí-độ mà cư-xử với đồng loại, biết làm những việc hiệp cùng công-lý, hiệp với lương-tâm, thì người ấy cũng đủ gọi là người văn-minh rồi.

Trong nước văn-minh, người ta có sắp đặt chánh-thể, có lập hiến-pháp để mà phân biệt quyền người, có tạo học-hiệu để mà quảng khai dân-trí.

Còn trong xứ hầy còn giả-man, thì nhơn-dân phóng tứ, phong-tục đảo-diên, trong mọi sự đều lấy sức mạnh làm hơn, chẳng biết lẽ chánh đều công, cứ noi theo bần-tánh : đói kiếm ăn, khát kiếm uống, chẳng chi kiem cần, không lòng viễn-lự.

Lấy theo nghĩa hai chữ văn-minh ấy mà suy, thì quốc-dân ta chẳng là được văn-minh rồi chẳng?

Phải, chẳng những dân Việt-Nam ta được văn-minh mà thôi, dầu dân xứ nào hết thói giả-man rồi, thì cũng được đứng vào hàng văn-minh vậy. Song văn-minh nó có nhiều bực cũng như kiểu võ làm nhà : dựng cột cây, lợp lá gọi là cái nhà, làm bằng ngói gạch cũng gọi là cái nhà, dầu cho làm bằng sắc đá di nữa, cũng gọi là cái nhà, khác nhau là nhà chắc nhà óp, kiểu khéo, võ lạ đó thôi. Còn sự văn-minh không giống nhau là tại người bước chậm, bước mau trong đường tấn-bộ.

Mà đường tấn-bộ ấy là đường ra làm sao?

Hai chữ tấn-bộ đây nghĩa là bước tới, hóa ra càng ngày càng cao, càng lớn, càng rộng, càng sâu. Thí như nuôi một con thú, trồng một cái cây, ban đầu nhỏ, sau lớn ; dạy một đứa con nít, ban đầu học thấp, sau lại học cao ; làm một việc chi, ban đầu dụng về, lần lần khéo léo ; liện một cục đất

xuống sông, ban đầu dạng nước sanh vòng nhỏ, lần lần lại sanh vòng to.

Cái đường tấn-bộ của con người đó, nó là bạn tác của cái nẻo văn-minh, cả hai đi cặp với nhau, luôn luôn như ảnh tùy hình vậy (bóng theo hình).

Thuở con Tạo hóa sanh vạn vật, thì loài người chẳng khác thú cầm là bao nhiêu, duy nhờ có chúc tánh linh, nên mới biết mỡ mang biến hóa. Ban đầu thì ở ăn như thú, dùng sức mạnh mà trị nhau, sau vận-dộng tấn-hóa lần lần rồi mới biết trồng tía mà độ nhứt, biết dùng lửa mà nấu đồ ăn, biết dệt vải mà làm đồ y-phục, biết lấy loài kim-thạch mà làm đồ khí-cụ, biết hiệp-chúng rồi đó mới biết khai quốc thừa gia. Cho đến ngày nay biết cho tới dụng máy, bay trên trời như chim, bày thuyền, lặn dưới sông như cá ; đi mau dượng tên bắn, thông tin tợ chớp giăng,

Có phải là nhờ sự vận-dộng tấn-hóa nó làm cho người được giỏi như thế chẳng? Mà sự vận-dộng ấy là lẽ tự nhiên của Tạo-vật ; con người mà phải tấn-bộ, chẳng khác nước trên cao phải chảy xuống thấp, trái mọc mọc rồi thấy nên tàn, có ai mà phòng ngừa đặng.

Vi bằng, dân nào mà nghịch lẽ tự nhiên ấy, thì một là phải làm tội mọi trọn đời, hai là phải tiêu phải mất. Kìa như dân gia đồ ở Tân thổ-giới, khi người Âu-châu qua khai hóa chúng nó, thì chúng nó chẳng phục tùng, chẳng thuận theo lẽ tự nhiên, cứ rút ở trong rừng rú. Bởi vậy cho nên, chưa có mấy thế kỷ rồi, mà dân-tộc ấy gần tuyệt nòi mất giống.

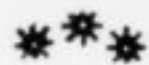
Song chớ nói rằng : cái lý vận-dộng là lý tự-nhiên, rồi ngồi không nhưng mà trông tấn-bộ. Chẳng được vậy đâu.

Phàm muôn việc ở đời, không làm sao được nên, không học sao được biết, không bĩ-cực sao được thời-lai. Duy có chừng nào, mình làm hết sức mình mà không thành tựu, thì ấy là mạng, ấy là số, mà thôi. « *Cùng, nhiên hậu nhi qui chi số* ».

Chúng tôi thiết tưởng như thế, nên chúng tôi mới lược diễn các sự văn-minh tấn-hóa của thầy ta là người Đại-Pháp từ lớp mới có truyện sử cho tới ngày nay, đặt trước là chỉ cho quốc-dân ta biết cái lý vận-dộng thường tình của nhơn loại, và thấy cái công-trình của thầy ta giầy là bọc nào, mà ngày nay được cực điểm văn-minh giường ấy ; sau nữa cho quốc-dân ta rõ cội rễ các đấng bát-sĩ đã chế-tạo những kỳ-lương cơ-xảo mà ngày nay quốc-dân ta dùng đó, đặt quốc-dân đam lòng, một là : kỷ niệm tài người, hai là : cảm mến thầy ta chỉ các vật ấy cho ta tiện dụng khỏi nhọc công ta dò lần tìm kiếm.

Ấy là chúng tôi muốn buộc tình thân-ái Pháp-Việt nhứt gia.

Rồi đây, *trò cũng như thầy*, tặc rằng : « *Gắng công mài sắc, chày ngày nên kim* ».



THÁI-CỒ DÂN-TỘC

Đời Thái-cồ là đời kể từ lúc có vạn vật cho đến lúc loài con người biết tạo văn-tự ra để mà ký sự hằng ngày.

Cái nước bây giờ gọi là nước Đại-Pháp đó, thuở đời Thái-cồ, hãy còn đầy rừng rú, chẳng biết đặt tên là xứ chi. Đến sau nhờ có phép Địa-chất học, tìm kiếm được nhiều tàn-vật dưới đất, nên mới đoán quyết thuở ấy, có một thứ dân-tộc ở và có đủ các thú rừng như là : sữ-lữ, cọp, voi, trâu-nước, tây, khỉ, gấu-bạch, nguyên-dương chó-nước, v. v. Lại cũng có một thứ thú tuyệt giống đã lâu rồi, thú ấy kêu là Màm-mút (Mammouth) nó giống như loài voi mà lớn hơn nhiều lắm, bề cao nó đến năm sáu thước, hai cái ngà nó cong vòng, nếu kéo ngay mà đo, cũng được 4 thước.

Còn dân-tộc trong đời Thái-cồ thì còn thói già-man lắm ; ở hang ở bụi, giết thú rừng lấy da mà mặc, dùng thịt đở lòng, việc ở chung cùng, thì lấy sức mạnh trị nhau ;

chưa biết dùng các loài kim, đồ binh khí thì làm bằng đá nhọn. Bởi vậy cho nên, kêu dân thuở đó là phi-huyết dân còn lúc đó thì kêu là thạch-thời đại.

Khi thuở ấy qua rồi, thì nhơn-dân mới biết đến nghề trồng tĩa các thứ lúa mà ăn, biết chăm bỗ gai mà làm đồ mặt, biết sự hiệp-chúng là có ích, nên vầy-đoàn hiệp-lũ mà săn đuổi thú cầm; biết dụ dỗ thú rừng như là: bò, ngựa, chó, trư, dè, heo, mà làm thú nhà, hoặc dè mà đỡ tay chơn, hoặc phòng khi dùng ăn thịt; lần lần sau mới biết cất nhà mà ở, làm đồ gốm mà dùng.

Trong các vật của dân đời Thái-cổ di tích lại tại nước Đại-Pháp, duy có Thạch-bi là đồ-sộ hơn hết, Thạch-bi ấy làm như hình cái trại, dựng hai hàng đá, rồi dựng một miếng đá bằng mặt mà gát ngan lên trên. Đời nay người ta tưởng rằng mấy chỗ có Thạch-bi ấy là phần mộ của dân đời Thái-cổ.

Từ lối thập thế kỷ trước chúa Gia-tô giảng sanh, nghĩa là cách chừng ba ngàn năm nay, có ba thứ dân kêu là Xen-tô (Celts) Gô-loa (Gaulois), Banh-rô (Belges) đồng kéo nhau qua chinh phục dân ở xứ Đại-Pháp trong đời Thái-cổ, rồi trà-trộn tương-tượng lập thành một nước gọi là Gô-lờ (Gaule). Từ ấy mới có truyện sử lưu truyền tới ngày nay, nhơn dân mới biết dùng loại kim mà làm đồ khi-cụ bởi vậy cho nên người ta kêu thuở ấy là kim-thời đại.

(Sau sẽ tiếp theo)

THI-CỔ AM.



ĐÔNG TÂY THỜI-VỤ



Âu-châu chiến sử

Đương lúc thái-bình, vùng phát lên một đám giặc rất to, thuở nay chưa từng có, làm cho cả toàn-cầu đều rung động, làm cho cha xa con, chồng lạc vợ, kẻ uống tuyết dầm sương, người xông tên đột pháo, biết mấy vạn sanh linh, vì nghĩa liều mình nơi chiến-địa, máu chảy thành sông, thây chồng tợ núi. Ai thấy cảnh gớm ghiết như vậy mà chẳng động lòng rơi lụy, mà chẳng cảm giận quân Áo-Đức, lập thế toan mưu mà gây ra tai họa này. Chúng nó đem hết binh lính đã tập rèn bốn chục năm dư, mà ra sức chinh phục thiên-hạ cho thỏa lòng tham lam. Các nước Liên-hiệp là Đại-Pháp, Hồng-Mao và Nga-la-tur, mấy năm nay, dòm thấy bọn Đồng-Minh là A-lơ-măn (Đức-Quốc), Ô-trích (Áo-Quốc), và I-ta-li (Y-dại-lợi) tập quân binh một ngày một thêm ròng mạnh, tom góp tiền của mà sắm lương-thảo, khí-giải, thì rõ các nước Đồng-Minh nuôi lòng sâu độc. Bởi cơ ấy, nên các nước Liên-hiệp mới đồng hiệp lực mà lo cho nước mình có thể mà trở đương trong khi biến. Lo là lo vậy, chớ nào có ai ngờ sẽ có một trận giặc rất ghê gớm dường này.

Mới vừa yên việc giặc giả của các nước nhỏ ở xứ Banh-căn (Balkans), các nước bên Âu-Châu đều chung lo cuộc hòa hảo lâu giải cho các nước ấy, dặng cùng nhau làm cho thanh hành các đường kinh-tế.

Như nước Hồng-Mao, lúc chưa hạ chiến thư cho A-lơ-măn, thì mắng lo cho xứ Yết-Lăn (Irlande) tự-chủ ấy là một cái trách nhiệm trọng trong nước, mà làm chưa yên, nào có chi gọi là nghịch cùng A-lơ-măn đâu.

Nhà Nước Langsa, thì tỏ dạ hiền-từ, muốn cuộc thắng bình đẳng vui hưởng chữ tự-do và toan hươi đuốc văn-minh mà soi sáng khắp nơi thuộc-địa, khi dòm thấy Đức-Quốc có dạ chẳng hiền, thì Nhà Nước muốn thêm số binh đẳng giữ gìn bờ cõi, mà có nhiều chánh-trị-gia ra cản đấng, sợ e một là hao của nước-nhà, hai là làm cho nhọc lòng dân chúng, nên quyết xin Chánh-Phủ kiểm chước hòa cùng các nước, chớ chẳng có ý nào mà gây việc quấy dàu.

Còn như nước Nga, từ ngày bãi chiến cùng Nhật-Bồn, thì trong nước chia biết mấy phe. Phe thì bảo-hoàng, phe thì muốn lập dân quyền; ôi! biết bao nhiêu chuyện rối, gở chữa hầu xong, dàu có ngày dư mà phòng lo gây gổ.

Tới nước Italie đương lo chiếm Tri-bô-li-tanh (Tripolitaine), hao hót của tiền biết bao nhiêu, mà cũng chưa rồi.

Còn như Áo-quốc nói cho phải, thì cũng không lòng hung dữ, vì Hoàng-đế đã già lụm cùm, tuổi hơn tám mươi, ý cũng muốn hưởng cuộc thái-bình cho đến ngày nhắm mắt, vì từ ngày người lên ngôi đến nay, thì người hiếm lúc roi châu, lắm đều cay đắng, không lẽ đến tuổi đó mà còn muốn gây tai nạng cho nước.

Nói qua nước A-lơ-măn, thì Hoàng-đế hăng tỏ cùng dân rằng: « Ta là vua ưa mến cuộc thái-bình », song ai hiểu lòng sâu hiểm, trí cao xa của người cho được. Trong mấy năm nay, các nước Âu-châu liên lạc nhau mà ngăn ngừa sự bất bình, sợ có đều rối rắm, mà sinh hệ trọng trong nước, té ra cũng không thể mà giữ cho bền cuộc thái-bình, vì các nước cũng mỗi lòng rùng chí mà nhin nhục nước Đức với Áo là nước thường lấy sự mạnh bạo mà húng hiếp nhiều đều,

Từ năm 1870 đến ngày khởi chiến, trong nước A-lơ-măn, đường kinh-tế đã thanh vượng, mà lại quân binh càng thêm mạnh mẽ. Trong 50 năm, dân số tăng bằng hai; ngày khởi chiến thì cộng gần 65 triệu hơn số.

Lấy số xuất nhập trong chốn thương-trường, công-nghệ, cùng số thương-thuyền của A-lơ-măn mà so sánh với nước Hồng-mao, thì coi chẳng kém là bao nhiêu.

Ấy vậy nước A-lơ-măn, dân thì đông, đồ chế tạo thì nhiều, nên ý A-lơ-măn quyết chiếm nhiều nơi mà làm thuộc-địa hầu sang bớt số dân trong nước, muốn cho có nhiều thương căn, đặt chỗ đến đó những hàng hóa trong nước ra mà bán. Nhưng vì chậm bước, nên các nơi địa-lợi bên Hải-đương-Châu (Océanie) A-phi-châu (Afrique), và Á-châu (Asie) đã có Đại-Pháp cùng Hồng-Mao chiếm cứ rồi. Còn sót lại là mấy nơi nóng nực, dân Âu-Châu ở ăn không được mà thôi. A-lơ-măn dòm thấy, rồi so sánh các đều thì bất bình, vì nước mình là một nước lớn và mạnh, há để thua chư-quốc vậy sao? Bởi có ấy, nên trót 10 năm nay, A-lơ-măn cứ dòm hành thuộc-địa của Langsa là xứ Ma-rốc và xứ Công-gô (Congo) nên ghe phen kiếm cơ mà gây với Đại-Pháp, song nhà nước Đại-Pháp ăn nhàn, dặng giữ cuộc thái-bình bền vững mà thôi.

Phía dưới A-lơ-măn thuận cùng Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) dặng có bằng ngan qua nước ấy cho dễ đường qua lại tại Tiểu-á-tế-á (Asie mineure). Trong năm 1908, thừa dịp nước Nga vừa bãi chiến với Nhật, A-lơ-măn xuôi Áo-quốc chiếm đoạt xứ Bôt-ni-ết-sê-gô-vi-nô (Bosnie-herzégovine) của tiểu quốc Sê-t-bi (serbie). Trong ý A-lơ-măn tưởng thâm rằng, chư quốc ai ai cũng phải sợ oai, dầu có đấu chiến thì cũng chắc rằng không ai chống trả nổi. Xét cho thấu đầu đuôi rồi, thì biết rõ nước A-lơ-măn tưởng mình là một nước đứng trên thiên-hạ, văn-minh hơn hết, trong cả toàn cầu, tưởng mình là một nước của Tạo-hóa sinh ra để mà thống ngự thiên-hạ.

Đức-quốc và Áo-quốc tính hiệp lực với nhau mà chống cự cùng chư-quốc, nhứt là chúng nó hay dòm hành các nước nhỏ tại Banh-kăn muốn chuyên chế nơi các nước ấy dặng dễ thông qua biển A-đơ-ri-a-tích (Adriatique), hầu lập một hai thương căn. Ai dè dân dưới Banh-kăn là một dòng giống với dân nước Nga, nên khó mà chuyên chế dặng. Vì vậy mà. Áo, Đức đấu đấu nơi lòng, quyết dùng binh lực mà làm cho vừa lòng tham muốn,

Các nước bên Âu-châu, từ lớn chí nhỏ, dòm thấy lòng tham muốn của 2 nước trung-trương đó, thì hăng lo chẳng khỏi đổ máu nhau, lo những việc để chữa mình nên đường kinh-tế, chốn thương-trường không thịnh-vượng nổi trong ba năm trước khi có giặc. Vì sự lo ấy, nên sưu thuế phải nặng nề cho con dân.

Nước Đại-Pháp thì lập luật định mỗi khóa lính là ba năm, bên Nga thì lo làm đường xe lửa thêm bên phía Tây, thêm số binh, và lo tập rèn chẳng ngớt. Còn nước Tỹ-lợi-thì (Belgique) là một nước có chư-quốc liệt-cường bảo thủ mà cũng phải thêm binh và tu-bổ đồn lũy lại cho chắc chắn.

Nhơn có một việc lo gìn giữ nước-nhà, mà các nước ấy, mỗi năm phải hao tổn về việc tu binh chẳng biết số nào mà kể.

Ấy vậy thì rõ mỗi giặc này là tại lòng ác-độc A-lơ-măn gây ra. Quân trinh-thám của nước ấy, hay giỏi chẳng ai bì kịp, còn bạc các kho tàng trong nước đều đem hết ra mà chi phí trong việc quân binh. Đến rốt giựt mình, xét lại thì của tiền gần hết, nợ vay năm 1906 và 1907, chưa trả nổi, thuế vụ thêm nặng nề, gần muốn sanh loạn trong nước. Nước A-lơ-măn đã sắp đặt rồi như thế ấy, mà hưởng cuộc thái-bình sao cho dặng, thế phải dấy binh mà thâu thành này, đoạt cõi kia, hầu dặng bồi đắp những tổn phí mấy chục năm chớ. Ấy đó có phải mối hại sanh-linh đường này là tại nơi lòng sâu hiểm của A-lơ-măn đó chẳng?

Đương lúc Hồng-Mao lo cho xứ Yết-lăn tự-chủ, Nga-la-tư sắp đặt việc nước chưa xong, nếu A-lơ-măn không thừa dịp đó thì chờ dịp nào. Bởi vậy hễ A-lơ-măn hạ chiến thư rồi, thì liền đem binh ngan qua nước Tỹ-lợi-thì toan diệt trừ Đại-Pháp trước, rồi sẽ trừ mấy nước kia. Chừng thắng trận, thì quyền-lợi ắc về tay tự ý chia, Xa-hoa (Savoie), Ni-xơ (Nice), Cù-lao Cọt-xơ (Corse) (của Đại-Pháp), và các nước Banh-căn cho Áo-quốc và I-ta-li. Còn phần A-lơ-năm thì buộc Đại-Pháp phải bồi thường 25 ngàn triệu

quan, Nga-la-tur 10 ngàn triệu, chẳng những vậy mà thôi, mà lại các thuộc-địa Langsa phải về tay mình.

Bấy lâu nay đã tốn bao nhiêu mà ngày nay được lợi này, há chẳng nên cử động sao? Nhưng mà muốn ra binh thì phải có cớ chi gây thì ra mới dặng.

Hỡi ôi! Ngày 28 Juin 1914, ruồi cho Hoàng-thái-tử Áo-quốc Phê-lăng-xoa Phê-đi-năng (Francois Ferdinand) đi cùng bà Hoàng đến xứ Xa-ra-so-vô (Sarajevo) là Kinh-đô xứ Bốt-ni (Bosnie) hai vợ chồng đều bị hai tên Xê-t-bô (Serbes) thích khách (1).

Áo-quốc cáo rằng nước Xê-t-bi phải liên can trong đám thích khách đó. Áo-quốc lại nghe lời Đức, ngày 22 Juillet 1914 giao cho Nhà-Nước Xê-t-bi một bức tối-hậu-thư (ultimatum) mà buộc nước Xê-t-bi thính tùng nhiều điều nhục nhã, như là đều buộc Serbie phải để cho quan Áo-quốc qua nước mà tra xét và trừng trị những người liên can trong đám thích khách, làm cho Xê-t-bi ngẩn ngơ, nếu chẳng y theo thì sanh biến, bằng y như lời thì còn chi là danh giá nước mình; Áo-quốc lại kỳ cho nước Xê-t-bi 48 giờ phải trả lời, bằng chẳng vậy, thì sẽ dứt đường giao-thiệp.

Nước Xê-t-bi thì nhỏ, còn nước Áo thì mạnh hơn bằng mười, nên khi Xê-t-bi nghe các điều buộc ấy thì rúng chí: nếu cự thì sao cho lại, còn nhịn để bị hiếp đáp như thế thì còn mặt mũi nào đứng trên hoàn-vũ này. Vì cớ ấy nên liền cho Hoàng-đế Nga hay và cầu cứu.

Khi các nước Âu-Châu biết rõ cái thư của Áo-quốc buộc Serbie như vậy, thì chắc lười và than thầm, vì biết ý Áo-quốc nghe lời Đức mà buộc nhiều điều khó cho nhà-nước Xê-t-bi vưng chịu, hầu có làm cớ mà khởi binh. Tuy vậy mà các nước cũng hết lòng tư diễn-tín qua A-lơ-măn mà xin Hoàng-đế giúp lời dặng xin kỳ lại năm ba ngày cho nước Serbie nghị luận, Hoàng-đế A-lơ-măn phân rằng không muốn can dự vào việc thù riêng của Áo-quốc và phân cùng Nga-quốc rằng Áo-quốc không phải muốn thôn đoạt nước

(1) xin coi chuyện thích khách sau đây.

Serbie, nhưng phải làm vậy là cho tuyệt những hội nghị cùng Áo-quốc tại nước Serbie mà thôi. Ngày 28 Juillet 1914 Áo-quốc lập quân-luật tại xứ Slavonie, xứ Croatia, xứ Fiurne (tại Autriche-Hongrie) và hạ lệnh chiêu binh.

Còn A-lơ-măn thì cũng chiêu binh và sai tướng trấn các cương giới. Nga-quốc không lẽ làm thính, vì không nỡ bỏ nước Serbie nên cũng chiêu binh đóng dài theo ranh Áo-quốc. Nhà nước Đại-Pháp cậy nước Hồng-Mao hiệp với Nga-quốc đặng tỏ cùng Hoàng-đế A-lơ-măn đều can hệ và xin Nhà-Nước A-lơ-măn khuyên Áo-quốc đình binh.

A-lơ-măn có lòng muốn khởi giặc, nên từ chối hoài, và lại cùng các nước rằng : phần mình thì chẳng có đóng binh nơi nào hết, song trong nước cứ việc lo tới, coi chẳng kiên nề nước nào hết.

Đại-Pháp mới tư thơ cho Hồng-Mao hay rằng A-lơ-măn đã sắp đặt quân binh từ ngày 25 juillet. A-lơ-măn biết rằng thế nào Hồng-Mao cũng can dự vào đám giặc này, nên đã dạy sứ xin Hồng-Mao trung lập. Hồng-Mao khó mà chịu theo, vì chẳng lẽ để Đại-Pháp bị A-lơ-măn yểm chế.

Tại Paris thì quan Tổng-Thống Đại-Pháp chắc rằng hễ A-lơ-măn nghe Hồng-Mao, tiếp chiến cùng Đại-Pháp, thì tự nhiên chẳng xao động quân binh.

Nước Nga thì xin A-lơ-măn khuyên Áo-quốc cho phép đem những lời buộc nước Xet-bi cho các nước chung nhau mà luận lại mà Áo-quốc không tuân, có ý muốn nhục mạ đến Nga-quốc nữa.

Ngày 31 Juillet 1914. Áo-quốc giàn binh tại ranh, thì nước Nga cũng làm y mà phòng. Tức thì A-lơ-măn hạ thơ qua Nga, buộc Nga phải bãi binh trong 12 giờ. Sứ A-lơ-măn lại hỏi Đại-Pháp rằng nếu A-lơ-măn cùng Nga giao chiến, chủ hướng Đại-Pháp thế nào. Đại-Pháp không trả lời trong lúc đó.

Qua ngày sau, nước Áo-quốc muốn thuận-hòa, mà A-lơ-măn cứ việc dồn binh nơi ranh, nên nước Nga không thể khoan tay mà chờ ách tới. Trong lúc Đại-Pháp còn đương nghiên cứu về sự giữ cuộc thái-bình, nước A-lơ-măn vùng dứt đường giao thiệp.

Ngày 1^{er} Aoút 1914, A-lơ-măn truyền lệnh chiêu binh các khoá, còn bên Đại-Pháp thì 4 giờ chiều mới hạ lệnh chiêu binh. Cũng bữa đó, binh A-lơ-măn đã lấn ranh nước Đại-Pháp nhiều chỗ phía Anh-xách Lo-ranh (Alsace Lorraine) là hai tỉnh của Đại-Pháp mà A-lơ-măn chiếm thuở nay).

Ngày 2 Aoút 1914, Đức hạ chiến thư cùng Nga và binh Đức tràn qua xứ Luxembourg.

Ngày 3 Aoút 1914, Đức gửi một bức tối hậu thư (ultimatum) buộc nước Ty-lơ-thi phải để cho binh Đức đi ngang qua nước thông thả đặng kéo qua đánh Đại-Pháp và cũng bữa đó hạ chiến thư cùng Đại-Pháp.

Ngày 4 Aoút, Hồng-mao truyền chiêu binh và hạ chiến thư cho Đức cùng Áo vì thấy Đức chẳng vì lời giao cọng quốc mà tràn qua nước Ty-lơ-thi.

Ngày ấy nước Italie xưng trung lập, nước Mông-tê-nê-rô tiếp nước Serbie và hạ chiến thư cho Áo-quốc. Sau rốt là ngày 6 Aoút, nước Áo-quốc mới hạ chiến thư cho Nga-quốc. Cách vài ngày, Đại-Pháp hạ chiến thư cho Áo-quốc.

Trong mấy ngày mà bảy nước lớn bên Âu-châu phải giao chiến nhau, làm cho rung rinh cả toàn cầu A-lơ-măn không dè ngày đó, nước Italie thấy lòng tham lam, tàn bạo của mình, mà trung lập, lại ỷ mình tài hơn thiên-hạ, ai dám ra mà chống chỏi với mình.

Không hiểu vì làm sao mà A-lơ-măn dám tưởng rằng Nhà-Nước Hồng-mao chẳng tiếp Đại-Pháp để cho nó qua mà yểm chế chia bờ cõi, thâu thuộc-địa các nơi, hầu đặng một mình tung hoành trong thương-cuộc.

A-lơ-măn cũng không dè ngày khởi chiến mà nước Ty-lơ-thi cả gan ra trở đương, căng đường mà giữ bề trung lập. A-lơ-măn gây ra đám giặc này là có ý tưởng rằng các nước đều lo sợ mà không đồng một chí cùng nhau. Không ngờ Nga, Anh, Pháp đều hiệp lực mà diệt trừ A-lơ-măn là nước thù chung. Bên nước Hồng-mao việc lo tự-chủ cho xứ Yết-lăn (Irlande) thì dẹp lại một bên. Tại Nga-quốc trong 24 giờ, các việc rối trong nước đều tan hết. Còn bên Pháp-quốc thì những phe đảng nghịch, nhỏ lớn đều nổi khí hùng đồng hè xông lược ra mặt trận diệt trừ lũ nghịch.

(Sau sẽ tiếp theo)

THƯỜNG-TIÊN.

Chuyện thích khách vợ chồng Hoàng-thái-tử François FERDINAND

(Phờ-răn-xoa Phệt-di-năn)

TẠI KINH THÀNH SARAJEVO (Xa-ra-dơ-vô)

KINH ĐÔ BOSNIE



Ông Phờ-răn-xoa Phệt-di-năn là con của ông Hoàng Sạt-lu-i (Charles Louis), kêu Hoàng-đế Áo-quốc Phờ-răn-xoa Dô-xép (François Joseph) bằng chú ruột. Hoàng-đế không con, nên tôn Phờ-răn-xoa Phệt-di-năn làm Đông-cung. Phờ-răn-xoa Phệt-di-năn có chí lớn, từ ngày đăng tôn làm Đông-cung, thì có ý muốn tung hoành trong mấy xứ nhỏ tại Banh-căn, đặng làm đường mà ra biển A-dờ-ri-a-tích (Adriatique) cho tiện đường giao-thiệp với các nước trong cuộc bán buôn. Người thấy nước Xet-bi (Serbie) một ngày một thịnh vượng, e để lâu ngày chuyên-chế không nổi. Nên người lại hiệp với Hoàng-đế A-lơ-măn cũng đồng ý kiên với người, có giáp mặt nhau tại thành Kô-nô-bích (Konopischt) mà nghị luận nhiều việc sâu xa. Bởi ấy nên ngày Hoàng-đế A-lơ-măn nghe tin Hoàng-thái-tử Phờ-răn-xoa Phệt-di-năn bị thích khách, thì than như vậy: « Thôi rồi các cuộc trọng hành ta đã tin đó » Lấy đó mà suy, thì hiểu rõ rằng Hoàng-thái-tử Phờ-răn-xoa Phệt-di-năn chờ ngày lên ngôi chánh-trị mà cử động cho toàn chí nguyện.

Hoàng-thái-tử Phờ-răn-xoa Phệt-di-năn ngày ấy đi viễn xứ Bốt-ni Hết-xê-gô-vinh (Bosnie Herzégovine) là chẳng phải ý ngoạn-du đâu, chủ ý là đi dò đường, vì người đã hứa với Hoàng-đế A-lơ-măn, rằng chừng các cuộc hoàng-toàn rồi, thì sẽ để cho A-lơ-măn làm đường xe-lửa cho tới biển A-dờ-ri-a-tích (Adriatique) tại thành Tri-ếch (Trieste).

Trong mấy ngày đầu tháng Juin 1914, thì tiếng đồn rộn rục rằng Hoàng-thái-tử sẽ đến viếng thành Bốt-ni Hết-xê-gô-vinh, bên nước Xet-bi cùng Mông-tê-nê-gô-rô, đều hay hết.

Ngày 28 Juin 1914, vợ chồng Hoàng-thái-tử đi đến Bốt-ni ; quan quân chức rước tại Công-sở. Đi vừa nửa đường, thỉnh linh có người liên trái phá trúng tay Hoàng-thái-tử mà không nổ, người đỡ vệt ra, trái phá rớt ngoài xe, nổ ra thì có nhiều người hầu đi xe sau bị trọng vết. Người liên trái phá đó tên là Ca-bờ-ri-nô-vít (Caprinovic) làm thợ nhà in, quê quán tại Tro-banh-dờ (Trebinge). Tên ấy bị bắt tức thì. Chừng đến Công-sở, tiệc mừng rước xong xui, vợ chồng ra về, nửa đường có một tên nhảy lên xe, cầm súng lục liên bắn trên mặt Hoàng-thái-tử và người vợ tại bụng. Quan hầu chở vợ chồng Hoàng-thái-tử đến nhà-thương thì tắc hơi. người bắn ấy là tên Bờ-ranh-xiếp (Princip), học-sanh tại trường, quê quán Gờ-ra-hô-vô (Grahovo) cũng bị bắt tức thì.

Đem hai tên ấy ra tra hỏi thì chúng nó trả lời rằng, vì Áo-quốc yểm chế xứ Bốt-ni Hết-xê-gô-vinh làm nhiều đều hãm hiếp, nên chúng nó dùng điệp nầy, mà rửa hờn và lấy danh vậy thôi. Áo-quốc bắt tội nước Xet-bi, vì hai tên thích khách là dân Xet-bi, nói Chánh-Phủ Xet-bi toan mưu mà giết Hoàng-thái-tử, lại có bắt thêm 20 người nữa, hễ nghi ai thì bắt nấy. Lại thêm nhứt trình bày nhiều đều làm cho dân Áo ở tại Bốt-ni kết hờn mà phá tan nhà cửa, cùng hảng buôn của dân Xet-bi tại xứ đó. Ấy cũng vì sự thích khách nầy mà sinh ra một đám giặc to như thế.

THỌ - SƠN.



Âu chiến danh tướng

Đại Thống-soái Joffre

Đó là một người của Quốc-gia tin cậy vững vàng, hai tay ôm chặt quốc-hồn, nắm vững cánng cò trung-nghĩa. Người mà Quốc-gia phú thác mấy triệu sanh linh, một tay điều-khiển, cũng đáng kính là anh-hùng đệ nhất.

Đại Thống-soái JOFFRE ngày ra thống lãnh binh quyền mà giao chiến cùng Đức-tặc, thì tuổi đã hơn sáu mươi, tóc râu đã bạc trắng, mà sức lực sánh bằng trai, con mắt ngó có oai, bề cử chỉ nghiêm trang đúng mực. Ngài tánh ít nói và hòa hoãn lắm. Lúc vừa hai tám đã thi đậu tú-tài, 18 tuổi, ngài lãnh chức quan một. Trong năm 1870 Đại-Pháp cùng Đức-tặc giao chiến thì ngài từng quân công thủ tại thành Ba-ri (Paris). Hai mươi tuổi lãnh chức quan hai, cách bốn năm sau thì ngài lên chức quan ba. Ngài có cầm binh chinh phạt Trung-Huê và Bắc-Kỳ cùng nhiều trận trong mấy xứ khác. Quan trên đều yêu dụng, vì biết trước rằng ngài đáng mặt danh tướng.

Ngài dặng chức quan tư năm 1889, quan năm 1897, đến năm 1901, ngài được thăng chức Nguyên-soái. Ngày 23 Février 1910, ngài vào làm Hội-viên Thượng-nghị-viện quân binh.

Đến ngày 24 Juillet 1914, ngài lãnh chức Đại-thống-soái cai quản mấy triệu binh mà diệt trừ Đức-tặc.

Xét coi hoạn-lộ của ngài bước rất lạ lùng, thì đủ biết ngài là người Quốc-gia đáng tin cậy trong lúc Quốc-gia nguy biến chẳng?

Ngài có trí rất cao xa, biết binh Đức-tặc vô số, không thể đối thủ, nên truyền lui binh cho đến sông Marne. Đến đó thì ngài đã sắp đặt binh mã vững vàng, ngài liền truyền công phá. Nhờ trận đó mà binh Đại-Pháp ngày nay mới còn

bền vững. Đại-Pháp nghĩ vì ngài có công trận lớn với nước, nên ban cho ngài một chức kêu là « Pháp-quốc lục-quân tướng-soái » (1) (Maréchal de France) đặt đền đáp ơn ngài.

* * *

ĐỆ NHỨT DANH PHI-CÔNG

Quan ba Ghi-nơ-me Guynemer

Anh đồng như Quan-Công thuở trước, một người một ngựa, phò nhị tầu quá quan, như Triệu-tữ-Luông danh vang nơi Trường bản ngựa trắng hóa ngựa hồng ; còn như nay, một mình cỡi phi-thoàn, bay liện trên mây, tuần thám ngăn ngừa nghịch-tặc, dạn vục vục bên tai, mà chẳng nao chẳng núng, há chẳng gọi anh hùng, tên chẳng đáng ghi vào Quốc-sử sao.

Như quan ba Georges Guynemer, tuổi vừa hai kỹ, mà gan dõm lạ thường, lòng mến trọng quê-hương, đương lúc nước-nhà sanh biến, nghịch-tặc mong lòng lừa hết bá vạng hùng binh qua đập đổ quê-hương, há dễ ngồi khoanh tay mà ngó sao ? Ngày 23 Novembre 1914, ngài vào tinh nguyện tòng quân, ngày 26 Avril 1915, ngài đã đăng cấp bằng phi-công, 8 Mai 1915 lãnh chức cai, 20 juillet, lên chức Đội, và được thưởng khuê bài « Médaille militaire » ngày 24 Décembre, ngài đăng thưởng Ngũ-dăng Bửu-tinh, ngày 13 Avril, lãnh chức quan một, ngày 31 Décembre 1915, lãnh chức quan hai, ngày 18 Février 1917, lãnh chức quan ba, ngày 11 juin 1917, ngài đăng thưởng Tứ-dăng Bửu-tinh.

Từ xưa nhân nay, ít ai bì kịp. Tòng quân chưa đăng 3 năm, mà công lao rất dày, cả nước đều kinh phục, một mình qua lại trên mây, tuần thám khắp nơi, bắn hạ được 54 phi-thoàn quân nghịch, được 24 lần ban khen, thật là một dũng anh-hùng, vậy mới đáng ban cho ngài bốn chữ : « Vô-dịch tướng-quân ».

(1) Chức này là một chức cực phẩm bên Võ, mà Nhà-Nước Đại-pháp đã bỏ, kể từ năm 1870. Đến nay, vì mang ơn lớn của ông Joffre nên phải đem chức ấy mà ban thưởng cho ngài mới xứng đáng công ngài giúp nước.

Từ ngày 19 Juillet 1915 cho đến ngày 6 Septembre 1917, ngài hạ được 54 cái phi-thoàn của A-lơ-măn. Coi cái số phi-thoàn A-lơ-măn mà ngài hạặng đó, thì đủ biết là ngài anh dũng vô song. Có nhiều trận, một mình phải cự đương cùng năm sáu phi-thoàn nước nghịch, sang qua xét lại trên mây, đánh tả bắn hữu, quân nghịch kinh hồn vỡ mặt tãi lẹ làng của ngài. Có khi không nghĩ, đánh luôn đôi ba ngày. Quân nghịch thấy tài của ngài, cũng quyết hạ cho được ngài mới an lòng. Có nhiều trận quân nghịch đã nhiều, mà trời lại dông mưa, mà ngài cũng thoát đặng vòng binh.

Ngày 11 Septembre 1917. Quan ba Guynemer bay dọc đường gặp quân nghịch rượt ngài, nên ngài phải lạt dăng. Nhưng trông một ngày một biệt, không biết ngài có thoát khỏi tay quân nghịch, hay là đã bị nó hạ nơi đâu rồi đó. Thiệt rất tiếc rất thương một đấng anh hùng. Nếu ngài mà còn sống, thì đạo phi-thoàn A-lơ-măn cũng còn mang họa với ngài lắm đó.

Ngày 20 Octobre 1917, tại hạ nghị viện, ông quan ba Rây-mông (Raymond), và ông quan tư Bờ-nô-ca (Brocard), là cựu sư trưởng của quan Ghi-nơ-me xin Chánh-Phủ đem tên ông Ghi-nơ-me vào Công-thần miếu *Pan théon*

Từ-Bá.



Thời-vụ

Cận nhật tân văn

Động đất tại nước Gu-a-tê-ma-la

Tại nước Gu-a-tê-ma-la (Trung ương Tân-Thế-giải) ngày 30 Décembre 1917, đất động, nhà-cửa sập hết phân nửa, hơn hai ngàn người chết, tuy vậy mà đất còn rung rinh hoài qua ngày sau, động một lần nữa, trọn thành Gu-a-tê-ma-la là kinh-đô nước ấy sập nát, thành ấy dân số 72.000 người. Thương ôi! tai nạn chi mà rất hiểm nghèo như thế.

Lửa cháy tại thành Madrid

Tại thành Ma-dờ-ri (Madrid kinh-đô nước Tây-ban-nha Espagne), ngày 3 Janvier 1918, lửa phát cháy đền vua tan nát. Cũng có cháy nhiều đền khác, hư hại nhiều lắm.

Bão lụt tại Nhật-Bồn

Ngày 30 Septembre 1917, tại nước Nhật-bồn nổi một trận cuồng phong rất to, mưa cả ngày cả đêm không dứt, cho đến đôi trong nhà đứng gần một bên nói chuyện cũng không nghe, lại thêm nước biển dâng lên.

Nội trong thành Tokio là kinh-đô của Nhật có 472 người chết, còn 47 người mất thầy, 2.092 cái nhà sập, 4.697 cái thì bay nóc. cửa thì vỡ, còn 426.000 cái nhà bị nước ngập không có cái nào còn nguyên vẹn. Hoàng-đế và Hoàng-hậu xuất tiền riêng mà châu cấp cho những người bị tai ương hết 102.000 “yến” một yến thì nhằm 2 f. 54 tiền Langsa. Tại đó có mở hội quyên tiền được 400.000 yến.

Một trận bão tại mé biển Trung-Kỳ.

Trong ngày 26 Novembre 1917, có một chiếc tàu của khách hiệu “Tông lê” tại xứ Chefoo chở dầu hôi tại Singapore đem về Thượng-hải. bị bão sấn lên bờ tại mé biển Trung-Kỳ cách chừng 50 thước ; có hai người chết, 44 người lên bờ được, còn để lại 3 người giữ tàu. Quan Khâm-sứ Quảng-Ngai và lương-y có đến trị khản.

Cũng có nghe rằng trong đêm mùng một Décembre, tại gành Lutin, có chiếc tàu Nhứt-Bồn hiệu “Chyodamaru” bị tấp vô đá hàng núi Montagne de Marbre, mà không hại chi đến người dưới tàu. Từ Quảng-Nam tới Bắc-Kinh, thì điện tín bị đứt, Quảng-Nam tới Huế cũng vậy, mà nay sửa lại rồi.

Bão lụt tại Trung-Kỳ.

Tại Trung-Kỳ phía ngoài, trong tháng Octobre và Novembre, mưa dầm dề mỗi ngày, nước lên linh láng, tuy là khôn phải đại-họa, chớ cũng hại dân bồn xứ rất nhiều.

Đường xe lửa và quan lộ từ Quảng-Nam tới Huế đi khôngặng, đường tạm sửa lại cũng chưa rồi. Đường đi từ bến Láng-cỏ tới đèo Mây thì bị đất chài, hư nhiều khúc, đường xe lửa thì trốc lên, không thể sửa lại cho mau được. Sở Tạo-tác cũng hết lòng bồi sửa.

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ, có tư điện tin cho quan Toàn-Quyền hay rằng ngài có cho phép các quan sứ mấy xứ bị thủy-tai xuất lúa gạo mà phân phát cho dân bị tai nạn.



ÂU-Á TỪ ĐÀNG

VĂN

Việt âm biện lược

Máy Tạo-hóa vận-động; đại loại như Sấm-vang, Gió-thổi, Tượng-rống, Chim-reo, nghe qua tiếng Tự-nhiên, chẳng còn trách Tạo-hóa riêng cho kia hơi giải văn, nọ động đục trong cho đáng; người lại lấy thể-lực mà sửa lại; roi rút Sấm về nơi êm thấm, vách ngăn Gió bớt trận ồ-ào, tập Tượng hò theo câu tiết tấu, luyện Chim nói đủ điệu thanh-tao, ấy thế, người có lẽ dám cùng Tạo-hóa tranh công hay sao? *Tập quán thành tự nhiên vậy.*

Loài vật tốt như thế, huống chi loài người, rất quí cho lời vàng ý ngọc, lòng gấm miệng thêu, Tạo-hóa riêng phú tánh linh, còn thể-lực của mình đã sẵn, là do sự trí-thức học-tập để mà trau chuốt cho mình, suy vậy; của người đã thành lập ra phương ngôn tục ngữ, tiếng tuy xừ xừ chẳng đồng, song đều có ý nghĩa và thú vị riêng.

Tiếng Việt-Nam ta có kẻ tưởng hèn mà chẳng học, hoặc là chê khó mà không ham.

Chê hèn là tại sao? Bởi nghe Thời-nhơn nghị luận rằng: « Chữ nho là chữ Chết ». Tiếng Việt-Nam bởi phần nhiều truyền tập nơi chữ nho Trung-Quốc, cội rễ ấy bày ra dạy người nước ta, mới hóa riêng một thứ tiếng, nay chữ mà còn chê rằng: chết, thời tiếng lại sống gì.

Chê khó là tại sao ?

Bởi học chưa đủ tiếng, và không gồm rõ chữ nho, thoản thấy văn từ quốc-âm của các đấng văn-nhơn tài-tử như : thi của ông Tôn-tạo-Tường, văn của ông Đồ-Chiều, tuồng « Kim-Thạch Kỳ-duyên », truyện « Túy-Kiều », « Tần-cung oán », « Chinh-phụ ngâm » chi loại, cùng một hai nhà công-báo bây giờ có ít vị nho nhả diễn-thuyết, nhiều khi phải kiếm tìm chỗ giải nghĩa mà đọc, thời hao hót ngày giờ, có chỗ buồn hờn, nên kiếm đều trách móc.

Phải nghĩ vậy ; lời nói của người nước ta, đã nghe chung nhau được dầu nôm, dầu chữ, đều là tiếng Việt-nam, nếu học đủ thời dễ thông, đọc quen thời mau hiểu, chẳng nên hạn lệ rằng : quốc-âm hết phải nói nôm đừng nói chữ, như ! « Tử viết » Thầy rằng « Thiên cao » Trời cao « Hải huot » Biển rộng, vân vân, cũng được vậy, nhưng mà e nhiều chỗ lắm bất thông chẳng ? Như « Quang quang thư cưu » hòa hòa tiếng Thư cưu kêu, « Ung Ung minh nhận » hòa hòa tiếng chim nhận kêu, rồi dóng lại nghe coi, Thư cưu với nhận kêu đồng dạng vậy hay sao ? Đó cứ nghĩa củ của nhà chú sớ kinh-thi mà giải thuyết, nghe ra còn hầy ngồn ngán, huống chi là sáng-tạo nghĩa đen cho nhiều, ví như : « Nhựt-báo » ngày thừa hay là ngày trả ? « Nhựt-trình », ngày phép, hay là ngày đường, Đạo-đức gia nhơn, nghĩa, lễ, tri » nôm là gì ? cấm nói chữ đại để như vậy, mà làm cho ững tắc thốn thiếu nghĩa lý quốc-văn, rất ững hay !!!

Hỏi ôi !

*Sự tưởng dành sai lối,
Đều chê rất vụng toan,
Dầu hèn dầu khó mấy,
Dòng giỏi lắm khôn ngoan.*

Có một đều kém là kém với các nước văn-minh giao thiệp mà thôi, dầu hèn cũng thế, như lúc trước nước ta mới giao thiệp bên Âu-Châu như quan Kinh-lược đại-thần Phan-thanh-Giang ứng đối Pháp-đình ngài lại dùng tiếng nào ? Lắm lắm già-man đối đãi cùng ta hầy thua nhiều bức, nếu học rành

nghe kỹ, lời vàng ý ngọc, lòng gấm miệng thêu cũng xứng văn-minh vậy.

Suy cho kỹ: Tạo-hóa với thể-lực hiệp lại vẽ viên thành trụ, như vật còn tập ra tiếng người (luận trước) hướng chỉ người sáng tiếng mà không tập cho nên câu, nếu luyện thực ngôn ngữ minh bạch, chẳng luận là phương nào, qui hồ đủ chỉ điểm Tạo-hóa muôn vật theo chỗ mình kiến văn.

LỤC-HÀ-TÀU.

THI

Quốc-dân hạnh

TIÊU DẪN

Việc của người chẳng có phần được mà được kêu là hạnh, hạnh là phúc của người gặp gỡ tình cờ : cái phù-sanh còn gói giữa phong-trần, hề thấy : vận-mạng nào an-hảo, cảnh ngộ nào thuận toại hiện tại đó, thời kêu rằng hạnh-phúc, chẳng như thế mà gặp mạng cùng cảnh nghịch, thời kêu rằng họa-tai.

Từ sanh-thai cho đến tử-kỳ những việc may rủi rủi may, kể sao cho xiết, dầu có thể-lực chi nữa, cũng chẳng dám ra mà đón rước sự may, hay là ngăn ngừa sự rủi cho được.

Vả lại, có lúc giận những việc chẳng dè may mà may, như : « *Tiểu-nhơn dụng sự, Ưu-mạnh đắc thời* » choán thấy nên sự nghiệp giữa kiên-khôn, nổi công danh trong vũ-trụ, hớn-hỡ gió xuân mưa hạ, biển lặng trăng thanh, ấy đó, đáng rủi mà may, giận càng thêm giận.

Và có lúc buồn những việc không ưng rủi mà rủi, như : « *Quán-tử tao cùng, Anh-hùng thất lộ* » rồi phải gát cung đao, dày gió bụi, xa lang miếu, khốn giang hồ, ngậm ngùi thành

ngã nước nghiêng, nhà tan thân bỏ, ấy đó, đáng may mà rui, buồn chẳng xiết buồn.

Ấy là luận việc riêng của mỗi người ; còn như thế cuộc trị loạn hưng suy, lại càng nhiều dấu gầy dựng nhưn duyên trong phần tai hạnh.

Tóm lại nghĩ cho cùng, chẳng có phương tiện gì thấy trước được cái máy Tạo-hóa xây vắn đem ra các sự biến thường thường biến mà trao khắp cho đời, nhưng vậy : rõ được nhà Đạo-đức có tinh-thần, lấy lương-tâm mà dẫn bảo khuyên răn cho nhau giữ gìn bền chắc, thời cũng có lúc các sự họa-tai không đáng hại vào mình cho đến cùng, nhưng lấy cái tinh-thần vui vẻ kia mà hóa làm hạnh-phúc.

Dân nước ta sanh-trưởng chốn cùng hoang, ít oi phần kiến-thức, nhưng mà đại đồng thuở nay vưng lấy Tông-giáo của nhà Khổng-Tử, nhưng theo Đạo-đức làm qui-cử, tuy có khuyết-diểm lầm-lạc thời hóa, chẳng hợp thời đợi văn-minh bây giờ, song đặc lấy cái tánh chất quê-mùa thô-kịch đó mà lấy cái khuôn-rập mới dẫn giầy nể mực trau dồi cho nên vẻ lạ kiều xinh, cũng chẳng nhọc mấy công-phu, hẳn thật vậy : dân nước ta dễ đem vào đường tấn-hóa hơn các bậc người trong xứ Á-Châu.

Mấy năm nay trong Đại chiến-trường, đều có bọn chúng ta kẻ giúp của, người giúp công, dặng cung đồn chữ Đồng-cửu, rõ dấu lòng thành qui-thuận Pháp-định gần 60 năm một mực.

Lúc này lại gặp Xa-công tái nhậm Đông-dương Tổng-thống Toàn-quyền, Ngài đã rõ thấu lòng dân ta ra thế nào, nên Ngài chỉ lấy chơn-tâm và công-lý mà cấp cấp chuyển lo cho Đông-Dương mau tấn-hóa theo ngọn sóng văn-minh, trở nên một nước Á-pháp-lang ; rất may thay ! rất mừng thay !! Rồi tưởng lại cái thần-hồn của dân nước ta như đã ngàn năm tỉnh ngộ *Huệ phúc song tu*, mới thấy được lấy cái máy Lương-tâm hiệp với cái máy Tạo-hóa mà đời rui làm may, hóa họa ra phúc, rồi đây, lúc nữa Đông-Dương mình hóa ra cảnh tượng thăng bình, nào còn lo *Khô hải trầm-luân*

chi nữa, mà không nên rót rượu mừng nhau, hạ cho nhau
rằng: *Quốc-dân hạnh.*

Mật-mù gai-gốc mở trăm đường,
Tấn-hóa rày may có Chủ-trương.
Giáo-dục rộng xây nền Tri-huệ,
Phủ-cường dày đúc cuộc Nòng-thương.
Phong-vân hội cả rùm kêu hú,
Sư-đệ tình xưa nặng vấn vương.
Rất cảm Xa-công thuyền tế độ,
Sóng Văn-minh khóa khắp Đông-Dương.

ĐẶNG-THỨC-LIÊNG.

PHÚ

KHUYẾN

Truân-viên-chinh phú

Rất cảm thay ! người biên thú, ly gia-hương, khi phần-mộ,
lần lựa ba năm, đeo đai muôn khổ, thấy đều ra mặt Đồng-minh,
chẳng phải một mình Nam-Thồ.

BỚT NGHỈ BẮNG :

Vì chữ Đồng-cừ, giùm giúp Pháp-dinh Chánh-Phủ, làm
quản chiêu-mộ, ruồi giông Âu-địa chiến-tràng.

Bạn hiền có chực vạm ngoài, cheo-leo góc biển chơn
trời, nào ai han hỏi.

Giặc dữ hơn ngàn năm trước, rợn rợn thuyền bay
tiếng phá, há dám thở thang.

Cảnh đời mình như thế.

Buồn riêng nghĩ lại càng,

Chẳng biết làm làm sao ?

Thấu dạ chinh-phu.

Tổ niềm viên-biệt,
Nào nghĩa Lạc-quyên,
Nào hồn lưu-huyết?

Chẳng đáng nói ! Sáp bồ đi thời chì bồ lại, đãi thường
tục nợ ai màng.

Cũng gọi là : miếng khi đói bằng gói khi no, giúp khó
thảo kia mới biết.

Há tưởng phận ai riêng nấy, việc phải nên làm.
Vốn xem loài một yêu nhau, cửa đời chớ tiếc,

Ấy đó :

Trước-lễ sẵn dùng, Ái-quốc hội chen vào mà cấp-nạn,
Tự-lao có chỗ, Nghĩa-sĩ từ mau lập mà chiêu hồn.
Càng hơn đón gió riêng thang, túi phận đó lạnh lòng,
hay ra vào nơi hồ-huyết,

Cho thỏa nhìn trăng sực nhớ,

Xót bóng ai thơ-thần, còn qua lại chốn Lang-dồn.

Ngậm ngùi thay ! sanh bọn mình thác cũng bọn mình,

Vì Mầu-quốc thề nguyên chẳng bỏ,

Gắn gương vậy gắn triu mến xa cùng triu mến,

Đoái đồng-tâm phụ bạc chính khôn,

Bàn-khuân trông dặng mau về,

Ông Xa-rô còn cầm đuốc văn minh,

Lợi-ích nhiều bề lo tấn-hóa,

Sốt sẵn chúc cho kịp thấy,

Nhà Đại-Pháp thấy cạm cò Báo-thiệp,

Tồn vinh lắm cuộc hưởng sanh tồn.

MỘNG-LIÊM.



CA

Y học bổ tập khoa

diễn nghĩa

Đạo y xét rõ ràng rất khó,
 Lỗi lầm vì sai chỗ luận bàn.
 Học từ Trung-quốc truyền sang,
 Biết bao nhiêu quấy bốn ngàn năm nay.
 Bộ vị phổi nằm ngay chính giữa,
 Bộ vị gan nằm dựa hữu bàng.
 Xưa rằng: hữu Phế tả can,
 Dạy người coi mạch nghinh ngan bấy chầy.
 Gan với phổi rõ ràng năm lá,
 Bảy gan sáu phổi đã không thông.
 Trái tim chia có bốn phòng,
 Xưa rằng: bảy lỗ lại trông nơi nào?
 Trên bàng quang thông vào ống đái.
 Xưa những rằng: không cái miệng trên.
 Chưa biết mặc chớ đặc tên,
 Phải theo « Giải-phẫu » học nên mới rành.

(Vị hoàn)

ĐẶNG-THÚC-LIỀNG.



Kịch xả

Bài niêu

Nhược thị ái lạc hoa, bắc như ai phi được

Giáp ca. — *Khả liên hoa lạc tùy lưu-thủy, Thập đắc hoa lai tối hữu tình.*

Thương thương thay ! hoa nọ linh đình.

Nên ta cấp cùm giữ gìn trên tay.

Hoa kia có phúc là may, người sao chẳng nghĩ thày lai lại cười.

Cười cười chề trối kệ nhà người.

Cớ sao chẳng biết sự đời vân vi ?

Ất ca. — *Mây phải thương cái loại con chim bay, còn tao thương con cá lội một bầy thông dong.*

Thương làm chi cái hoa rụng dĩa dòng,

E khi một trận gió đông tời tàng.

Vân (xuân diệu). — *Uổng công dận ngọc thê vàng, nghĩ thôi quá ngán cho chàng vương tôn.*

Giáp ca. — *Ớ mây ôi ! mây ngồi xuống đây cho tao năn năn nĩ nĩ, phân trần một hai lời thị phi khúc trực cho mây mây nghe.*

Ở ở đời chờ khá bôn chôn, nghĩ ra cho hết, như hồn chim bao.

Thương hoa chẳng khá thương sao ?

Thương chim thương cá lẽ nào cho mình.

Mây với tao chẳng phải một mình, nghĩ ra thời biết chữ tình chia hai.

Mây thời yêu cái cảnh Bồng-lai,

Còn tao thời mến các đài hiên vang.

Vân (xuân diệu). — *Ồi thôi thôi, chờ bâng thế sạ, rất ngán tàng chi cả Trượng-phu*

LỤC-HÀ-TỔ.

Vọng Tây tiêu-thuyết

GIA-ĐI TRUYỆN (ZADIG)

HỒI THỨ I

*Hảo hơn duyên phản tác ác hơn duyên,
(Duyên tốt trục trặc hóa ra duyên xấu).*

Đời vua Mô-ấp-da, tại xứ Bá-bi-long, có người Gia-Đi, bồn tánh chơn chất. Tuy giàu có lại đương lúc khí huyết phương can, mà đã biết dằng lòng dục ; lại ý chẳng muốn chịu mình là phải luôn, chẳng hay cãi lầy mà dành phần phải, cứ giữ một niềm hòa thuận, dầu biết mình thông hơn người, cũng chẳng lấy đó mà chê bai kẻ tục người quê, cùng khinh khi những lời nói sai siêng. Vả lại tánh tình rộng rãi, nên dầu gặp đũa bội nghĩa cũng làm ơn ; lúc xuân xanh đã ước hẹn kết tóc với nàng Xê-Mia là một ả đã có nhan sắc, mà lại thuộc nhà phú-quí trăm-anh đệ nhứt trong xứ Bá-bi-long. Rõ ràng đôi đã xứng đôi : cặp sắc-tài này đã thương nhau quyết tình gắn chắc keo sơn. Cuộc huê chúc nay mai ắt thấy. Dè đâu khi cả hai đồng rảo bước thưởng xuân nơi cửa thành Bá-bi-long, đương khoan khoan gót ngọc bước theo đường mé sông O-phát, thỉnh linh gặp một bọn người, lưng đeo cung tiễn, tay sẵn dao thương. Ấy là quân hầu của công-tử Q-t-Căng nó hành hung áp bắt nàng Xê-Mia. Nguyên Công-tử là cháu quan Thừa-tướng đương triều ; tưởng rằng ; mình con cháu nhà quan, muốn ngan dọc cách nào cũng dặng. Công-tử này đã bắt tài lại không đức hạnh như Gia-Đi, mà thâm tưởng rằng : tài tình Gia-Đi vẫn sức hơn mình thập bội, nên hằng toan đoạt hôn mà vầy duyên cang-lệ với nàng Xê-mia ; song nàng này chẳng khừn trao duyên cùng Công-tử. Công-tử giận bèn quyết dùng sức mạnh mà

bắt nạng. Bởi rứa nên khi bọn quân hầu gặp nàng Xê-Mia ngoạn cảnh với Gia-Đi thì chúng nó thừa thuận ý chủ mà bắt đi. Trong cơn dành giựt, chúng nó làm cho da mỏng như trái đào non phải bị thương. Hỡi ôi! Một đóa trà mi tươi tắn, dầu cọp xứ Im-mau thấy mặt cũng giảm oai, cuối đầu xếp móng; có lý đâu bọn còn-đồ này nặng tay cho đến đập liễu bầm hoa như thế: Lúc nạng bị thương thì kêu Gia-Đi mà rằng: « Ớ Quân-tử ôi! Làm làm sao cho khỏi oan-ương cách bức, Ngưu-Nử lia phân, nở để ôm sâu bễ ái mình mông, non tình chất-ngát. Gia-Đi khi ấy ráng hết sức bình sanh, đánh liều tánh mạng, hiệp cùng hai tớ mình lược tới giải vây, quyết cứu lấy nàng cho khỏi.

Khi dẹp-yên lũ kiến rồi thì Gia-Đi đem Xê-Mia về nhà nàng thì còn mê mang bất tỉnh, dầy mình huyết chảy đầm dề, một giây lâu mở mắt ra thấy Gia-Đi thì rằng: « Ớ quân-tử ôi! xin thiếp thương chàng như vợ thương chồng, từ nay lại thương thêm là tình tri-kỷ, nhờ có chàng thiếp mớiặng vẹn toàn tánh mạng ». Gia-Đi nghe mấy lời khối tình càng nặng hơn xưa.

Chẳng mấy ngày nàng Xê-Mia đã lành vết tích. Còn Gia-Đi lại khốn khó vô cùng, vì trong lúc chiến tranh với lũ quân hầu đó, đã bị tên nơi con mắt phía tả, nay thành ung độc. Xê-Mia hằng ngày cầu nguyện với Trời cho bệnh mau thuyên: sớm tối thường lạy ứa chứa chan; trông cho Gia-Đi dặng tinh thần như cũ mà hòa hiệp sắc cầm. Dè đâu chỗ bị tên ấy càng ngày càng làm độc thêm; Gia-Đi bèn sai người đến Nam-phi-Thành mà rước danh-y Ệt-mết.

Ệt-mết liền qua Bá-bi long mà khán bệnh. Khán bệnh xong rồi lật đầu mà nói rằng:

« Phải chi vết nhắm con mắt hữu thì còn có phương điều trị, ngặt nhắm con mắt phía tả thì không phương cứu ». Lại định ngày nào giờ nào con mắt Gia-Đi phải chịu tật. Thiên hạ cả thành Bá-bi-long nghe vậy, đều thương xót cho Gia-Đi. Cách vài ngày vết ấy chảy rạo mủ ra, con mắt Gia-

Đi lại lành mạnh như cũ. Ẽt-mết nghe vậy mắt cở, bèn làm một cuốn sách cắt nghĩa rằng theo thể xưa nay thì con mắt Gia-Đi không lành được.

Gia-Đi chẳng thèm đọc sách ấy. Sách như vậy đọc có ích gì.

Ra vô vừa được, thì vội nhớ đến nghĩa cũ tình xưa, liền sửa soạn xiêm áo, đến tìm Xê-Mia, cùng nhau hiệp mặt, cho thỏa tấm lòng. Rủi thay! đi dọc đường nghe có kẻ thuật rằng: nàng Xê-Mia ghét người một mắt, nên ưng Công-tử Ot-Căng, và đã sánh đôi với Công-tử trong đêm trước rồi. Hỡi ôi! nghe qua lời nói, tợ sấm bèn tay, liền bất tỉnh ngã lạng, trể tờ đem về đến nhà thì chứng bệnh càng ngày càng nặng, tưởng đã gần nơi âm-cảnh. Chuyến này Gia-Đi đau quá sức lâu. Lần lần giảiặng sâu riêng, việc thương nhớ càng ngày càng giảm.

Gia-Đi nghĩ rằng: gái trăm-anh dầu tốt, mà tánh hay tráo chác cũng chẳng màng chi, nên tìm nơi dân dã chắc thiệt mà sánh duyên, bèn lựa được nàng A-dô-ra, mới cưới đem về làm vợ, vậy duyên cá nước càng bữa càng vui. Ngặt một điều là nàng tánh nết chẳng được đoan trang, hễ thấy ai có sắc thì cho là hiền-nhơn quân-tử rồi gây ra những cuộc phong-ba.

HỒI THỨ II

*Tiền thế-giới phiên thành ma thế-giới
cỏi tiên tráo trở làm lại cỏi ma*

Ngày kia A-dô-ra dạo xóm trở về, mặt mày giận dữ. Gia-Đi hỏi: “ Có việc chi mà bất bình như thế ”. Đáp rằng: “Tôi mới thấy đều quái gở; nếu có ông thì ông cũng khó dằn lòng, chồng Cố-ru đã lia Dương-thế cách hai ngày rày, nàng đem chôn cất dựa suối ở ngoài kia. Lúc thương yêu nàng thề thốt trăm điều, xin Thần-Thánh chứng minh soi xét rằng: (Nước bèn mã ngày nào còn chảy, cứ giữ gia-đình giữ đạo từng phu). Gia-Đi nghe đến đó thì liền nói: “Đờn-bà đường ấy mới thiệt là nghĩa-phụ,

mới thiệt thương chồng". A-dô-ra lại rằng: "Ngày nay tôi tới thăm, thấy đều trái ý là nàng muốn bèn mà không còn nước chảy nên đã đắp bờ ngăn đón cho ngọn nước chảy quanh xa, có ý thoát khỏi thề kia, mong sanh thói khác. Nói rồi A-dô-ra chưởi mắng nàng Cố-ru từng bưng.

Gia-Đi thấy vợ mình như thế, có ý khen thầm, song khi nhớ sự câu: "Tối độc phụ nơn tâm", muốn nổi một ngọn lửa hồng, cho rõ vàng kia mấy tuổi.

Người dòm lại trong đám bằng hữu của mình, thì duy có chàng Ca-Đô rất nên đẹp đẽ, vợ người coi có ý hay ưa hay khen chàng này lắm, người bèn lên tỏ ý thiệt muốn thử lòng vợ xấu tốt cho Ca-Đô hay, lại dùng của cải rất nhiều mà cho Ca-Đô, đặt cho chàng ta giữ lòng trung tín với người.

Lúc kia thừa dịp nàng A-dô-ra đi viếng ruộng, ít ngày ở nhà Gia-Đi bèn cùng Ca-Đô sắp đặt, mưu kế xong xuôi; đến khi A-dô-ra về thì sột nhiên thấy tôi tớ cả nhà đều vang khóc mà nói rằng: « Bà ôi! ông tôi đã qua đời rồi; song vì bệnh ấy không phép quản lâu dặng, nên tôi đã táng ông tôi rồi. » Nàng A-dô-ra nghe qua mấy lời thì bức tóc nhào lẳng mà khóc, nguyện một thác cho tròn đạo cả mà thôi. Đến chiều lại thì chàng Ca-Đô đến viếng và cũng than bằng-hữu mình bất hạnh. Qua bữa sau Ca-Đô cũng đến an ủi nàng A-dô-ra thì coi bộ nàng bán bi bán hỉ mà chàng ta cũng như túy như si. Cả hai người lại ăn với nhau một bữa. Ca-đô bẽn nhản khư mi lại thì coi A-dô-ra thuận tình nghinh tổng, chàng bèn tỏ rằng: Gia-Đi có chúc ngòn để lại cho nàng của cải rất nhiều, nếu nàng thuận tình cầu hiệp thì chàng sẽ làm cho nàng dặng đủ đều sung sướng. A-dô-ra một là vì sắc dễ xiêu lòng, hai là vì của mau chóa mắt, nên đẹp sâu người thăm mà một ý thuận thừa.

Bữa ấy trong lúc ăn chiều hai đang trò chuyện chẳng nhàm. Nhiều khi nàng A-dô-ra khen ngợi chồng mình song cũng trách móc một hai điều, mà lại dỗi khen chàng Ca-Đô là đứng nam-nhi xử thế chẳng ai sánh kịp. Khi ăn mới nửa chừng, thỉnh-linh Ca-Đô la đau bụng rồi nhào lẳng, nàng A-dô-ra bèn lẳng-xăng dầu thoa thuốc đồ bộn bề, song thể chẳng giảm bệnh chút nào cả; nàng A-dô-ra lấy

làm tức vì danh-y Et-Mét chẳng có tại đây, mấy hồi thấy Ca-Đô đau quính thì nàng quên đều ké né, dám rờ rẫm vào mình mà vuốt ve rồi hỏi rằng: « Vậy chớ bệnh này có hại chi chẳng? » Ca-dô rằng: « Trời ôi! lắm khi tôi vì nó mà phải bỏ mạng đó. » A-dô-ra lại hỏi: « Hồi trước mỗi khi đau nhờ có thuốc chi mà mạnh ». Ca-Đô rằng: « Có một thứ thuốc mà thôi, nếu không có nó thì tánh mạng nan tồn. » A-dô-ra liền hỏi tiếp rằng: « Thuốc chi vậy? Dầu khó kiếm cho thế mấy, tôi cũng chẳng nài công. » Ca-Đô rằng: « Chẳng chi lạ, phải kiếm cái *sống mũi người chết lổ vài ngày* mà đắp vào bụng tôi, thì từ nhiên bớt bệnh, bằng chẳng có món thuốc đó ắt chuyển này tôi phải khốn rồi ». Nói rồi lại nhào lộn hơn nữa; A-dô-ra thấy vậy thì bắt quính quẹo, sức nghĩ trong bụng rằng: « Chồng mình nay đã thác mà đi đầu thai lớp khác, dầu lúc đến trước mặt Diêm-vương mà chịu người tra hạch là yếu tại nơi đâu tội phước lúc sanh-tiền, chớ còn lỗ mũi hay là mất lỗ mũi chẳng hại chi mà ». Nghĩ như vậy bèn vào lấy con dao cạo, xăm xăm bước thẳng ra mộ chồng, dò hàng sái lụy mà quyết theo cái mũi của chồng, đem về trị bệnh cho dặng đẹp tinh duyên. Dè đâu khi cạy mã rồi, dờ nắp hàng ra, vừa cuối xuống thì Gia-Đi lại lồm-cồm ngồi dậy, tay thì bụm lấy mũi mình, còn tay thì dờ cái dao cạo mà nói rằng: « Hỡi ôi! Nàng còn mắng chưởi chị Cỗ-Ru nữa thôi, cái lương-tâm ở đâu? mà dám tính lặc mũi chồng đây, há chẳng nặng tội hơn việc lấp suối kia sao? »

(Còn-nữa)

dịch giả: TRANG-THỨC.

Tổng phê: Đương lúc thời-dại u-âm mà được một người riêng một tánh chất lo sự học-thức qua đường Văn-minh, Gia-Đi tốt vậy thay! Có một điều: liễu thân anh-kiệt với khách hồng-nhan, phải chi vì tình tri-kỷ nặn nề, từ sanh ai lại tiếc gì với ai; rồi ra mắt phải bị thương, mũi hầu bị cắt, người mà *sát thân thành nhân* có như vậy sao? « *Dĩ hi hờ, ngộ vị kiến hảo đức như hảo sắc giả dã* ».

ĐẶNG-THỨC-LIÊNG.

Tiểu tự-điển ⁽¹⁾ (LEXIQUE)

Ả-PHÁP-LANG	Nước Pháp-lang-tây (Đại-Pháp) tại Á-Châu, chỉ xứ Đông-Dương này mà nói (France d'Asie).
ẤN-ĐỘ	Xứ chà-và cũng kêu là Thiên-Trước, chỗ gốc đạo phật, về thuộc-địa Hồng-Mao (Inde, Indoustan).
ẤN-TƯỢNG	Con dấu, (cachet, empreinte).
ÁI-QUỐC-HỘI	Hội thương yêu nước mình, (Association patriotique).
BÁT-HỌC	Môn học rộng (Etudes supérieures, hautes Etudes).
BÁT-SĨ	Người học rộng (Savant)
BẮT-TRẮC	Việc thịnh-linh xảy đến, mình không ngờ (Événements).
BẠI-TÍCH	Người đánh giặc thua (Vaincus).
BAN-HÀNH	Biên lệ luật trong các tờ công-báo cho dân hay rằng từ ngày nào dân phải tuân theo lệ luật ấy (Promulguer).
BẢO-HOÀNG	Bình vực dòng vua (Royaliste).
BÌNH-ĐẲNG	Bằng nhau (Égalité)
BỊNH-NGUYỄN	Gốc của cái bệnh (Origine de la maladie).
BĨNH-QUYỀN	Cầm quyền chuyên chế (Droit de domination de conquête).
BỐ-CÁO	Truyền rao (Publier).
BỒN-CÃNH	Trong xứ (Dans le pays même).
BỒN-TÁNH	Tánh tự nhiên, cũng kêu là thiên tánh (Instinct).

(1) Bồn-quán phụ thêm mục này để mà giải nghĩa nhiều chữ, nhiều tiếng nói khó hiểu của chữ Chử-bút thường dùng mà viết mấy bài trong Tập-chí này. (Chữ ấy, tiếng nói ấy, xưa nay quốc-dân ta ít hay dùng đến, cho nên khi mới dùng lần đầu coi ra lạ mắt trái tai, song hễ dùng quen rồi tưởng cũng thành quốc-văn được.

CÁCH VẬT	Biết vật rõ ràng (Connaissance approfondie des hommes et des choses).
CANG LÃNH	Chánh lối đề mục (Principe, ligne de conduite).
CẠNH-TRANH	Dành dặt, chống cự (Concurrencer, lutter).
CẢNH-TƯỢNG	Trong lúc gặp việc chi, hình thế việc chi (Situation, état).
CẤP-NẠN	Cứu nhau khi khốn nạn (Thi-kinh) (Secourir, sauver)
CHÁNH-PHỦ	Nhà-Nước chỗ các quan cầm quyền trị nước (Gouvernement, administration).
CHÁNH SÁCH	Cách thế cai-trị dân (Politique).
CHÁNH-THỂ	Thể cách trị dân (Forme du gouvernement).
CHẾ-TẠO	Làm ra, chế ra (Transformer, manufacturer).
CHIẾN-THẮNG	Người đánh giặc ăn (Vainqueur).
CHIÊU-BÌNH	Nhóm binh, gom binh lại (Mobiliser).
CHIÊU-HỒN	Cầu hồn người chết về mà thờ (Honorer les mânes des morts).
CHINH-PHỤC	Lấy sức mạnh mà thâu phục sức yếu (Conquérir).
CHỦ-TRƯỞNG	Người làm đầu (Chef).
CHỨC-TRÁCH	Phận sự phải làm (Mission, tâche, fonction).
CHŨNG-TỘC	Dân một màu da (Race).
CHÓ-NƯỚC	Cá lớn có hai nanh giống ngà voi, người Tàu kêu là hải-cầu (Phoque).
CHƯƠNG	Một phần trong một quyển sách (Titre, chapitre).
CHƯƠNG-TRÌNH	Bài sắp đặt có thứ lớp (Programme).
CHUYÊN-CHẾ	Lấy quyền thế mà ép trị không ai cãi được (Agir arbitrairement, pouvoir absolu).

CHUYÊN-MÔN	Chuyên ròng một nghề (Spécialiser).
CÔNG-TRÌNH	Công việc làm (Tâche, peine).
CƠ-XẢO	Máy móc khéo (Machine perfectionnée).
CỰC-ĐẠI	Lớn lắm (Très grand, très important).
DÂN-ĐẠO	Bổn phận làm dân (Devoirs de citoyen)
DÂN-QUYỀN	Quyền-hành của dân (Droits de citoyen).
DÂN-TỘC	Dân một giống, một dòng (Peuple).
DI-NGHỊ	Cải bề (Contrarier).
DĨ-HĨ-HỒ ! NGÔ VỊ KIẾN	
HÁO ĐỨC NHƯ HÁO	Than ôi ! Ta chưa thấy người ham
SẮC GIẢ DẢ	muốn đạo đức như ham muốn nhan
	sắc vậy. (Hélas ! Je n'ai pas trouvé de
	personnes qui estiment la vertu autant
	que l'amour, (parole de conficius).
DIÊU-ĐỘNG	Rung rinh (Mouvement, évolution).
DINH-HOÀN, HOÀN-VŨ	Cỏi thế-gian (Monde).
DUYÊN-DO TỰ-SỰ	Kể về mọi việc rõ ràng (Description).
ĐẠI-VIỆT	Tên nước Annam.
ĐẠI-THƠ	Người viết sách vở (Ecrivain).
ĐẠI-THẨM-VIỆN	Tòa nghị bức chót, phê hay là bề
	các sắc án tại Ba-ri (Paris), Cour de
	cassation).
ĐẠO-TÔN	Sự tinh-tưởng theo một đạo kia
	(Religion).
ĐỊA-CHẤT-HỌC	Phép học cho biết sự tích trái Địa-
	cầu, những vật làm ra trái Địa-cầu
	(Géologie).
ĐIỀU	Một phần trong một đoạn sách (Article)
ĐOẠN	Một phần trong một thiên hay là
	một chương sách (Section).
ĐÔNG-DƯƠNG CÔNG-BÁO	Nhật-trình của Chánh-Phủ Đông-
	Dương để bố cáo lệ luật cho dân
	biết (Journal officiel de l'Indochine).

ĐỒ-CÔ-TÍCH	Đồ xưa (Vieille chose).
ĐỒNG-CỪU	Đồng một lòng mà trả cừu (S'unir pour se venger).
GIÃ-MAN	Mọi rợ (Barbare, sauvage).
GIẢI-PHẪU-HỌC	Cách học mổ xẻ, ngoại khoa y thuật (Chirurgie),
GIAO-DỊCH	Sự đổi chác, mua bán (Négoce, Commerce).
GIAO-THIỆP	Giao hảo với nhau (En relation).
HẢI-THƯƠNG	Cuộc vận tải hàng hóa buôn bán đường biển (Commerce maritime).
HÀNG	Trong một bài sách, mỗi lần qua hàng trọn một câu, một tư-tưởng, (Ainéa).
HÃNG CHẾ-TẠO	Chỗ làm ra đồ dùng (Manufacture).
HÀNH LẠC-THÀNH	Lễ mừng công việc đã làm nên rồi (Inauguration).
HY-VỌNG	Chô trông đợi (Espérance).
HIẾN-PHÁP	Các lệ luật (Charte, loi).
HÌNH-THỂ	Hình vóc (Forme).
HOẠN-ĐỒ	Đường làm quan (Fonctionnarisme.)
HỘI HÚY-VIÊN	Hội có đông người nghị việc (Commission).
HỘ-TRƯỞNG	Tại tỉnh thành Chợ-lớn có chia ra làm nhiều xóm, mỗi xóm có đặt người đầu-mục, kêu là Hộ-trưởng (Chef de quartier).
HUỆ PHÚC SONG TU	Trí huệ phúc đức đủ cả hai (Perfectionner l'intelligence et pratiquer la vertu).
KHAI-HÓA	Mở mang (Civiliser).
KHẤU-THÙ	Người thù nghịch (Ennemi, adversaire).

KHOẢN	Trong điều lệ nào có số thứ tự nhứt, nhì, ba, tư, v. v. mỗi số kêu là khoản (Paragraphe).
KHOA-MỤC	Trường thi cũ (Concours), examen.
KHÔNG-KHÍ	Trên chỗ thình không trên trời (Espace).
KHUYẾT-ĐIỂM	Thiếu - thốn, sơ - sót (Imperfection, lacune).
KHÍ-CỤ	Đồ thường dùng (Ustensils).
KỊCH-LIỆT	Dữ dằng (Violence).
KIỆN-KHÁCH	Người của Nhà-nước đặt ra để mua bán các văn-khế (Agent de change).
KÝ-LƯU-BÀI	Giấy thuế thân Khách-trú (Permis de séjour).
KỶ-LƯƠNG	Nghề hay (Bon métier).
KỶ-NGUỒN	Từ năm Chúa Gia-tô giáng sanh là năm 1 đến bây giờ (Ère).
KÝ-NIỆM	Ghi nhớ (Souvenir).
KÝ-SỰ	Ghi việc (Enregistrer, noter).
LẠC-QUYỀN	Vui lòng mà giúp tiền bạc (Souscrire avec plaisir.)
LẬP-THÀNH	Làm được nên (Constituer, travail accompli).
LIỆT-CƯỜNG-QUỐC	Nước mạnh mẽ (Etat puissant).
LIÊN-HIỆP	Xúm xít hùn hiệp lại với nhau (Association).
LIÊN-HIỆP-QUÂN	Binh hiệp đoàn với nhau (Armées alliées).
LUÂN-LÝ THIÊN NHIÊN	Đều tự nhiên phải vậy (La logique des choses).
LƯỢC-BIÊN	Rút những đều đại khái biên ra mà thôi (Résumé).
LƯU-HUYẾT	Có gan, dẫu đồ máu không sợ (Brave, courageux).
LÝ-TÀI	Cuộc sanh lợi (Question économique).

MẬU-DỊCH	Đổi chác, mua bán (Échange, vente).
MỤC-ĐÍCH	Chỗ phải nói, phải ngó mà làm cho trúng (But, principe).
NAM-KÝ CÔNG-BÁO	Nhựt trình của Chánh-Phủ Nam-ký để cáo báo lệ luật cho dân hay (Bul- letin administratif de la Cochinchine)
NẪO-CÂN	Óc gân (Cervelet, nerfs).
NGUYỄN-DƯƠNG	Con thú giống như con nai ở miền hàng-đạo, hương bắc Âu-Châu và Á-Châu (Renne).
NGHỊ-CHÁNH	Nghị việc chánh-trị (Légiférer).
NGHĨA-SĨ-TỬ	Miếu thờ mấy người Annam tử chiến bên Tây của ông Nguyễn-văn-Cửa đang xin lập tại Saigon (Panthéon).
NGHIÊN-CỨU	Xem xét kỹ lưỡng (Étudier, appro- fondir).
NHIỆT-THÀNH	Nóng nảy muốn cho mau nên việc (Chaud partisan).
NIẾT-TY	Ty thuộc bên tòa án (Service judiciaire).
NÔNG-NGHIỆP	Nghề làm ruộng trồng cây (Agri- culture.)
PHẢN-ĐỐI	Cải lầy nói trái (contrarier).
PHÁT-HIỆN	Trở sanh (Apparaître, naître).
PHÊ-CHUẨN	Phê cho (Approbation).
PHỄ-ĐẾ	Bỏ vua (Renverser la royauté).
PHỄ-THOÁT	Hủy, bỏ (Abroger).
PHI-CÔNG	Người cỡi máy bay (Aviateur).
PHI-THOÀN	Cái máy bay (Aéroplane, avion).
PHONG-VÂN-HỘI	Cơ hội may mắn và lớn lao (Circonstance heureuse et importante)
PHÙ-HIỆP	Trùng với nhau, ăn với nhau (Coïncider.)
QUẢN-LÝ	Người lãnh phần coi sóc một sở chi (Gérant, directeur).
QUÂN-LUẬT	Luật trị binh lính (Code militaire).
QUÊ-HƯƠNG, QUÊ-VỰC	Chỗ mình sanh trưởng (Patrie).

QUI-MÔ	Phép tắc (Règle).
QUỐC-CHÁNH	Việc trị dân trong nước (Administration).
QUỐC-DÂN	Dân trong nước (Peuple, habitants du pays).
QUYỀN	Một phần trong một bộ sách (Livre).
SANH-NHAI	Phương thể làm ăn (Moyen de vivre).
SÁT THÂN THÀNH NHƠN	Liều thân mình cho nên sự nhơn nghĩa (Risquer la vie pour les bonnes actions).
SƠ-BỘ	Còn vụng về (Rudimentaire).
SƠ-THẨM	Tòa sơ, toà xử bực nhứt, còn chống án được (Tribunal de 1 ^{re} instance).
TÀI-NGUYÊN	Nguồn lợi (Source de richesse).
TẤN	Một ngàn cân kí-lô (Tonne).
TẤN-HÓA	Sự mở mang, sự bước tới (Perfectionnement, progrès).
TÀN-VẬT	Vật chôn dưới đất hồi lớp xưa (Débris, fossiles).
TÁNH-LINH	Có trí khôn (Intelligent).
TẬP-CHÍ	Góp mà biên có thứ lớp (Revue).
TẬP-QUÁN THÀNH TỰ NHIÊN	Tập quen rồi hóa thiết (Perfection acquise par habitude).
THIÊN-VĂN	Học việc Trời (Astronomie).
TINH-TẾ	Nhuyễn, mịn và nhẹ (Finesse).
TIỀN-TRÌNH	Việc sẽ đến (Avenir).
THÀNH-THANG	Tên vua đầu nhà Thương (Nom du 1 ^{er} roi de la Dynastie de Thương (Chine).
THẢO-SÁCH	Tờ biên những việc mình bản tính xin làm (Projet).
THẢO GIẢI	Rơm rát (Mauvaise herbe, terme de mépris).
THÂN-ÁI	Thương yêu nhau (Fraternité).
THÀNH-TỰU	Làm nên việc (Réaliser).
THẾ-KỶ	Một đời, 100 năm (Siècle).
THIÊN-LÝ-CẢNH	Kiến để coi xa (Télescope, longue vue)

THIÊN-TƯỢNG	Cảnh trời (Firmament, espace).
THIỆN-DUỞNG	Khéo nuôi, tiếp đãi tử-tế (Bien servir).
THIỆT-HÀNH	Còn thi hành được, phai thi hành theo (En vigueur).
THIỆT-NGHIỆP	Nghề rông (Profession).
THÍNH-TỪNG	Nghe theo, làm theo (Se soumettre, obtempérer).
THỊ-TRƯỜNG	Chỗ buôn bán các thứ văn-khế (Bourse de commerce).
THỐNG-NGỰ	Trị hết thủy (Régner).
THỜI-ĐỢI	Đời lúc (Epoque).
THỒI-HÓA	Thục lui lại (Revenir à l'état d'ignorance).
THÔN-TỊCH	Trong chỗ quê mùa (Dans la campagne).
THUỘC-ĐỊA	Xứ thuộc về một nước kia cai trị (Colonie).
THỦ-NGŨ	Hội nghị việc phòng ngừa nước nhà (Conseil de défense).
THỦ-TRƯỞNG	Người làm đầu (Chef).
THỰC-DÂN	Phép hóa dân nơi mấy xứ Thuộc-địa (Coloniser).
THƯƠNG-CHÁNH	Sở thuế ngoại-ngạch như thuế muối, thuế rượu, v. v... (Douanes et Régies).
THÚ-Y HỌC-HIỆU	Trường học cho thuốc thú vật (Ecole vétérinaire).
THƯƠNG-TRƯỜNG	Chỗ buôn bán (Bourse de commerce)
TIỂU-DÂN	Bài tựa (Préface).
TÍNH TOÁN TÀI PHÂN	Buôn bán không lầm lỗi, ruồi lỗ vốn không thể trả nợ, nên xin phép tòa biên hết hàng hóa giảo giá bán dặng lấy tiền mà chia cho các chủ nợ (Liquidation judiciaire).
TINH-THẦN	Rất rông, rất sáng (Esprit).
TỜ LỘ-PHIẾU	Giấy thông-hành (Passeport).
TỐI-HẬU THƠ	Thơ rốt chót hết gởi cho nước muốn nghịch với mình (Ultimatum).

TÒA KHỔNG CÁO	Tòa trên tục kêu tòa hai mươi Saigon (Cour d'appel).
TỔ TỤNG	Cách thế kiện thưa (Procédure).
TỘI ĐẢO TRƯỞNG	Khi người buôn bán lầm lỗi làm lỗ vốn không tiền mà trả nợ, thì bị tội ấy (Banqueroute simple).
TÒN-CHỈ	Ý cội rễ (Principe).
TÒN-GIÁO	Giòng dõi dạy dỗ một sự tinh nào (Religion).
TRÀU-NƯỚC	Loài thú giống trâu, không sừng, mỏ lớn, bây giờ bên Phi-châu còn giống đó mà thôi (Hippopotame).
TRÍ-TRÍ	Biết tốt lẽ (Vaste connaissance).
TRÌNH-ĐỘ	Bực cao thấp (Degré, niveau).
TRUẤT LỄ	Lễ thương xót thăm viếng nước giao thiệp với mình khi có giặc (Châu-lễ) (Mission envoyée pour consoler une nation en temps de guerre.)
TRƯỜNG CAO-ĐẲNG	Trường lớn để dạy học trò ra làm giáo sư (Ecole supérieure de pédagogie).
SƯ-PHẠM	
TRƯỜNG PHÁP-LUẬT	Trường dạy pháp-luật về việc hình-trị và chánh-trị (Ecole de Droit et d'Administration).
VÀ CHÁNH-TRỊ	
TRƯỜNG NÔNG-LÂM	Trường dạy làm ruộng, làm rừng (Ecole d'Agriculture et de sylviculture)
TRƯỜNG THƯƠNG-CỔ	Trường dạy buôn bán (Ecole de Commerce).
TU-CẢI	Sửa lại (Modifier).
TU-BỒN	Tiền vốn (Capital).
TỰ LAO	Thờ kẻ có công (Culte des Glorieux)
TỰ-TRỊ	Mình trị lấy mình (Se gouverner).
TƯƠNG-TƯỢNG	Lộn lạo với nhau (Assimilation).
UU-MẠNH	Tên Mạnh hát bội, Sở Trang-Vương yêu dùng (L'acteur Ưu-Mạnh était le favori du Roi Trang-Vương de Sở).
VĂN-ÁN	Phòng coi về việc đơn án (tục kêu là phòng Lục-sự (Grefte).

VĂN-TỰ	Chữ viết (Ecriture).
VẤN-ĐỀ	Câu hỏi (Question, problème).
VỊ HOÀN	Chưa hết, còn nữa, sẽ tiếp theo (A suivre).
VIỄN LỰ	Lo xa (Prévoyant).
VƯU-THƠ	Sở trạm, sở đi thư (Service postal).
XA-CÔNG	Tiếng kêu ông Xa-rô (M. Sarraut).
XUẤT-DƯƠNG	Xuất cảng, chở ra khỏi cửa biển nước mình (Exportation).
XUNG-TỤNG	Khen ngợi (Admirer).
Y-KHOA HỌC-HIỆU	Trường học làm thuốc (Ecole de Médecine).
YẾU-DỤNG	Sự cần dùng, rất cần dùng (Besoin, nécessité).



*P. le Directeur-Gérant,
L'Administrateur-Délégué*

N. D. Dau

87 Rue d'Espagne Saigon

MỸ KỸ

Tiệm họa chơn dung và khắc con dấu
Ở đường Ture, số 16

Ngang nhà hàng **MOTTET**, Saigon

Kính cáo cùng quý khách đặng hay, tại tiệm tôi có làm
mả đá bằng đá *Cẩm thạch*, đá *xanh Tonkin*, có đủ các
kiểu.

Có khắc con dấu bằng đồng, mũ thun, bằng cây, chạm
bằng đồng cùng hoa điều thảo mộc theo lá nhân hiệu, vân vân.
Mộ bia chạm bằng đá cẩm thạch.

Có thợ họa chơn dung, *nhắm hình người* mà vẽ bằng dầu
sơn vô bố, nước thuốc, mực Tàu, viết chì than, họa biên
liền và tranh, họa sơn thủy.

NAM-HÔNG-PHÁT

KHÁCH SẠN

ở đường *Boulevard Bonnard*, số 106, ngang *Gare xe lửa nhỏ Saigon-Govap*, tại chợ mới Saigon.

Bán rượu tây và sữa xe máy, đèn essence và đèn alcool.
Có cho mượn phòng ngủ sạch sẽ rộng mát, giá rẻ;
Quý-quan, Quý-khách ở xa muốn mua bất-câu vật chi thì tôi mua
giùm, niềm kỹ lưỡng gởi tới chỗ ở mấy ông.

HUỲNH-HUỆ-KÝ

TRƯỚC KHI MUA XE MÁY

Thì quý-vị nên đến tiệm

Lục - tỉnh - lâu

Thì quý-vị ắc chọn đặng hiệu xe **EMBLEM** và **MEAD**
Tốt đẹp, chắc chắn và giá rẻ hơn các nơi

Đường *Espagne*, số 48, góc Chợ-mới, Saigon
TRẦN-QUAN-NGHIÊM.

NAM-ĐỒNG-LỢI

56, Rue Viénot, Saigon

Hiệu **Nam-đồng-Lợi**, là của hảng Annam của hội Nam-kỳ Cơ-tư-phương-chức-công-ty, lập ra mà bán đủ các thứ. Hàng-Bắc, Hàng-Tàu, Hàng-Tây, Nón casques, Valises.

Bố may mừng Annam dệt rẻ và chắc.

Ổng súc thao, xuy bạc, ô trơn, ô chạm vân vân.

Vỏng gai, trà ướp sen, ướp thủy-tiên.

May quần áo Annam.

May áo quần Tây; đồ trắng, đồ kaki, áo chemises, blouses.

Bán thiệt giá — may mau ăn công rẻ — có mướn được thợ giỏi.

Xin mời qui khách đồng-bang tới xem chơi.

BÙI-QUANG-CHIÊU.

Tiệm khắc con dấu bằng đồng và bản đồng

TANG-VAN-PHA

49, Rue d'Espagne, 49.

SAIGON.

Tiệm bán nón và giày theo kiểu Lăng-sa

LIÊU-HIÊN

51, Rue d'Espagne, 51.

SAIGON.

am-
hư.
s.

ses.
trợc

==

==

